Rạng Đông

CATALOGUE
LED 2026



Hotline: 19002098

NHÀ THÔNG MINH RẠNG ĐÔNG
SMART HOME

RalliSmart

Nhà thông minh Rạng Đông

Biến thiết bị thông thường thành thông minh



MỤC LỤC

NHÓM SẢN PHẨM WIFI

Công tắc cảm ứng....5
Điều khiển từ xa....8
Công tắc cơ....9
Công tắc 2 chiều không dây....10
Chuông báo động thông minh....11
Ổ cắm Wifi đơn....11
Ổ cắm kéo dài....11
Công tắc chuyển mạch....12
Bộ đèn LED cảm biến thông minh....12

NHÓM SẢN PHẨM CẢM BIẾN

Đèn LED ốp trần....14
Đèn LED gắn tường....15
Đèn LED cảm biến chuyển động - đèn ngủ....16
Đui đèn, công tắc, đèn LED gương....17

NHÓM SẢN PHẨM ĐỔI MÀU

Đèn LED ốp trần....19
Bộ đèn LED M36....24
Đèn LED panel tròn....24
Đèn LED downlight....28
Đèn LED panel, chiếu pha, LED dây, ốp tường....38

NHÓM SẢN PHẨM DỰ PHÒNG

Đèn LED chỉ dẫn - khẩn cấp....39

NHÓM SẢN PHẨM PHỔ THÔNG

Bóng đèn LED bulb....42
Bóng đèn LED tube....50
Bộ đèn LED tube....51
Đèn LED downlight....55
Đèn LED ốp trần....68
Đèn LED panel....77
Đèn LED dây....85
Đèn LED gắn tường....90
Đèn LED ốp tường....89
Bộ đèn LED M26/M28.V2....93
Bộ đèn LED M36/M56....94
Bộ đèn LED M38, M66....95
Bộ đèn LED tube chống ẩm....96
Bộ đèn LED linear....98
Bộ LED highbay....100
Bộ đèn LED chiếu pha....105
Đèn LED tracklight....113
Đèn LED chiếu sáng đường....118
Đèn bắt muỗi....125
Vợt bắt muỗi....126
Đèn LED pin đội đầu....126
Công tắc cảm ứng....128
Ổ cắm....129
Mặt công tắc ổ cắm....132
Hạt chiết áp, công tắc....132
Hạt ổ cắm....133
Aptomat ngắn mạch MCB....134
Aptomat chống giật RCBO....137
Aptomat thông minh MCB....138
Aptomat gia dụng HB....138
Tủ aptomat....139

NHÓM SẢN PHẨM LED CHIẾU SÁNG HỌC ĐƯỜNG

Bộ đèn LED tube chiếu sáng lớp học....142
Bộ đèn LED chiếu sáng lớp học....143
Bộ đèn LED tube chiếu sáng bảng....144
Bộ đèn LED chiếu sáng bảng....145

NHÓM SẢN PHẨM LED NLMT

Đèn LED chiếu pha....147
Đèn LED chiếu sáng đường....151
Đèn LED ốp trần....157
Đèn LED chiếu sáng cảnh quan....158
Bộ lưu điện....159

ĐÈN BÀN LED BẢO VỆ THỊ LỰC

Đèn bàn LED cảm ứng bảo vệ thị lực....161
Đèn bàn LED bảo vệ thị lực....162
Đèn bàn LED bảo vệ thị lực CRI95 8W....163

CHỨNG CHỈ - CHỨNG NHẬN

....164

LED 4.0 | LED Signature | LED Premium | LED NORMA

NHÓM SẢN PHẨM
ĐIỀU KHIỂN BẰNG WIFI



ĐIỀU KHIỂN BẰNG GIỌNG NÓI

ĐẶT LỊCH & HẸN GIỜ

ĐIỀU KHIỂN THAY ĐỔI MÀU ÁNH SÁNG

ĐIỀU KHIỂN THEO KỊCH BẢN

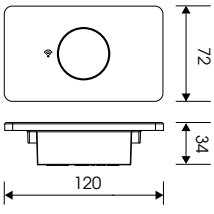
SỬ DỤNG CHUẨN KHÔNG DÂY WIFI

CÔNG TẮC **CẢM ỨNG WIFI**

CTCU.WF CN.01T



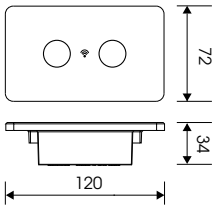
- Điều khiển từ xa
- Hẹn Giờ
- Thiết lập kịch bản.



CTCU.WF CN.02T



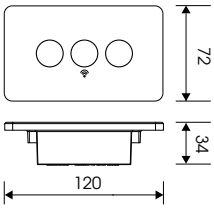
- Điều khiển từ xa
- Hẹn Giờ
- Thiết lập kịch bản.



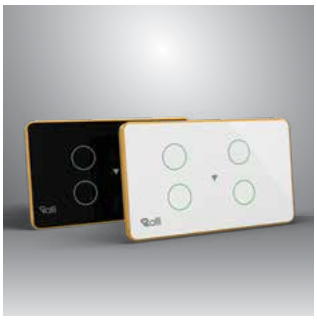
CTCU.WF CN.03T



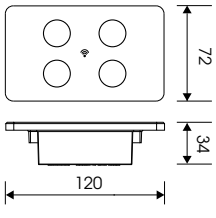
- Điều khiển từ xa
- Hẹn Giờ
- Thiết lập kịch bản.



CTCU.WF CN.04T



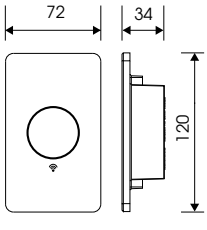
- Điều khiển từ xa
- Hẹn Giờ
- Thiết lập kịch bản.



CTCU.WF CN.01T MN



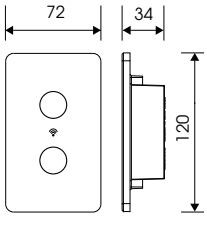
- Điều khiển từ xa
- Hẹn Giờ
- Thiết lập kịch bản.



CTCU.WF CN.02T MN



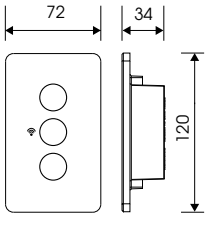
- Điều khiển từ xa
- Hẹn Giờ
- Thiết lập kịch bản.



CTCU.WF CN.03T MN



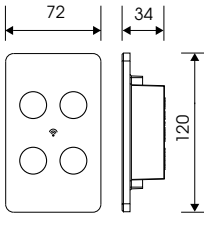
- Điều khiển từ xa
- Hẹn Giờ
- Thiết lập kịch bản.



CTCU.WF CN.04T MN



- Điều khiển từ xa
- Hẹn Giờ
- Thiết lập kịch bản.

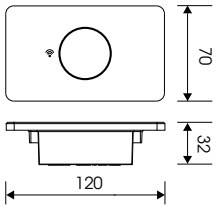


Model	Công suất	Điện áp	Dải điện áp hoạt động	Nhiệt độ làm việc	Số lần tắt bật	Cấp bảo vệ	Chuẩn điều khiển	Kích thước
	W	V/Hz	V	°C	lần			mm
CTCU.WF CN.01T	3000	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	Wi-Fi	120x72x34
CTCU.WF CN.02T	300/nút	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	Wi-Fi	120x72x34
CTCU.WF CN.03T	300/nút	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	Wi-Fi	120x72x34
CTCU.WF CN.04T	300/nút	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	Wi-Fi	120x72x34
CTCU.WF CN.01T MN	3000	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	120x72x34
CTCU.WF CN.02T MN	300/nút	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	120x72x34
CTCU.WF CN.03T MN	300/nút	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	120x72x34
CTCU.WF CN.04T MN	300/nút	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	120x72x34

CTCU.WF CN.01T.2W.SP



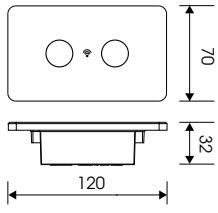
- Điều khiển từ xa bằng smarphone
- Điều khiển hẹn Giờ
- Thiết lập kịch bản
- Điều khiển từ xa thông qua công tắc hai chiều không dây



CTCU.WF CN.02T.2W.SP



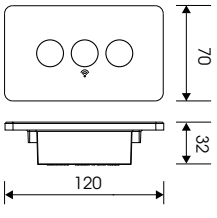
- Điều khiển từ xa bằng smarphone
- Điều khiển hẹn Giờ
- Thiết lập kịch bản
- Điều khiển từ xa thông qua công tắc hai chiều không dây



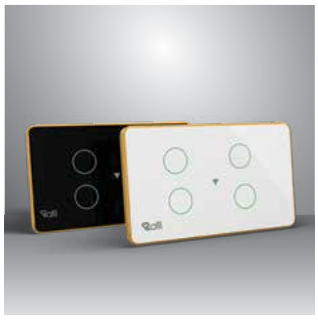
CTCU.WF CN.03T.2W.SP



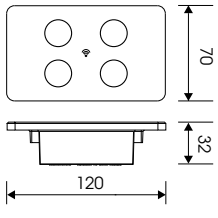
- Điều khiển từ xa bằng smarphone
- Điều khiển hẹn Giờ
- Thiết lập kịch bản
- Điều khiển từ xa thông qua công tắc hai chiều không dây



CTCU.WF CN.04T.2W.SP



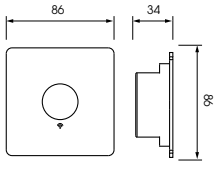
- Điều khiển từ xa bằng smarphone
- Điều khiển hẹn Giờ
- Thiết lập kịch bản
- Điều khiển từ xa thông qua công tắc hai chiều không dây



CTCU.WF V.01



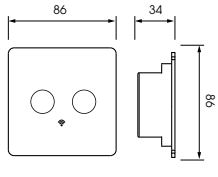
- Điều khiển từ xa
- Hẹn Giờ
- Thiết lập kịch bản.



CTCU.WF V.02



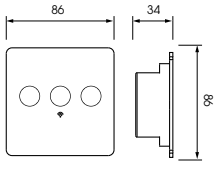
- Điều khiển từ xa
- Hẹn Giờ
- Thiết lập kịch bản.



CTCU.WF V.03



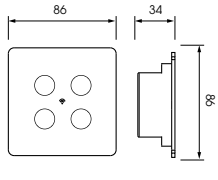
- Điều khiển từ xa
- Hẹn Giờ
- Thiết lập kịch bản.



CTCU.WF V.04



- Điều khiển từ xa
- Hẹn Giờ
- Thiết lập kịch bản.

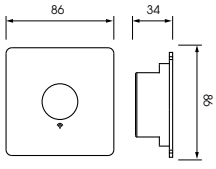


Model	Công suất	Điện áp	Dải điện áp hoạt động	Nhiệt độ làm việc	Số lần tắt bật	Cấp bảo vệ	Chuẩn điều khiển	Kích thước
	W	V / Hz	V	°C	lần			mm
CTCU.WF CN.01T.2W.SP	3000	220 / 50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	120x70x32
CTCU.WF CN.02T.2W.SP	300 / nút	220 / 50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	120x70x32
CTCU.WF CN.03T.2W.SP	300 / nút	220 / 50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	120x70x32
CTCU.WF CN.04T.2W.SP	300 / nút	220 / 50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	120x70x32
CTCU.WF V.01	3000	220 / 50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	86x86x34
CTCU.WF V.02	300 / nút	220 / 50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	86x86x34
CTCU.WF V.03	300 / nút	220 / 50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	86x86x34
CTCU.WF V.04	300 / nút	220 / 50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	86x86x34

CTCU.WF V.01T MN



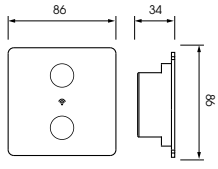
- Điều khiển từ xa
- Hẹn Giờ
- Thiết lập kịch bản.



CTCU.WF V.02T MN



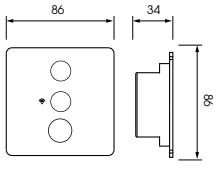
- Điều khiển từ xa
- Hẹn Giờ
- Thiết lập kịch bản.



CTCU.WF V.03T MN



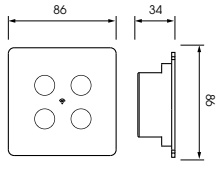
- Điều khiển từ xa
- Hẹn Giờ
- Thiết lập kịch bản.



CTCU.WF V.04T MN



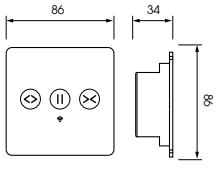
- Điều khiển từ xa
- Hẹn Giờ
- Thiết lập kịch bản.



CTCU.WF V.REMT



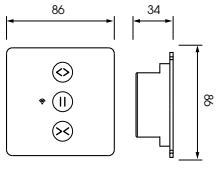
- Đóng cắt rơ-le để gửi tín hiệu điều khiển rơ-le của mô-tơ.
- Điều khiển từ xa
- Điều khiển hẹn Giờ
- Thiết lập kịch bản



CTCU.WF V.REM MN



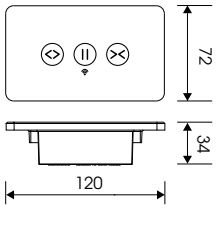
- Đóng cắt rơ-le để gửi tín hiệu điều khiển rơ-le của mô-tơ.
- Điều khiển từ xa
- Điều khiển hẹn Giờ
- Thiết lập kịch bản



CTCU.WF CN.REMT



- Điều khiển từ xa
- Hẹn Giờ
- Thiết lập kịch bản.



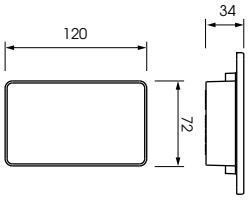
Model	Công suất	Điện áp	Dải điện áp hoạt động	Nhiệt độ làm việc	Số lần tắt bật	Cấp bảo vệ	Chuẩn điều khiển	Kích thước
	W	V/Hz	V	°C	lần			mm
CTCU.WF V.01T MN	3000	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	86x86x34
CTCU.WF V.02T MN	300/nút	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	86x86x34
CTCU.WF V.03T MN	300/nút	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	86x86x34
CTCU.WF V.04T MN	300/nút	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	86x86x34
CTCU.WF V.REMT	300	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	86x86x34
CTCU.WF V.REM MN	300	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	86x86x34
CTCU.WF CN.REMT	300	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	Wi-Fi	120x72x34

CÔNG TẮC **CẢM ỨNG CỬA CUỐN THÔNG MINH**

CTCU.WF CN.DOT



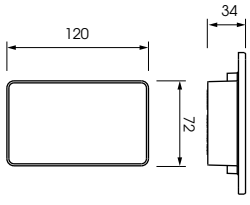
- Đóng cắt rơ-le để gửi tín hiệu điều khiển rơ-le của mô-tơ.
- Điều khiển từ xa
- Điều khiển hẹn Giờ
- Thiết lập kịch bản
- Chế độ khóa cảm ứng an toàn



CTCU.WF CN.DOT MN



- Đóng cắt rơ-le để gửi tín hiệu điều khiển rơ-le của mô-tơ.
- Điều khiển từ xa
- Điều khiển hẹn Giờ
- Thiết lập kịch bản
- Chế độ khóa cảm ứng an toàn



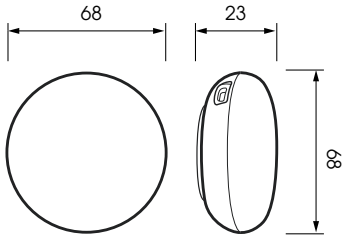
Model	Điện áp	Dải điện áp hoạt động	Nhiệt độ làm việc	Số lần tắt bật	Cấp bảo vệ	Chuẩn điều khiển	Kích thước
	V / Hz	V	°C	lần			mm
CTCU.WF CN.DOT	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	120x72x34	120x72x34
CTCU.WF CN.DOT MN	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	120x72x34	120x72x34

ĐIỀU KHIỂN TỪ XA **ĐA NĂNG THÔNG MINH**

ĐK01.IR WF



Nguồn cung cấp (V)	5V / 1A
Hướng điều khiển	Đa hướng
Khoảng cách điều khiển thiết bị (m)	4÷8
Dải nhiệt độ hoạt động	0 ÷ 50
Kích thước (mm)	68x23
Khối lượng (gr)	60



BỘ ĐIỀU KHIỂN TỪ XA **ĐA NĂNG THÔNG MINH**

ĐK01.IR.RF.WF



Nguồn cung cấp (V)	5V / 1A
Hướng điều khiển	Đa hướng
Khoảng cách điều khiển thiết bị (m)	≤ 8
Dải nhiệt độ hoạt động	-10 ÷ 40
Kích thước (mm)	68x23

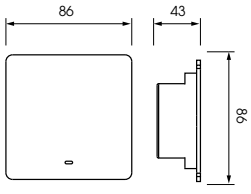
- Điều khiển các thiết bị sử dụng sóng hồng ngoại và sóng RF qua App như: tivi, điều hòa, quạt, đèn.... từ xa trên smartphone qua app Rạng Đông Smart và RalliSmartV2
  - Hẹn Giờ bật tắt
  - Thiết lập kịch bản
  - Khả năng học lệnh từ nhiều điều khiển, điều khiển chính xác với góc phát 360 độ

CÔNG TẮC **CƠ WIFI**

CTC.WF V1.01



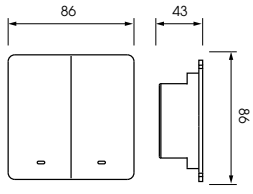
- Điều khiển từ xa
- Hẹn Giờ
- Thiết lập kịch bản.



CTC.WF V1.02



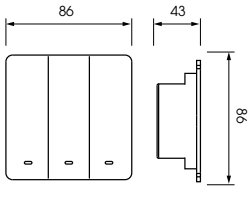
- Điều khiển từ xa
- Hẹn Giờ
- Thiết lập kịch bản.



CTC.WF V1.03



- Điều khiển từ xa
- Hẹn Giờ
- Thiết lập kịch bản.

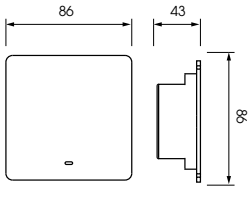


CÔNG TẮC **2 CHIỀU WIFI**

CTC2C.WF V1.01



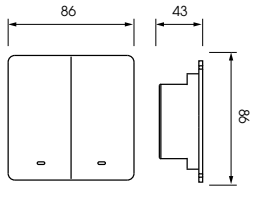
- Điều khiển từ xa
- Điều khiển hẹn Giờ
- Thiết lập kịch bản
- Điều khiển từ xa thông qua công tắc hai chiều không dây



CTC2C.WF V1.02



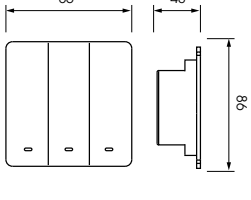
- Điều khiển từ xa
- Điều khiển hẹn Giờ
- Thiết lập kịch bản
- Điều khiển từ xa thông qua công tắc hai chiều không dây



CTC2C.WF V1.03



- Điều khiển từ xa
- Điều khiển hẹn Giờ
- Thiết lập kịch bản
- Điều khiển từ xa thông qua công tắc hai chiều không dây



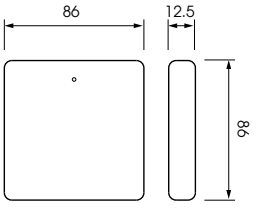
Model	Công suất	Điện áp	Dải điện áp hoạt động	Nhiệt độ làm việc	Số lần tắt bật	Cấp bảo vệ	Chuẩn điều khiển	Kích thước
	W	V/Hz	V	°C	lần			mm
CTC.WF V1.01	3000	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	86x86x43
CTC.WF V1.02	300/nút	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	86x86x43
CTC.WF V1.03	300/nút	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	86x86x43
CTC2C.WF V1.01	3000	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	86x86x43
CTC2C.WF V1.02	300/nút	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	86x86x43
CTC2C.WF V1.03	300/nút	220/50	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	WIFI	86x86x43

CÔNG TẮC **2 CHIỀU KHÔNG DÂY**

CT2C V1.01



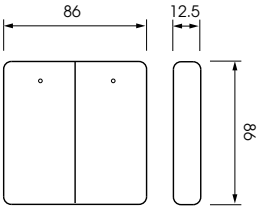
Nguồn cấp	Mạch tự phát năng lượng
Chuẩn kết nối	Bluetooth
Khoảng cách kết nối (m)	50
Dải nhiệt độ hoạt động (˚C)	-10÷40
Kích thước (mm)	86x86x12.5



CT2C V1.02



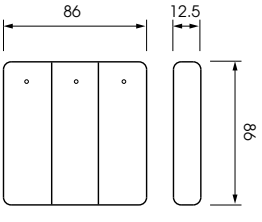
Nguồn cấp	Mạch tự phát năng lượng
Chuẩn kết nối	Bluetooth
Khoảng cách kết nối (m)	50
Dải nhiệt độ hoạt động (˚C)	-10÷40
Kích thước (mm)	86x86x12.5



CT2C V1.03



Nguồn cấp	Mạch tự phát năng lượng
Chuẩn kết nối	Bluetooth
Khoảng cách kết nối (m)	50
Dải nhiệt độ hoạt động (˚C)	-10÷40
Kích thước (mm)	86x86x12.5



CẢM BIẾN **KHÓI**

CB11.SM.WF



Nguồn cấp	Pin CR123A
Cường độ âm báo (dB/m)	≥ 85
Dải nhiệt độ hoạt động (độ C)	-10÷50
Kích thước (mm)	86x32

- Thiết lập ngữ cảnh liên kết cảm biến với các thiết bị khác như còi báo, vòi phun nước cứu hỏa...
- Cài đặt nhận thông tin cảnh báo từ cảm biến khói theo thời gian thực. Hiển thị trên App qua smartphone

CHUÔNG BÁO ĐỘNG **THÔNG MINH**

CBĐ01.WF



Nguồn cấp	Adapter 5VDC
Cường độ âm báo (dB/m)	95 ÷ 115
Dải nhiệt độ hoạt động (độ C)	-10 ÷ 50
Kích thước (mm)	80x35

- Thiết lập ngữ cảnh liên kết chuông báo với các thiết bị khác như cảm biến, cơ cấu chấp hành...
- Cài đặt phát âm thanh cảnh báo từ hệ thống theo thời gian thực/Điều khiển qua App/Ngữ cảnh thiết lập.
- Hiển thị, điều khiển thiết bị trên App qua smartphone.

Ổ CẮM **WIFI ĐƠN**

OC.01.WF 16W



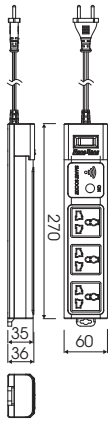
Điện áp nguồn danh định:	220V/50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Dòng điện ổ cắm tối đa:	16 A
Số chu kỳ bật tắt:	100 000 lần
Dải nhiệt độ hoạt động:	(-10÷40) °C
Kích thước:	(63x44x49) mm

- Kết nối không dây Wifi.
- Điều khiển từ xa qua Internet.
- Điều khiển theo kịch bản.
- Đặt lịch & Hẹn Giờ.
- Phần mềm điều khiển cài đặt trên smartphone tương thích với cả Hệ điều hành Androi và IOS.

Ổ CẮM KÉO DÀI **ĐIỀU KHIỂN WIFI**

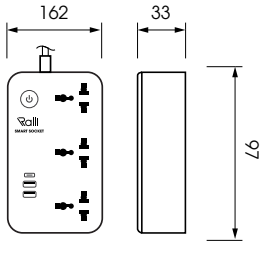
OC02.WF 3C/3M/10A





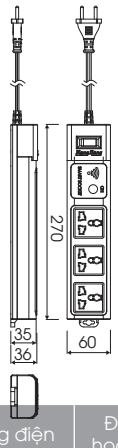
OC08.WF.USB 3C/10A





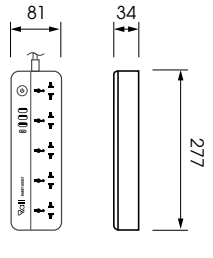
OC02.WF 3C/5M/10A





OC09.WF.USB 5C/10A





Model	Công suất	Dòng điện max	Điện áp hoạt động max	Chuẩn điều khiển	Dải nhiệt độ hoạt động	Chiều dài dây	Kích thước
	W	A	V		°C	m	mm
OC02.WF 3C/3M/10A	2500	10	150÷250	Wi-Fi	-10÷45	3	270x60x35
OC02.WF 3C/5M/10A	2500	10	150÷250	Wi-Fi	-10÷45	5	270x60x35
OC08.WF.USB 3C/10A	2500	10	100÷250	WIFI	-10÷40	2	162x97x33
OC09.WF.USB 5C/10A	2500	10	100÷250	WIFI	-10÷40	2	277x81x34

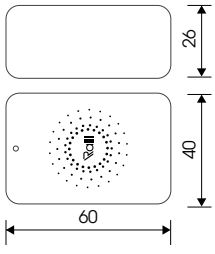
CÔNG TẮC **CHUYỂN MẠCH**

CT.WF.ON/OFF



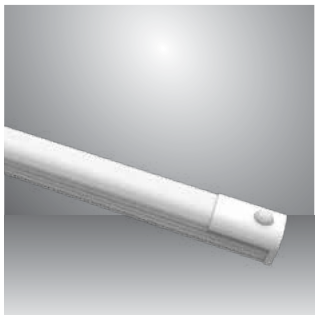
Công suất không tải (W)	0.55
Điện áp (V/Hz)	220/50-60
Dải nhiệt độ hoạt động (độ C)	-10 ÷ 45
Điện áp hoạt động (V)	150÷250
Dòng điện max (A)	10
Kích thước (mm)	60x40x26

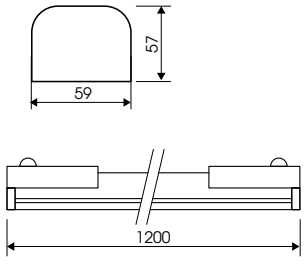
- Kết nối thiết bị với điện thoại thông minh qua app Rang Dong Smart, dễ dàng quản lý, sử dụng
- Tính năng "bắt điểm không" giúp nâng cao tuổi thọ thiết bị và gia tăng độ tin cậy của sản phẩm.



BỘ ĐÈN LED **CẢM BIẾN THÔNG MINH**

PKL.PIR.BLE 1200/40W (DIM)

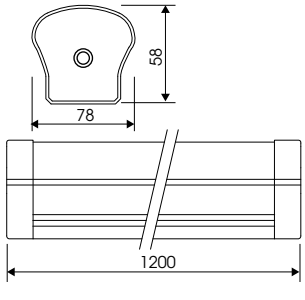




- Thay đổi công suất đèn qua App hoặc tự động thay đổi theo cảm biến.
- Khi phát hiện có chuyển động trong vùng hoạt động của cảm biến, đèn sáng theo mức đã cài đặt đồng thời kích hoạt tới nhóm đèn đã được cấu hình.
- Khi không phát hiện chuyển động, sau thời gian giữ sáng được cài đặt đèn tự động chuyển về mức đã cài đặt.
- Phạm vi phát hiện chuyển động (m):
  <7 (Có thể điều chỉnh qua App).
- Thời gian giữ sáng (s):
  - Mặc định: 60
  - Có thể điều chỉnh qua App.
- Cường độ sáng (%):
  - Mặc định: 100 khi có người, 30 khi không có người.
  - Có thể điều chỉnh qua App.

M28.RAD.BLE 1200/40W (DIM)

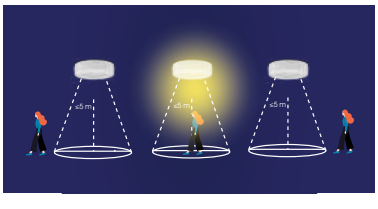




- 2 chế độ hoạt động: Tự động (hoạt động theo cảm biến) và Thủ công (Cài đặt và điều khiển tắt/bật 1 đèn hoặc nhóm đèn qua App).
- Kết nối không dây giữa đèn với App điện thoại và giữa các đèn với nhau.
- Cài đặt và điều khiển 1 đèn hoặc nhóm đèn thông qua App Local Ralli Bluetooth.
- Phạm vi phát hiện chuyển động (m):
  <7 (Có thể điều chỉnh qua App).
- Thời gian giữ sáng (s):
  - Mặc định: 60
  - Có thể điều chỉnh qua App.
- Cường độ sáng (%):
  - Mặc định: 100 khi có người, 30 khi không có người
  - Có thể điều chỉnh qua App.

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Quang thông	Nhiệt độ màu	Cấp bảo vệ	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	lm	K		Giờ	mm
PKL.PIR.BLE 1200/40W (DIM)	40	150÷250	4.000/4.400	3000/6500		25.000	1200x59x57
M28.RAD.BLE 1200/40W (DIM)	40	150÷250	4.000/4.400	3000/6500	IP65	25.000	1200x78x58

NHÓM SẢN PHẨM
CẢM BIẾN





ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng chip LED Hàn Quốc hiệu suất cao, chất lượng ánh sáng tốt và tuổi thọ dài.
- Dải điện áp hoạt động rộng (150÷250)V, đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Hệ số trả màu cao (Ra = 80), ánh sáng trung thực tự nhiên (đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114: 2008).
- Khả năng chống hiệu ứng nhấp nháy ánh sáng (flicker free), không gây mỏi mắt, mang lại cảm giác dễ chịu, bảo vệ mắt người dùng.
- Khả năng chịu xung đột biến điện áp cao, bảo vệ đèn khỏi tác động của các xung điện áp cao gây ra bởi các thiết bị khác (đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 8241-4-5/IEC6100-4-5).
- Nhiệt độ làm việc rộng (-10÷45)°C, phù hợp điều kiện thời tiết nhiệt thời tiết đới gió mùa.

TÍNH NĂNG

- Tích hợp cảm biến RADAR và/hoặc cảm biến PIR và/hoặc cảm biến ánh sáng đèn sẽ tự động bật sáng khi có người và tắt khi người rời đi.

LỢI ÍCH KHI SỬ DỤNG

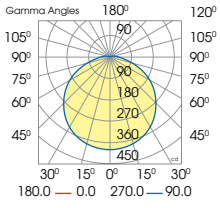
- Tiện nghi: Sử dụng đèn cảm biến là giải pháp hợp lý khi bạn không rảnh tay để bật đèn.
- An ninh: Lắp đèn cảm biến tại cửa, cổng, hiên nhà giúp đảm bảo an ninh cho người và tài sản.
- An toàn: Sử dụng đèn cảm biến sẽ đảm bảo an toàn cho các gia đình có người già và trẻ nhỏ.
- Tiết kiệm điện: Lắp đèn cảm biến tại khu vực không thường xuyên có người qua lại là giải pháp không thể tối ưu hơn.

ĐÈN LED ỐP TRẦN **CẢM BIẾN**

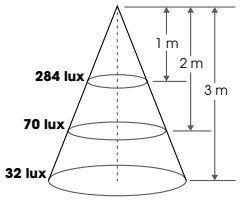


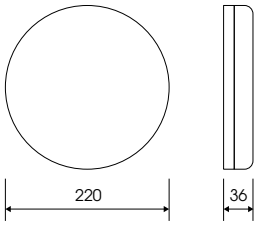
LN12.RAD 220/18W (WC)

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

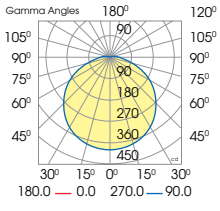




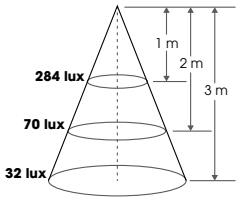


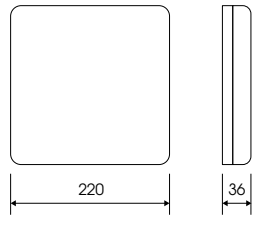
LN12.RAD 220x220/18W (WC)

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

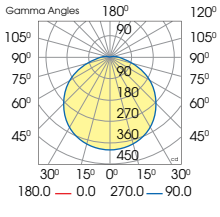




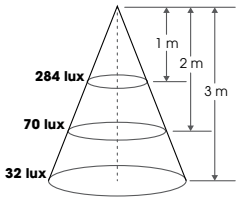


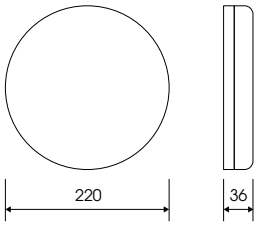
LN12.RAD 220/18W (HL)

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

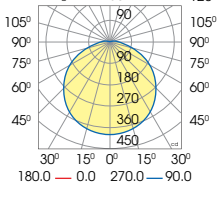




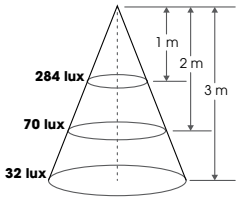


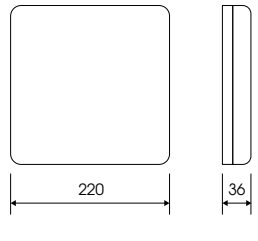
LN12.RAD 220x220/18W (HL)

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Quang thông	Nhiệt độ màu	Góc phát hiện	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	lm	K	độ		Giờ	mm
LN12.RAD 220/18W (WC)	18	150÷250	1260/1400	3000/6500	90x360	80	25000	220x41
LN12.RAD 220x220/18W (WC)	18	150÷250	1260/1400	3000/6500	90x360	80	25000	220x220x41
LN12.RAD 220/18W (HL)	18	150÷250	1260/1400	3000/6500	120x360	80	25000	220x41
LN12.RAD 220x220/18W (HL)	18	150÷250	1260/1400	3000/6500	120x360	80	25000	220x220x41

ĐÈN GẮN TƯỜNG **CẢM BIẾN**

GT16.PIR 180/15W

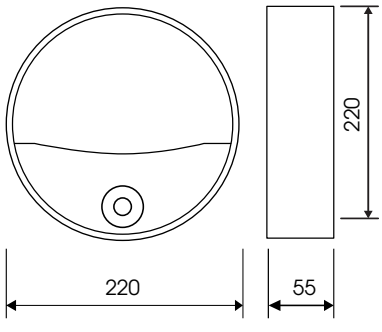


Đèn tích hợp cảm biến hồng ngoại PIR và cảm biến ánh sáng:

- Khi ánh sáng môi trường < 80 lux và phát hiện có chuyển động trong vùng hoạt động của cảm biến, đèn tự động bật sáng, sau 60 ±10 giây nếu không phát hiện chuyển động đèn tự động tắt.
- Khi ánh sáng môi trường > 80 lux, đèn sẽ không tự động bật sáng khi phát hiện có chuyển động trong vùng hoạt động của cảm biến

Khoảng cách phát hiện:

- Gắn tường cao 2-3 m: (2-5) m



GT16.PIR 220x100/15W

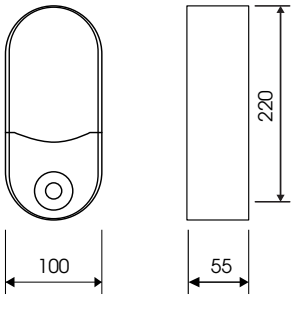


Đèn tích hợp cảm biến hồng ngoại PIR và cảm biến ánh sáng:

- Khi ánh sáng môi trường < 80 lux và phát hiện có chuyển động trong vùng hoạt động của cảm biến, đèn tự động bật sáng, sau 60 ±10 giây nếu không phát hiện chuyển động đèn tự động tắt.
- Khi ánh sáng môi trường > 80 lux, đèn sẽ không tự động bật sáng khi phát hiện có chuyển động trong vùng hoạt động của cảm biến

Khoảng cách phát hiện:

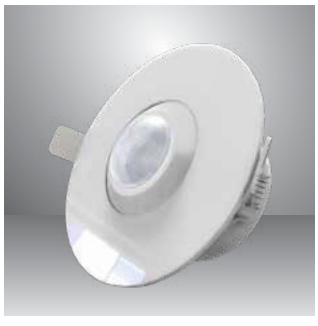
- Gắn tường cao 2-3 m: (2-5) m



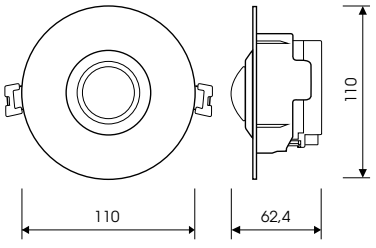
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
GT16.PIR 180/15W	15	150÷250	0.5	63/60	950/900	6500/3000	80	25.000	220x55
GT16.PIR 220x100/15W	15	150÷250	0.5	63/60	950/900	6500/3000	80	25.000	220x100x55

ĐÈN CẢM BIẾN **CHUYỂN ĐỘNG**

CB09.PIR (AC)



- Tự động cấp nguồn cho các thiết bị điện khi phát hiện chuyển động.
- Linh hoạt điều chỉnh thời gian giữ sáng (3 giây đến 15 phút) và khoảng cách phát hiện (3-7 mét) trực tiếp trên sản phẩm"



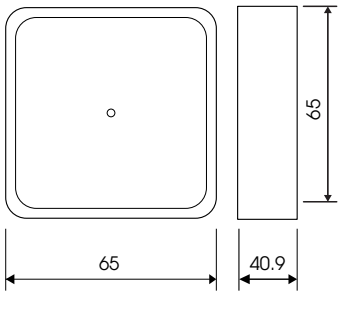
Model	Công suất tải	Dải điện áp hoạt động	Dải nhiệt độ hoạt động	Phạm vi cảm biến	Mức cảm biến ánh sáng	Góc phát hiện chuyển động	Thời gian ngắt mạch không không phát hiện chuyển động	Góc xoay (độ)	Kích thước lỗ khoét trần	Kích thước
	W	V	˚C	m	lux	˚	giây	˚	mm	mm
CB09.PIR (AC)	≤ 300	150÷250	0÷40	<7	80÷120	90/360	3÷900	20	90	110x62.4

ĐÈN NGỦ **CẢM BIẾN**

ĐN02.LS 65x65/0.3W



- Tích hợp tính năng cảm biến ánh sáng
- Có 2 chế độ hoạt động được điều khiển bằng công tắc gạt:
  - + Chế độ On: Đèn luôn sáng sau khi cấp nguồn.
  - + Chế độ Auto: Đèn chỉ sáng khi cấp nguồn và ánh sáng môi trường và cường độ ánh sáng <15 lux.



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Mức cảm biến ánh sáng	Tuổi thọ	Nhiệt độ màu	Dải nhiệt độ hoạt động	Kích thước
	W	V	lux	Giờ	K	độ	mm
ĐN02.LS 65x65/0.3W	0.3	150÷250	< 15	30.000	3000	-10÷40	(65x65x40.9)

ĐUI ĐÈN **CẢM BIẾN**



ĐCB01.PIR E27/300W

Công suất tải	≤ 300 W
Dải điện áp hoạt động	(180÷250) V
Tần số	50 Hz
Kiểu đầu đèn	E27
KL đèn lắp trên đui (Max)	300 g
Thời gian ngắt mạch khi không phát hiện chuyển động	(3-900) giây
Phạm vi cảm biến	(3-6) m
Mức cảm biến ánh sáng	(30-2000) lux
Tuổi thọ	30,000 Giờ
Vật liệu thân	Nhựa ABS
Dải nhiệt độ hoạt động:	(-10÷40) °C
Kích thước	(100x73x64) mm
Tính năng	Điều khiển 1 đèn hoặc 1 đèn kèm 1 thiết bị điện (chuông báo, quạt gió) công suất max 300w

CÔNG TẮC **CẢM BIẾN**



CT01.PIR 300W

Công suất tải	≤ 300 W
Dải điện áp hoạt động	(180÷250) V
Tần số	50 Hz
Thời gian ngắt mạch khi không phát hiện chuyển động	(3-900) giây
Phạm vi cảm biến	(3-6) m
Mức cảm biến ánh sáng	(30-2000) lux
Tuổi thọ	30,000 Giờ
Vật liệu thân	Nhựa ABS
Dải nhiệt độ hoạt động	(-10÷40) °C
Kích thước	(113x70x70) mm
Tính năng	Điều khiển 1 đèn hoặc 1 dãy đèn hoặc thiết bị khác (Chuông báo) có công suất max 300W

ĐÈN LED GƯƠNG **CẢM BIẾN**



G04.PIR 8W

Công suất	8 W
Dải điện áp hoạt động	(150÷250) V
Tần số	50 Hz
Nhiệt độ màu	6500 K/ 3000 K
Quang thông	400 lm
Tuổi thọ	25.000 Giờ
Khoảng cách phát hiện	(1-2) m
Kích thước	(600x125x60) mm
Tính năng	Đèn hoạt động ở 2 chế độ: - Chế độ On (Đèn thường) - Đèn luôn sáng sau khi được cấp nguồn - Chế độ Auto (Đèn cảm biến) - Đèn tự động bật sáng khi phát hiện có người chuyển động trong phạm vi hoạt động của cảm biến. Sau 180s kể từ khi không phát hiện có người chuyển động trong phạm vi hoạt động của cảm biến, đèn sẽ tự động tắt.

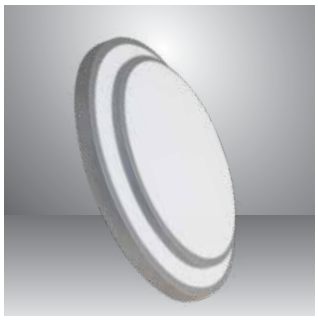


NHÓM SẢN PHẨM
ĐỔI MÀU

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

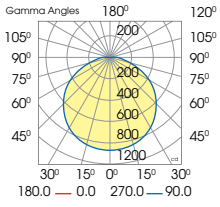
- Sử dụng chip LED Hàn Quốc hiệu suất cao, chất lượng ánh sáng tốt và tuổi thọ dài
- Dải điện áp hoạt động rộng (150÷250)V, đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Hệ số trả màu cao (Ra = 80), ánh sáng trung thực tự nhiên (đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114: 2008).
- Khả năng chống hiệu ứng nhấp nháy ánh sáng (flicker free), không gây mỏi mắt, mang lại cảm giác dễ chịu, bảo vệ mắt người dùng.
- Khả năng chịu xung đột biến điện áp cao, bảo vệ đèn khỏi tác động của các xung điện áp cao gây ra bởi các thiết bị khác (đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 8241-4-5/IEC6100-4-5).
- Nhiệt độ làm việc rộng (-10÷45)°C, phù hợp điều kiện thời tiết nhiệt thời tiết nhiệt đới gió mùa.

ĐÈN LED ỐP TRẦN KHỔ LỚN **ĐỔI MÀU**

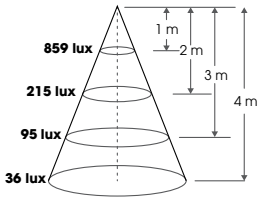


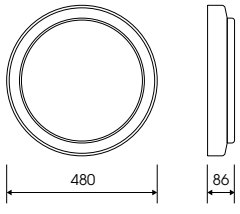
LN16 ĐM 480/40W

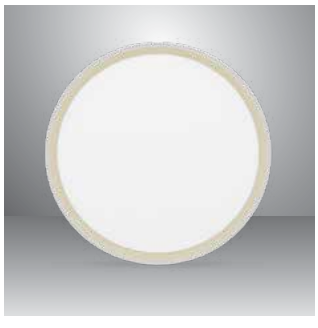
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

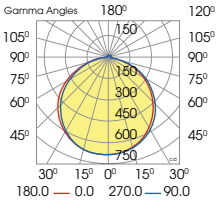




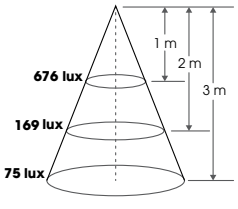


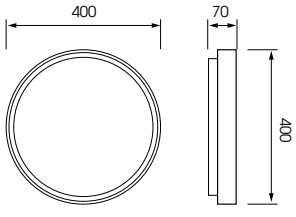
LN28 ĐM 400/40W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





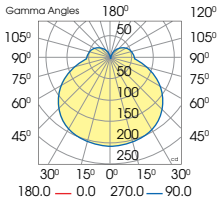
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	Hz	lm	K		Giờ	mm
LN16 ĐM 480/40W	40	150÷250	50	2800/2520/2800	6500/3000/4000	80	25.000	480x86
LN28 ĐM 400/40W	40	150÷250	50	2800/2520/2800	6500/3000/4000	80	30.000	400x70

ĐÈN LED ỐP TRẦN ĐẾ NHÔM **ĐỔI MÀU**

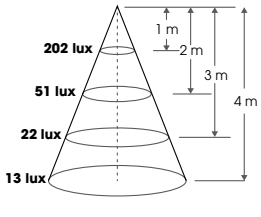


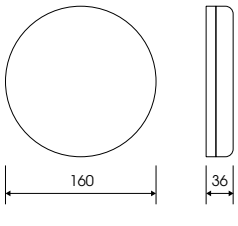
LN12 ĐM 170/15W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

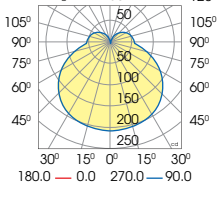




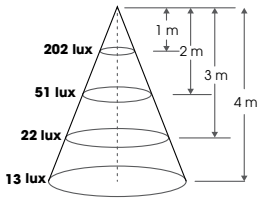


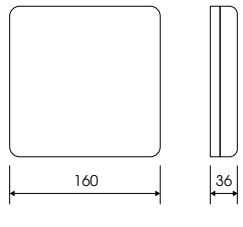
LN12 ĐM 170x170/15W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



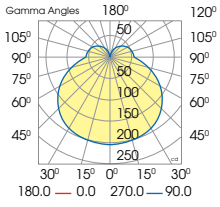


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	Hz	lm	K		Giờ	mm
LN12 ĐM 170/15W	15	150÷250	50	1100/990/1100	6500/3000/4000	80	30.000	160x36
LN12 ĐM 170x170/15W	15	150÷250	50	1100/990/1100	6500/3000/4000	80	30.000	160x160x36

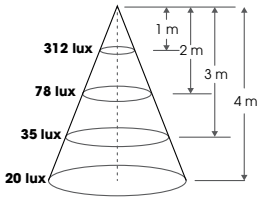


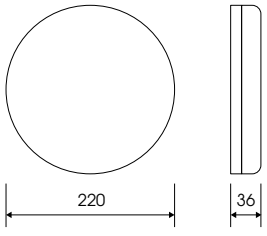
LN12 ĐM 220/22W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

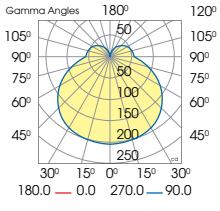




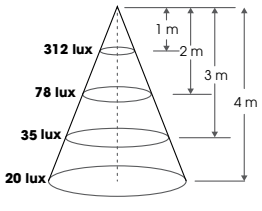


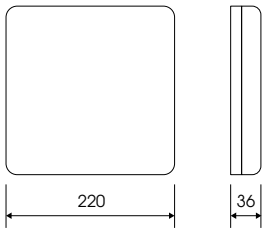
LN12 ĐM 220x220/22W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

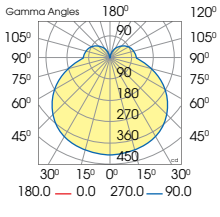




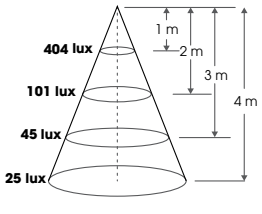


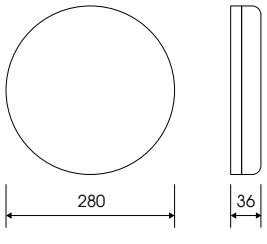
LN12 ĐM 300/30W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

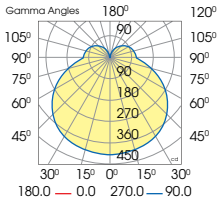




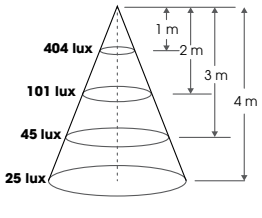


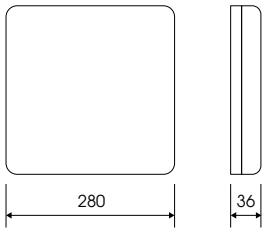
LN12 ĐM 300x300/30W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





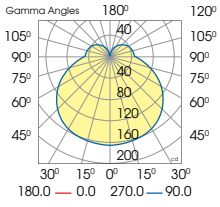
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	Hz	lm	K		Giờ	mm
LN12 ĐM 220/22W	22	150÷250	50	1700/1530/1700	6500/3000/4000	80	30.000	220x36
LN12 ĐM 220x220/22W	22	150÷250	50	1700/1530/1700	6500/3000/4000	80	30.000	220x220x36
LN12 ĐM 300x300/30W	30	150÷250	50	2200/1980/2200	6500/3000/4000	80	30.000	280x36
LN12 ĐM 300/30W	30	150÷250	50	2200/1980/2200	6500/3000/4000	80	30.000	280x280x36

ĐÈN LED ỐP TRẦN ĐẾ NHỰA **ĐỔI MÀU LN12N**

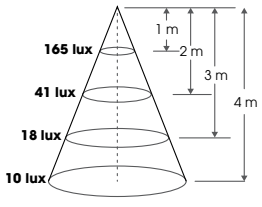


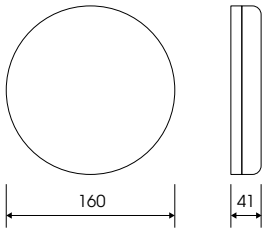
LN12N ĐM 170/12W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

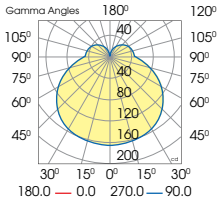




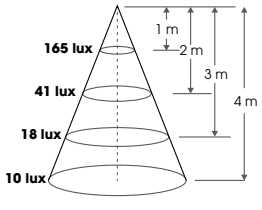


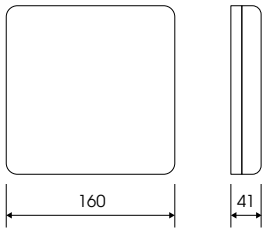
LN12N ĐM 170x170/12W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

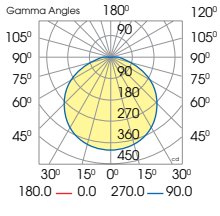




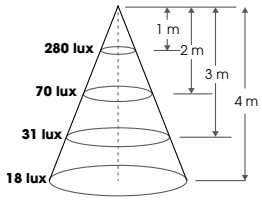


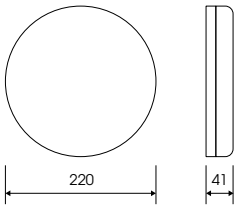
LN12N ĐM 220/18W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

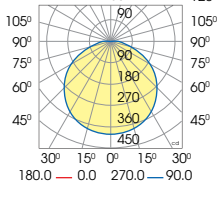




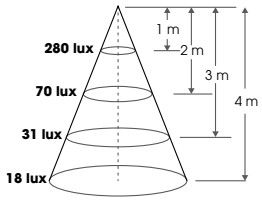


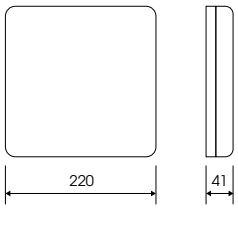
LN12N ĐM 220x220/18W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



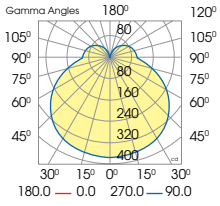


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	Hz	lm	K		Giờ	mm
LN12N ĐM 170/12W	12	150÷250	50	900/810/900	6500/3000/4000	80	25,000	160x41
LN12N ĐM 170x170/12W	12	150÷250	50	900/810/900	6500/3000/4000	80	25,000	160x160x41
LN12N ĐM 220/18W	18	150÷250	50	1400/1260/1400	6500/3000/4000	80	25.000	220x41
LN12N ĐM 220x220/18W	18	150÷250	50	1400/1260/1400	6500/3000/4000	80	25.000	220x220x41

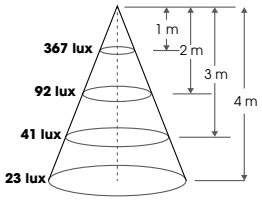


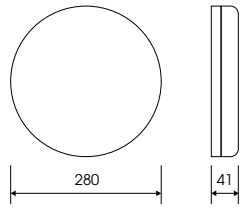
LN12N ĐM 300/24W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

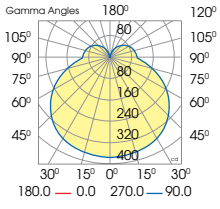




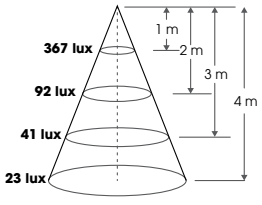


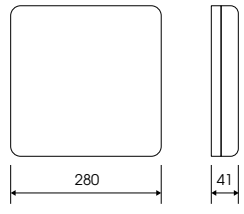
LN12N ĐM 300x300/24W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



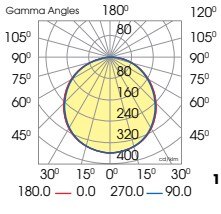


ĐÈN LED ỐP TRẦN ĐẾ NHỰA **ĐỔI MÀU LN29N**

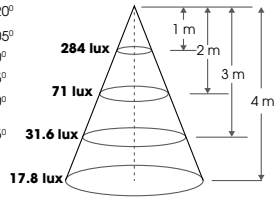


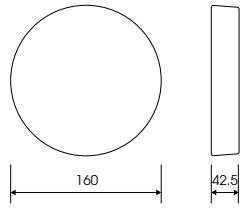
LN29N ĐM 170/12W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

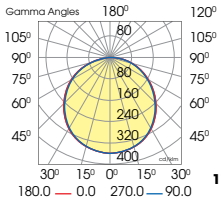




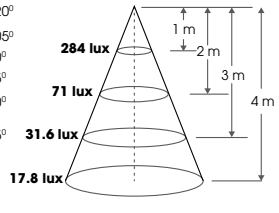


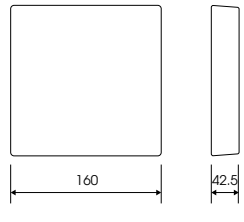
LN29N ĐM 170x170/12W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

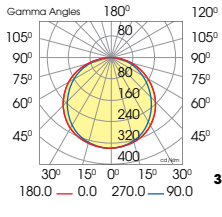




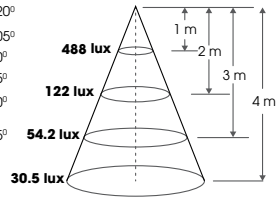


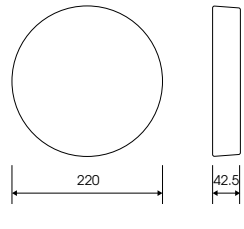
LN29N ĐM 220/18W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



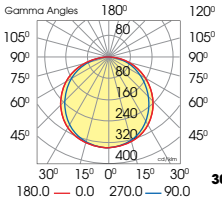


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	Hz	lm	K		Giờ	mm
LN12N ĐM 300/24W	24	150÷250	50	2000/1800/2000	6500/3000/4000	80	25.000	280x41
LN12N ĐM 300x300/24W	24	150÷250	50	2000/1800/2000	6500/3000/4000	80	25.000	280x280x41
LN29N ĐM 170/12W	12	150÷250	50	810/900/900	3000/4000/6500	80	25000	160x42.5
LN29N ĐM 170x170/12W	12	150÷250	50	810/900/900	3000/4000/6500	80	25000	160x160x42.5
LN30N ĐM 220/18W	18	150÷250	50	1300/1450/1450	3000/4000/6500	80	25000	220x42.5

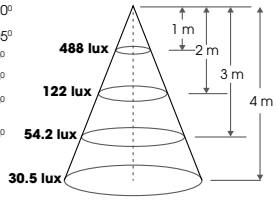


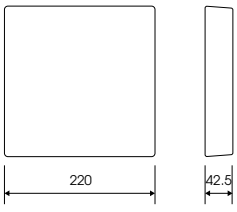
LN29N ĐM 220x220/18W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

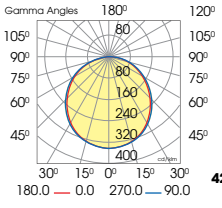




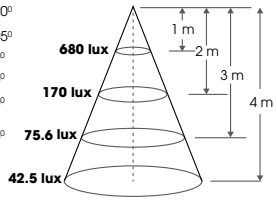


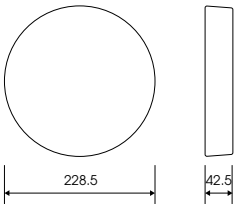
LN29N ĐM 300/24W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

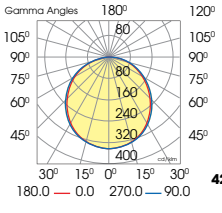




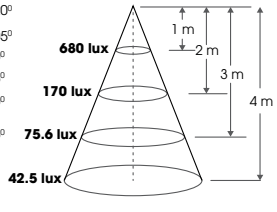


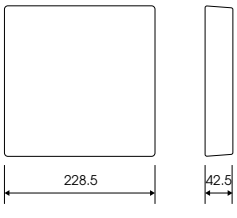
LN29N ĐM 300x300/24W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



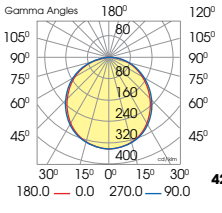


ĐÈN LED ỐP TRẦN ĐẾ NHỰA **ĐỔI MÀU LN30N**

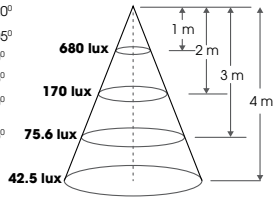


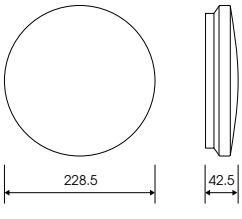
LN30N ĐM 220/18W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

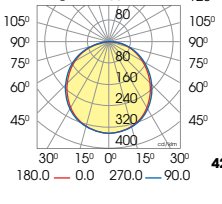




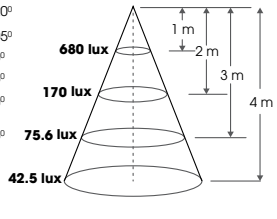


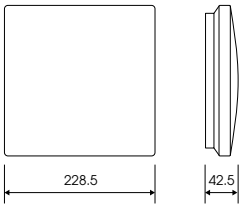
LN30N ĐM 220x220/18W

PHÂN BỐ QUANG



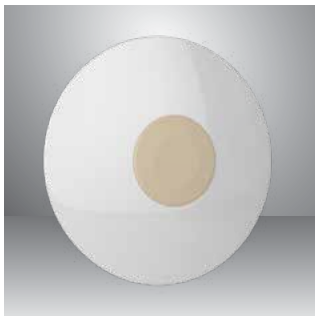
LƯỚI ĐỘ RỌI





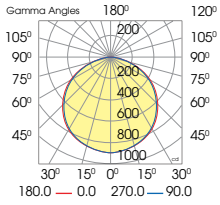
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	Hz	lm	K		Giờ	mm
LN29N ĐM 220x220/18W	18	150÷250	50	1300/1450/1450	3000/4000/6500	80	25000	220x220x42.5
LN29N ĐM 300/24W	24	150÷250	50	1620/1800/1800	3000/4000/6500	80	25000	282.5x282.5x42.5
LN29N ĐM 300x300/24W	24	150÷250	50	1620/1800/1800	3000/4000/6500	80	25000	282.5x282.5x42.5
LN30N ĐM 220/18W	18	150÷250	50	1300/1450/1450	3000/4000/6500	80	25000	220x42.5
LN30N ĐM 220x220/18W	18	150÷250	50	1300/1450/1450	3000/4000/6500	80	25000	220x220x42.5

ĐÈN LED ỐP TRẦN **ĐỔI MÀU**

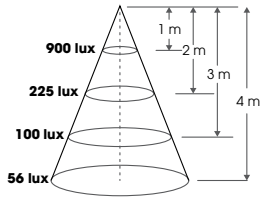


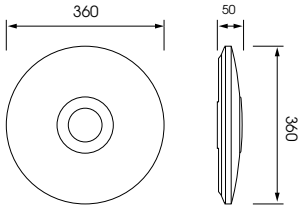
LN26 ĐM 360/36W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



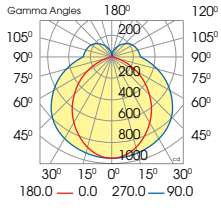


BỘ ĐÈN M36 **ĐỔI MÀU**

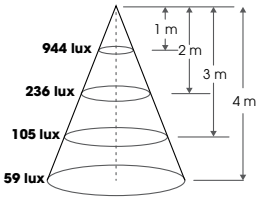


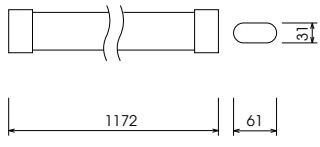
M36 ĐM 1200/40W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





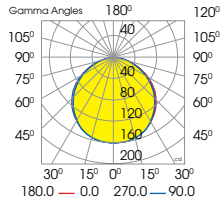
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	Hz		lm/W	lm			Giờ	mm
LN26 360/36W	36	150÷250	50		66/74/74	2660/2380/2660	6500/3000/4000	80	25.000	360x50
M36 ĐM 1200/40W	40	150÷250	50	0.5	110	4400/4000/4400	6500/3000/4000	80	25.000	1.172x61x31

ĐÈN LED PANEL TRÒN **ĐỔI MÀU**

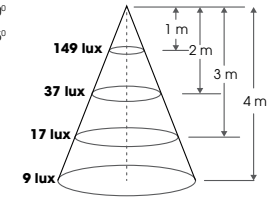


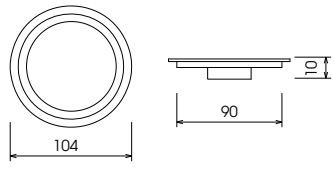
PT04.V2 ĐM 90/7W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

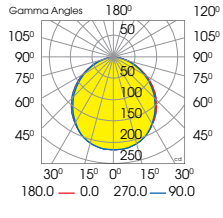




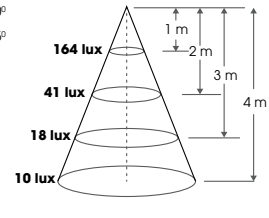


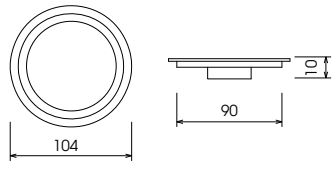
PT04.V2 ĐM 90/8W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



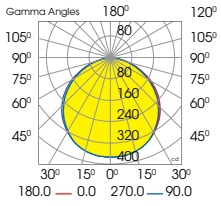


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước	ĐK khoét trần
	W	V	Hz	lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
PT04.V2 ĐM 90/7W	7	150÷250	50	67/71/64	470/500/450	4000/5000/6500	80	25000	104x10	90
PT04.V2 ĐM 90/8W	8	150÷250	50	80/85/75	640/680/600	4000/5000/6500	≥ 80	25000	104x32	90

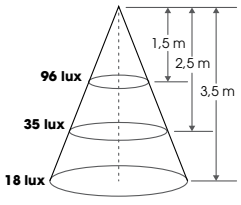


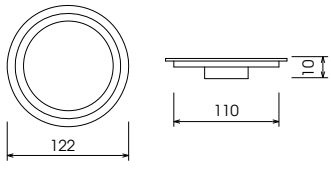
PT04.V2 ĐM 110/9W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

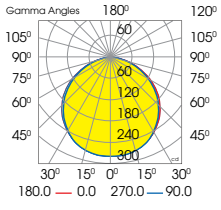




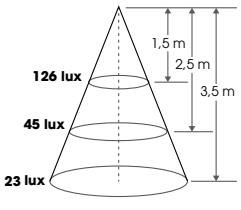


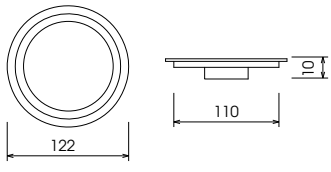
PT04.V2 ĐM 110/10W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

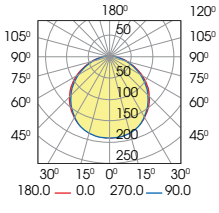




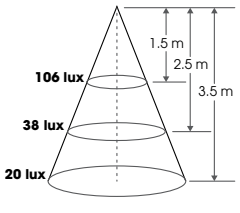


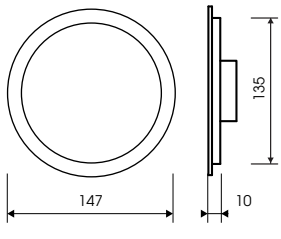
PT04.V2 ĐM 135/9W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

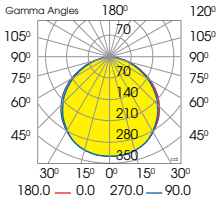




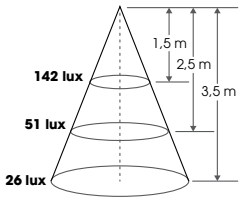


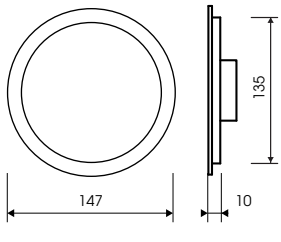
PT04.V2 ĐM 135/10W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

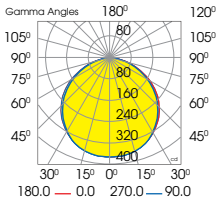




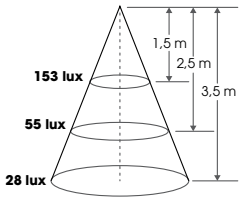


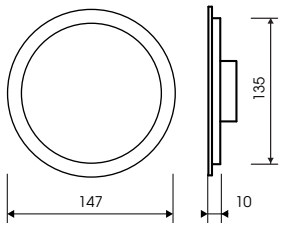
PT04.V2 ĐM 135/12W

PHÂN BỐ QUANG

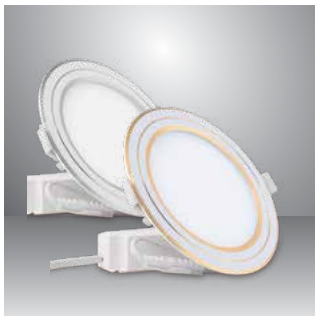


LƯỚI ĐỘ RỌI



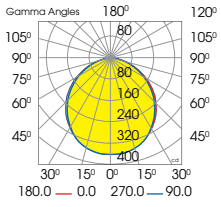


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước	ĐK khoét trần
	W	V	Hz	lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
PT04.V2 ĐM 110/9W	9	150÷250	50	64/75/66	680/600/580	3000/4000/6500	80	25000	122x10	110
PT04.V2 ĐM 110/10W	10	150÷250	50	90/95/85	950/850/900	3000/4000/6500	≥ 80	25000	122x32	110
PT04.V2 ĐM 135/9W	9	150÷250	50	66/75/71	680/640/600	3000/4000/6500	80	25000	122x10	110
PT04.V2 ĐM 135/10W	10	150÷250	50	90/95/85	950/850/900	3000/4000/6500	≥ 80	25000	147x32	135
PT04.V2 ĐM 135/12W	12	150÷250	50	62/71/66	850/800/750	3000/4000/6500	80	25000	147x10	135

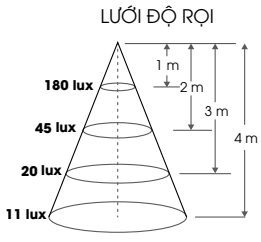


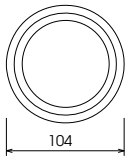
PT05 ĐM 90/7W

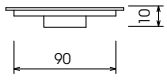
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



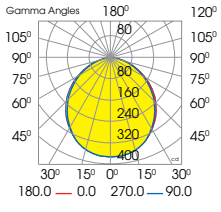




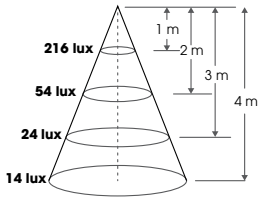


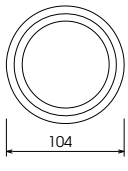
PT05 ĐM 90/8W

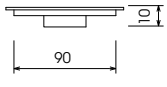
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



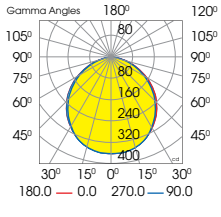




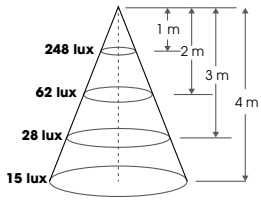


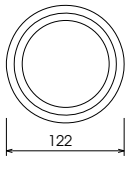
PT05 ĐM 110/9W

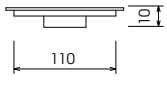
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





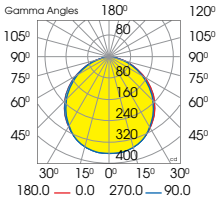


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước	ĐK khoét trần
	W	V	Hz	lm	K		Giờ	mm	mm
PT05 ĐM 90/7W	7	150÷250	50	470/570/520	4000/5000/6500	80	20000	115x26	90
PT05 ĐM 90/8W	8	150÷250	50	640/680/600	4000/5000/6500	≥ 80	25000	104x26	90
PT05 ĐM 110/9W	9	150÷250	50	580/ 680/600	4000/5000/6500	80	20000	134x26	110

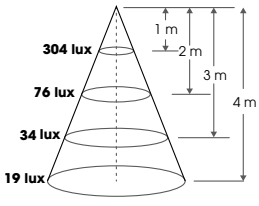


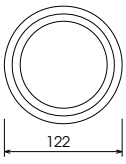
PT05 ĐM 110/10W

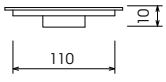
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



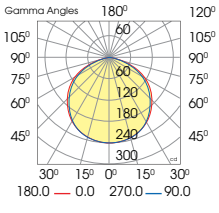




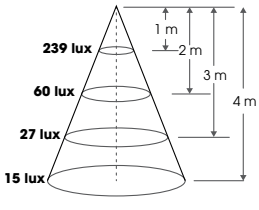


PT05 ĐM 135/9W

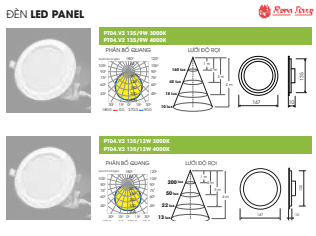
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



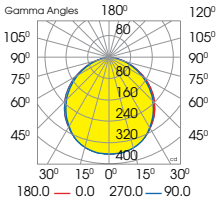
ĐÈN **LED PANEL**



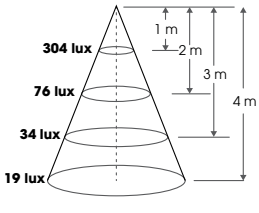


PT05 ĐM 135/10W

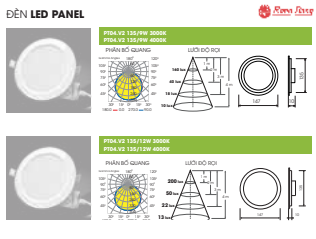
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



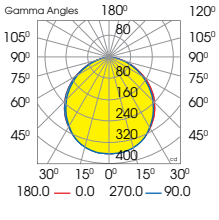
ĐÈN **LED PANEL**



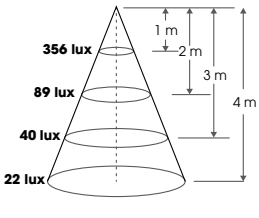


PT05 ĐM 135/12W

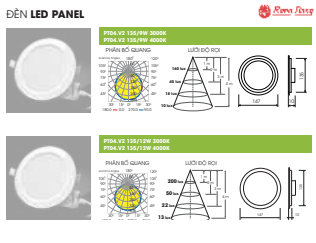
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



ĐÈN **LED PANEL**



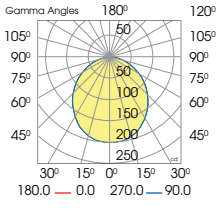
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước	ĐK khoét trần
	W	V	Hz	lm	K		Giờ	mm	mm
PT05 ĐM 110/10W	10	150÷250	50	900/950/850	4000/5000/6500	≥ 80	25000	134x26	110
PT05 ĐM 135/9W	9	150÷250	50	600/650/640	4000/5000/6500	80	20000	158x26	135
PT05 135/10W	10	150÷250	50	900/950/850	4000/5000/6500	≥ 80	25000	158x26	135
PT05 ĐM 135/12W	12	150÷250	50	1020/10/0/960	4000/5000/6500	≥ 80	25000	158x26	135

ĐÈN LED DOWNLIGHT **ĐỔI MÀU**

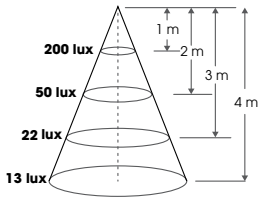


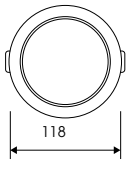
AT02 ĐM 90/7W

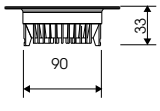
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



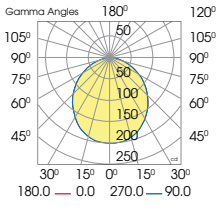




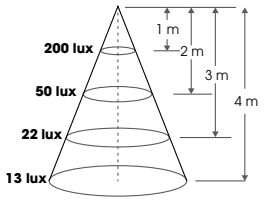


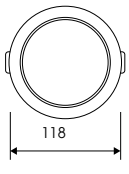
AT02 ĐM 90/9W

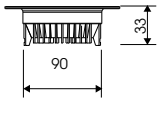
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



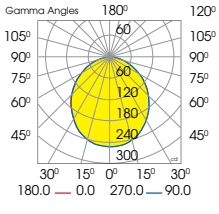




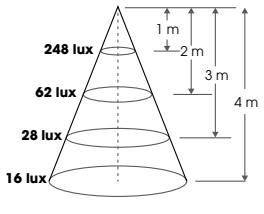


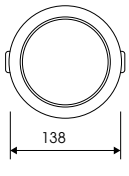
AT02 ĐM 110/9W

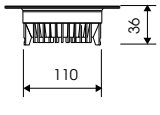
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





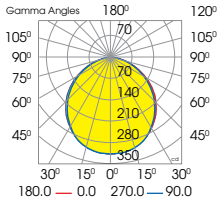


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước	ĐK khoét trần
	W	V	Hz	lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT02 ĐM 90/7W	7	150÷250	50	100	700	6500/4000/3000	80	30.000	118x33	90
AT02 ĐM 90/9W	9	150÷250	50	100	900	6500/4000/3000	80	30.000	118x33	90
AT02 ĐM 110/9W	9	150÷250	50	100	900	6500/4000/3000	80	30.000	138x50	110

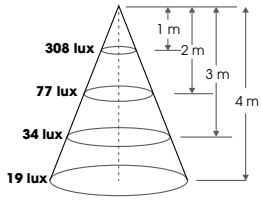


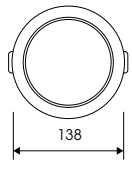
AT10 ĐM 90/8W

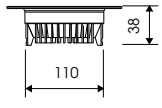
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



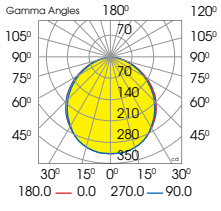




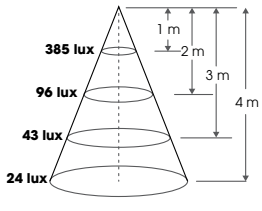


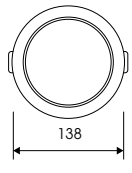
AT10 ĐM 90/10W

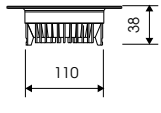
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



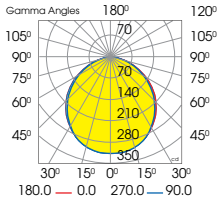




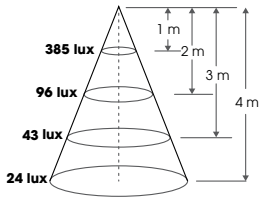


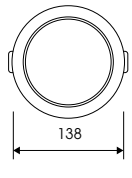
AT10 ĐM 110/10W

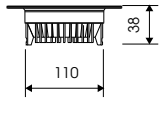
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



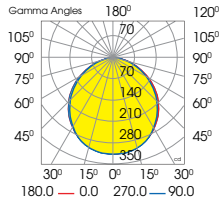




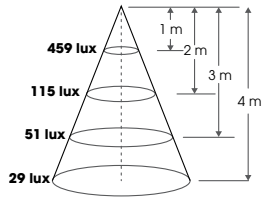


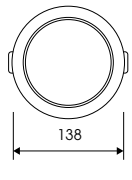
AT10 ĐM 110/12W

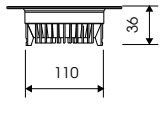
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





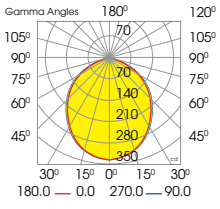


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước	ĐK khoét trần
	W	V	Hz	lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT10 ĐM 90/8W	8	150÷250	50	100	800	6500/3000/4000	80	30000	118x33	90
AT10 ĐM 90/10W	10	150÷250	50	100	1000	6500/3000/4000	80	30000	118x33	90
AT10 ĐM 110/10W	10	150÷250	50	100	1000	6500/3000/4000	80	30000	138x36	110
AT10 ĐM 110/12W	12	150÷250	50	100	1200	6500/3000/4000	80	25000	138x36	110

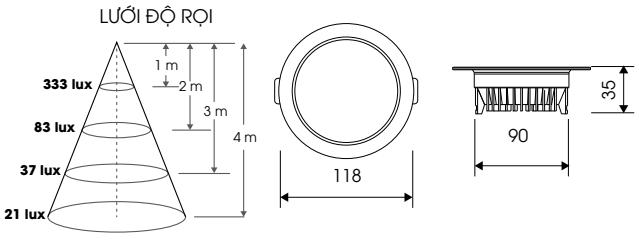


AT26 ĐM 90/8W

PHÂN BỐ QUANG



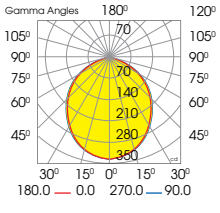
LƯỚI ĐỘ RỌI



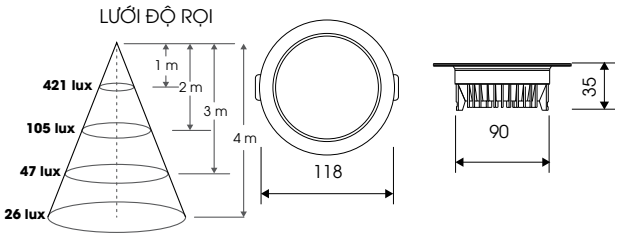


AT26 ĐM 90/10W

PHÂN BỐ QUANG



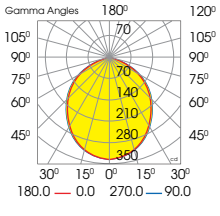
LƯỚI ĐỘ RỌI



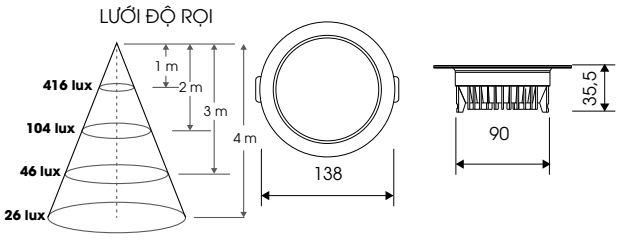


AT26 ĐM 110/10W

PHÂN BỐ QUANG



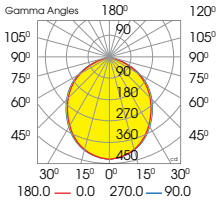
LƯỚI ĐỘ RỌI



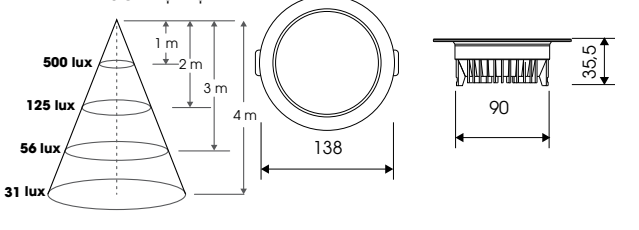


AT26 ĐM 110/12W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

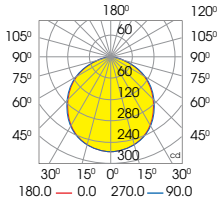


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước	ĐK khoét trần
	W	V	Hz	lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT26 ĐM 90/8W	8	150÷250	50	100	800	3000/4000/6500	80	30.000	118x35	90
AT26 ĐM 90/10W	10	150÷250	50	100	1000	3000/4000/6500	80	30.000	118x35	90
AT26 ĐM 110/10W	10	150÷250	50	100	1000	3000/4000/6500	80	30.000	138x35	110
AT26 ĐM 110/12W	12	150÷250	50	100	1200	3000/4000/6500	80	30.000	138x35	110

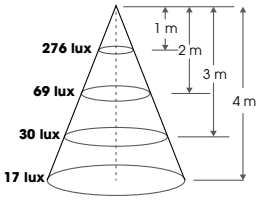


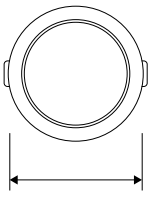
AT28 ĐM 90/8W

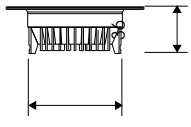
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



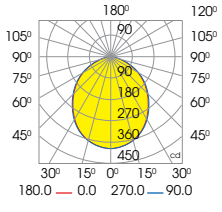




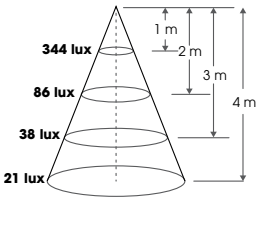


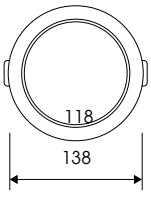
AT28 ĐM 110/10W

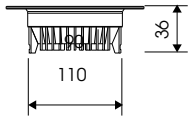
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



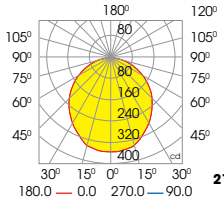




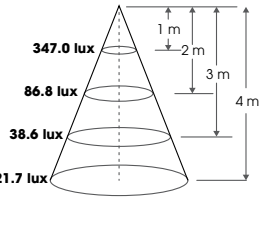


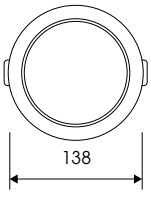
AT28 ĐM 110/12W

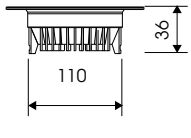
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

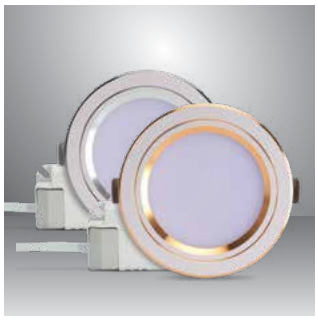






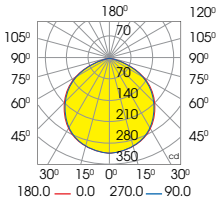
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước	ĐK khoét trần
	W	V	Hz	lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT28 ĐM 90/8W	8	150÷250	50	100	800	3000/4000/6500	80	30.000	118x36	90
AT28 ĐM 110/10W	10	150÷250	50	100	1000	3000/4000/6501	80	30.000	138x36	110
AT28 ĐM 110/12W	12	150÷250	50	100	1200	3000/4000/6502	80	30.000	138x36	110

ĐÈN **LED DOWNLIGHT AT46 ĐỔI MÀU**

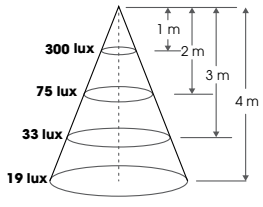


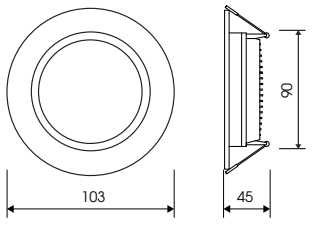
AT46 ĐM 90/8W

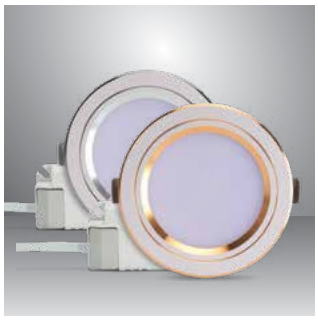
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

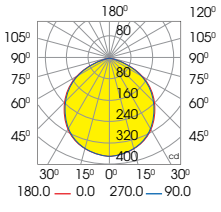




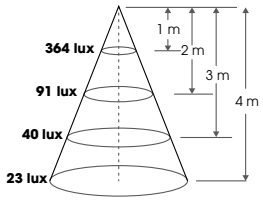


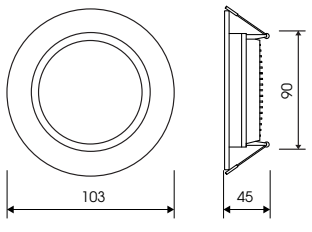
AT46 ĐM 90/10W

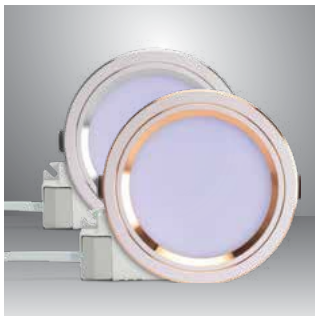
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

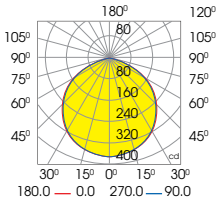




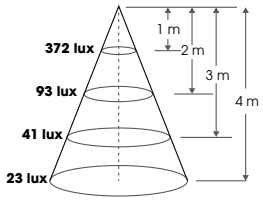


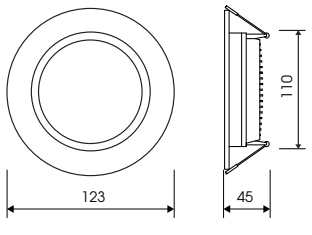
AT46 ĐM 110/10W

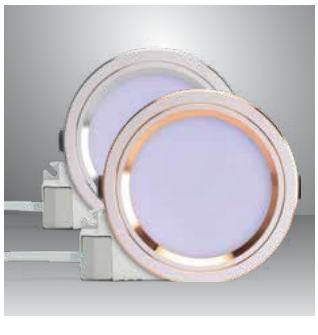
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

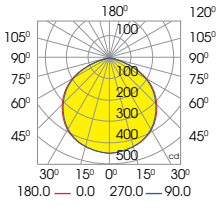




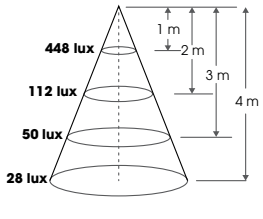


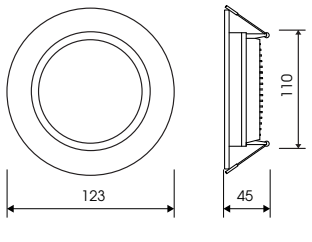
AT46 ĐM 110/12W

PHÂN BỐ QUANG



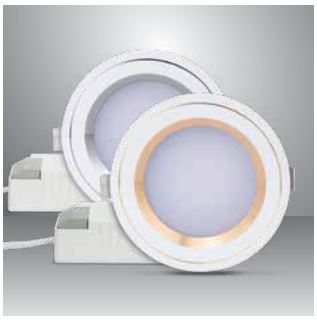
LƯỚI ĐỘ RỌI





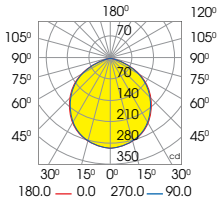
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V	lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT46 ĐM 90/8W	8	150÷250	100	800	3000/4000/6500	90	30000	103x45	90
AT46 ĐM 90/10W	10	150÷250	100	1000	3000/4000/6500	90	30000	103x45	90
AT46 ĐM 110/10W	10	150÷250	100	1000	3000/4000/6500	90	30000	123x45	110
AT46 ĐM 110/12W	12	150÷250	100	1200	3000/4000/6500	90	30000	123x45	110

ĐÈN **LED DOWNLIGHT AT48 ĐỔI MÀU**

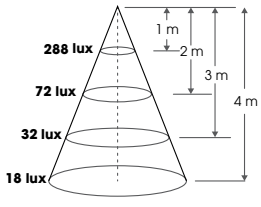


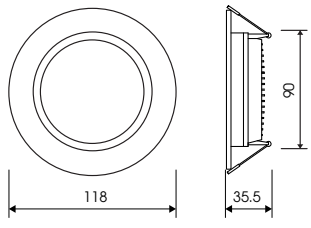
AT48 ĐM 90/8W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

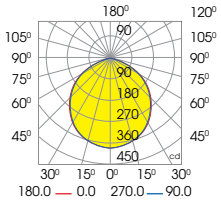




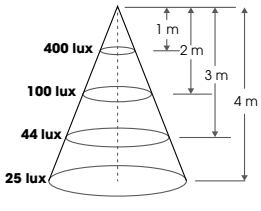


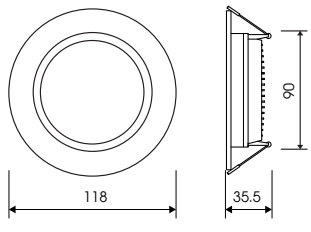
AT48 ĐM 90/10W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

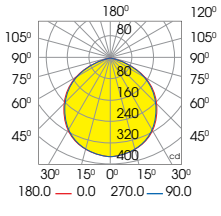




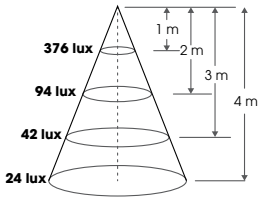


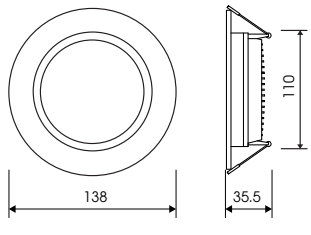
AT48 ĐM 110/10W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

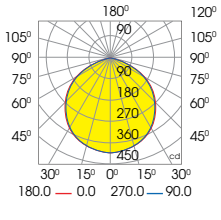




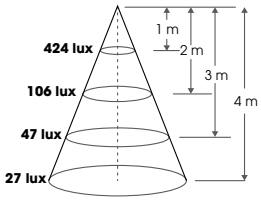


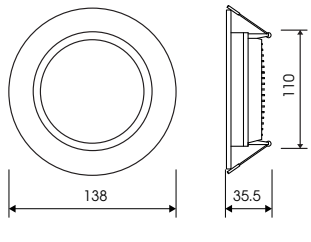
AT48 ĐM 110/12W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





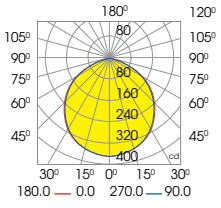
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V	lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT48 ĐM 90/8W	8	150÷250	100	800	3000/4000/6500	90	30000	118x35,5	90
AT48 ĐM 90/10W	10	150÷250	100	1000	3000/4000/6500	90	30000	118x35,5	90
AT48 ĐM 110/10W	10	150÷250	100	1000	3000/4000/6500	90	30000	138x35,5	110
AT48 ĐM 110/12W	12	150÷250	100	1200	3000/4000/6500	90	30000	138x35,5	110

ĐÈN **LED DOWNLIGHT AT56**

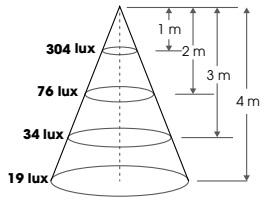


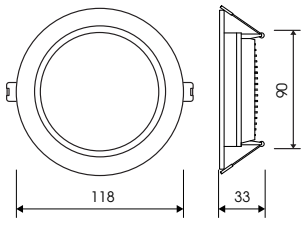
AT56 ĐM 90/8W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

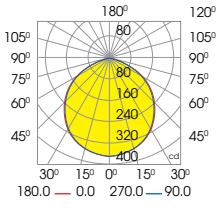




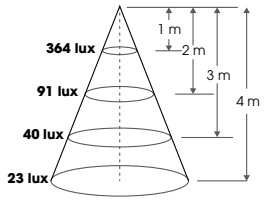


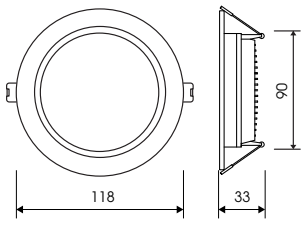
AT56 ĐM 90/10W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

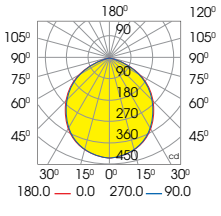




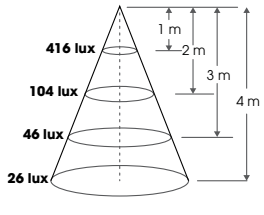


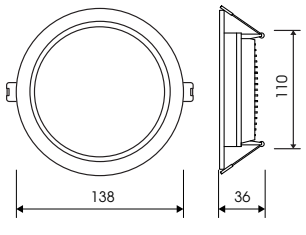
AT56 ĐM 110/10W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

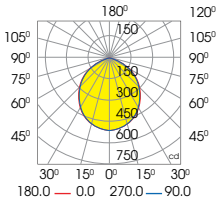




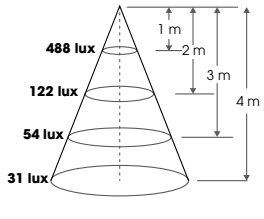


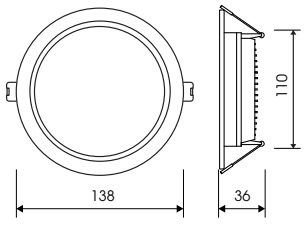
AT56 ĐM 110/12W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





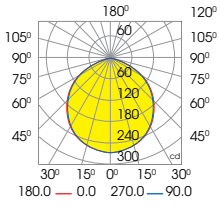
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V	lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT56 ĐM 90/8W	8	150÷250	100	800	3000/4000/6500	80	30000	118x33	90
AT56 ĐM 90/10W	10	150÷250	100	1000	3000/4000/6500	80	30000	118x33	90
AT56 ĐM 110/10W	10	150÷250	100	1000	3000/4000/6500	80	30000	138x36	110
AT56 ĐM 110/12W	12	150÷250	100	1200	3000/4000/6500	80	30000	138x36	110

ĐÈN **LED DOWNLIGHT AT58**

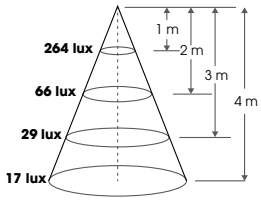


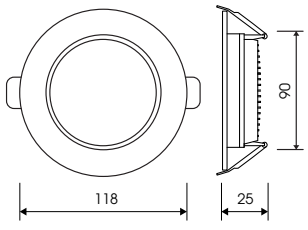
AT58 ĐM 90/8W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

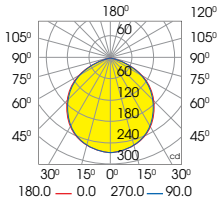




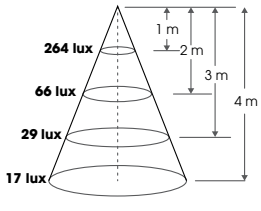


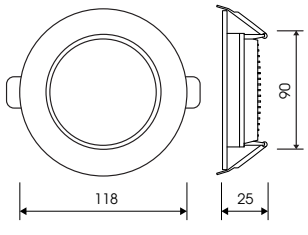
AT58 ĐM 90/10W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

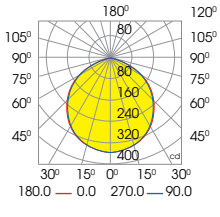




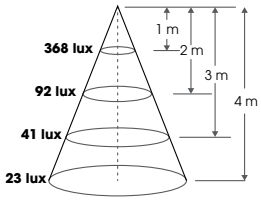


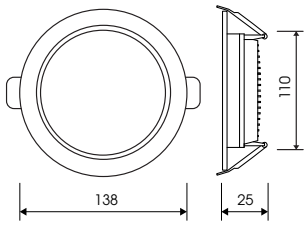
AT58 ĐM 110/10W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

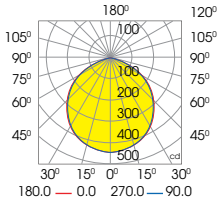




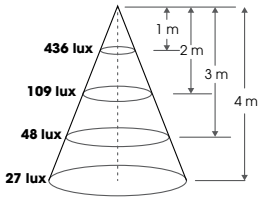


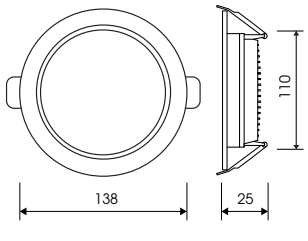
AT58 ĐM 110/12W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





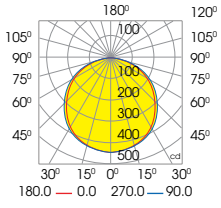
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V	lm/W	lm	K		giờ	mm	mm
AT58 ĐM 90/8W	8	150÷250	100	800	3000/4000/6500	80	25000	118x25	90
AT58 ĐM 90/10W	10	150÷250	100	1000	3000/4000/6500	80	25000	118x25	90
AT58 ĐM 110/10W	10	150÷250	100	1000	3000/4000/6500	80	25000	138x25	110
AT58 ĐM 110/12W	12	150÷250	100	1200	3000/4000/6500	80	25000	138x25	110

ĐÈN **LED DOWNLIGHT AT60**

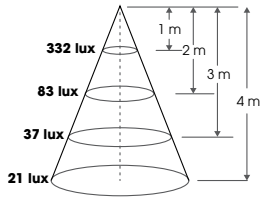


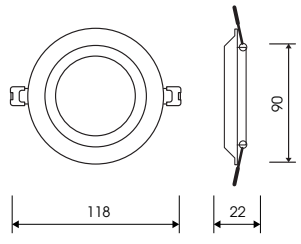
AT60 ĐM 90/8W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

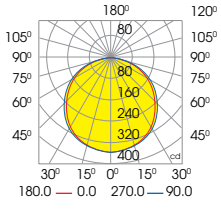




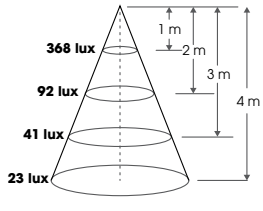


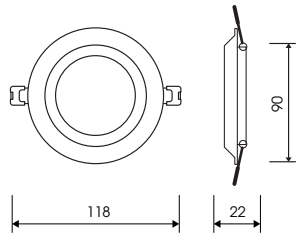
AT60 ĐM 90/10W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

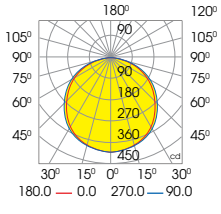




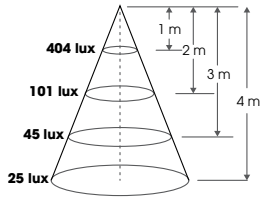


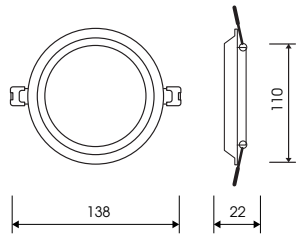
AT60 ĐM 110/10W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

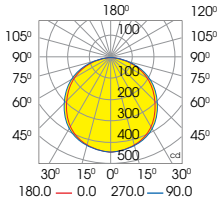




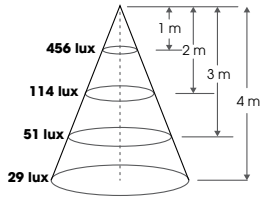


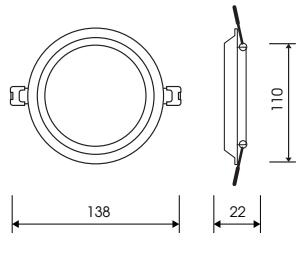
AT60 ĐM 110/12W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





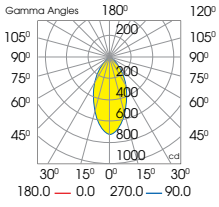
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V	lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT60 ĐM 90/8W	8	150÷250	100	800	3000/4000/6500	80	30000	118x22	90
AT60 ĐM 90/10W	10	150÷250	100	1000	3000/4000/6500	80	30000	118x22	90
AT60 ĐM 110/10W	10	150÷250	100	1000	3000/4000/6500	80	30000	138x22	110
AT60 ĐM 110/12W	12	150÷250	100	1200	3000/4000/6500	80	30000	138x22	110

ĐÈN LED DOWNLIGH COB **ĐỔI MÀU**

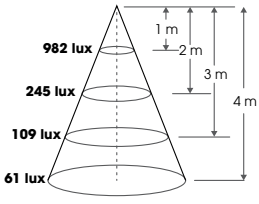


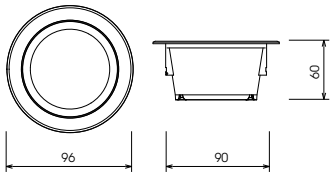
AT17 ĐM 90/7W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

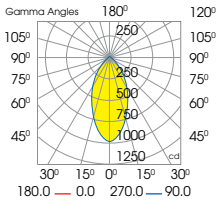




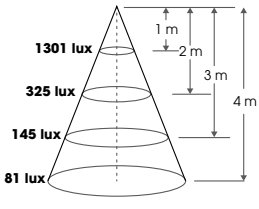


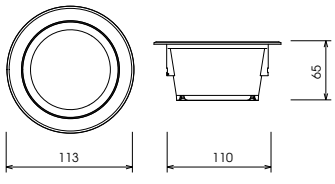
AT17 ĐM 110/9W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

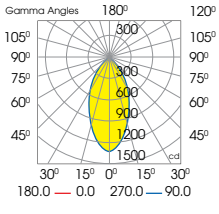




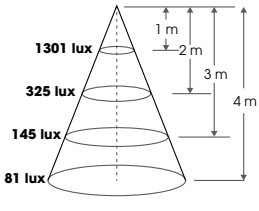


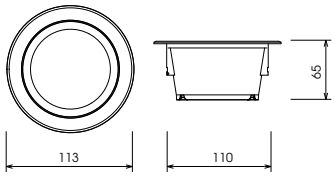
AT17 ĐM 110/12W

PHÂN BỐ QUANG



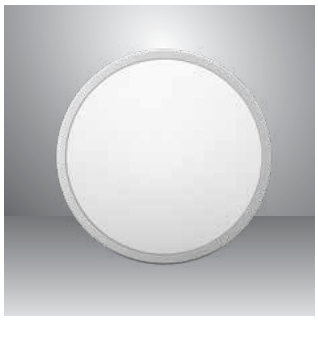
LƯỚI ĐỘ RỌI



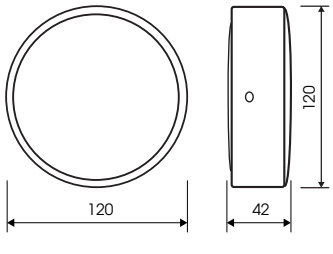


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước	ĐK khoét trần
	W	V	Hz	lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT17 ĐM 90/7W	7	150÷250	50	90	630/580/560	6500/3000/4000	80	20.000	96x60	90
AT17 ĐM 110/9W	9	150÷250	50	95	860/800/770	6500/3000/4000	80	20.000	113x65	110
AT17 ĐM 110/12W	12	150÷250	50	95	1140/1050/1020	6500/3000/4000	80	20.000	113x65	110

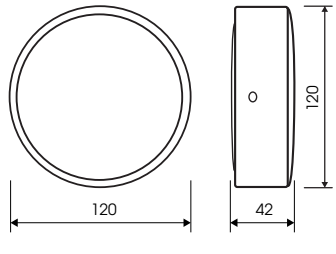
ĐÈN LED DOWNLIGH NỔI TRẦN **ĐỔI MÀU**



NT03 ĐM 120/10W



NT03 120/12W



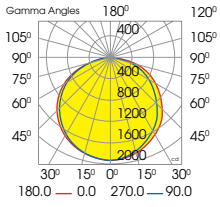
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)
	W	V	lm/W	lm	K		Giờ	mm
NT03 120/10W	10	150÷250	81/90/90 (Vỏ trắng) 72/80/80 (Vỏ đen)	810/900/900 (Vỏ trắng) 720/800/800 (Vỏ đen)	3000/4000/6500	80	25.000	120x42
NT03 120/12W	12	150÷250	81/90/90 (Vỏ trắng) 72/80/80 (Vỏ đen)	970/1080/1080 (Vỏ trắng) 860/960/960 (Vỏ đen)	3000/4000/6500	80	25.000	120x42

ĐÈN LED PANEL KHỔ LỚN **ĐỔI MÀU**

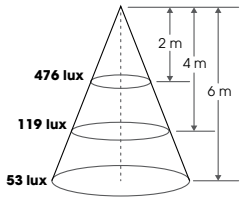


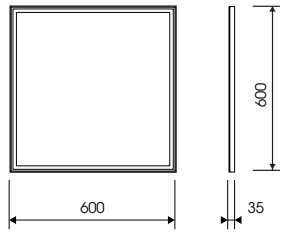
P06 ĐM 600x600/50W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





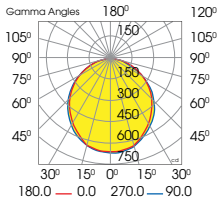
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		A				Giờ	mm
P06 ĐM 600x600/50W	50	170÷250	50	110/120/115	5500/6000/5750	3000/4000/6500	80	30000	600x600x35

ĐÈN LED PHA **ĐỔI MÀU**

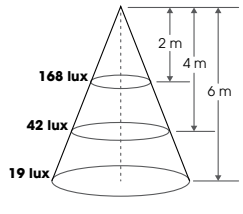


CP09.RGB 20W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Dòng điện đầu vào	Màu ánh sáng	Số cảnh chiếu sáng cài sẵn	Cấp bảo vệ	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		A				Giờ	mm
CP09.RGB 20W	20	150÷250	0,5	0.25	RGB	10	IP66	30.000	200x180x55

ĐÈN LED DÂY **ĐỔI MÀU**



LD03 ĐM 1000/9W

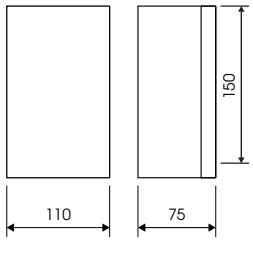
LD03 ĐM 1000/10W

- Chiều dài tối thiểu có thể cắt: 1m
- 1 bộ đèn led dây cuộn 50m kèm theo 02 nguồn Driver và 200 tai cài cố định

ĐÈN LED ỐP TƯỜNG **ĐỔI MÀU**

LN18.V2 ĐM 110x75/6W





Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Cấp bảo vệ	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cuộn	Kích thước (RxC)
	W	V			lm	K		Giờ	m	mm
LD03 ĐM 1000/9W	9	150÷250	0,5	IP65	600	3000/4000/6500	80	25.000	50	18x9
LD03 ĐM 1000/10W	10	150÷240	-	IP65	700	3000/4000/6500	80	25.000	50/100	17x7
LN18.V2 ĐM 110x75/6W	6	150÷250	0,5		200	6500/3000/4000	85	20.000		110x75x150

ĐÈN LED **CHỈ DẪN**

CD01 40x20/2.2 W (1 mặt/2 mặt)



CD01 40x20/3W (1 mặt/2mặt)



Model	Công suất	Nguồn điện danh định	Thời gian chiếu sáng dự phòng	Quang thông max	Pin	Thời gian nạp đầy pin	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V/Hz	Giờ	lm		Giờ	Giờ	mm
CD01 40x20/2.2W (1 mặt/2 mặt)	2.2	220/50	3	-	800mAh	20	-	395x25x202
CD01 40x20/3W (1 mặt/2mặt)	3	220/50	3	-	1800mAh	12	-	395x25x202

ĐÈN LED **KHẨN CẤP**

AT07.KC 90/5W



A80.KC/9W



Model	Công suất	Nguồn điện danh định	Thời gian chiếu sáng dự phòng	Quang thông	Pin	Thời gian nạp đầy pin	Tuổi thọ	Kích thước (ØxC)	Đường kính khoét lỗ
	W	V/Hz	Giờ	lm		Giờ	Giờ	mm	mm
AT07.KC 90/5W	5	220/50	≥2	310 (6000K) 280 (3000K)	3.7V - 3350mAh	24	20000	113x28	90
A80.KC/9W	9	220/50	6	810 (AC) 230 (DC)	(2x1.2) Ah	5-15	15000	80x170	

KC01 2W



KC02 10W



KC03 8W



KC04 6W



KC06 10W



Model	Công suất	Nguồn điện danh định	Thời gian chiếu sáng dự phòng	Quang thông max	Pin	Thời gian nạp đầy pin	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V/Hz	Giờ	lm		Giờ	Giờ	mm
KC01 2W	2	220/50-60	≥3	60	3.6V - 800 mAh	20÷25	15.000	258x265x50
KC02 10W	10	220/50-60	6 (1 bóng) 3 (2 bóng)	520 (2 bóng) 250 (1 bóng)	6V - 4.5Ah	20÷25	15.000	-
KC03 8W	8	220/50-60	6 (1 bóng) 3 (2 bóng)	540 (2 bóng) 250 (1 bóng)	6V - 4.5Ah	20÷25	15.000	265x60x260
KC04 6W	6	220/50-60	6 (1 bóng) 3 (2 bóng)	500 (2 bóng) 230 (1 bóng)	3.7V - 2200 mAh	20÷25	15.000	223x195x55
KC06 10W	10	220/50-60	6 (1 bóng) 3 (2 bóng)	650 (2 bóng) 320 (1 bóng)	6000 Ah	24÷48	20000	275x275x75



NHÓM SẢN PHẨM
LED BULB



Chiếu sáng Indoor

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng Chip LED Hàn Quốc có độ tin cậy cao
- Chất lượng ánh sáng cao (CRI=80) tăng khả năng nhận diện màu sắc của vật, ánh sáng trung thực tự nhiên.
- Dải điện áp rộng 150 - 250V đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Có khả năng chịu nhiệt, tản nhiệt nhanh, chịu áp suất...

ỨNG DỤNG

- Chiếu sáng hộ gia đình, căn hộ: phòng khách, phòng ngủ, phòng vệ sinh, bếp, ban công,...
- Chiếu sáng trang trí tại các cửa hàng, nhà hàng, khu vui chơi, ...



Chiếu sáng nông nghiệp

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Phổ ánh sáng phù hợp điều khiển ra hoa cây hoa cúc/thanh long thương phẩm và nhân giống
- Chất lượng cây hoa tốt, đồng đều, giá trị kinh tế cao
- Chỉ số IP 54 (hoa cúc), IP 65 (thanh long)
- Tuổi thọ đèn cao, tiết kiệm điện năng

ỨNG DỤNG

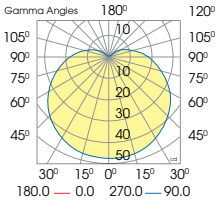
- Sử dụng chiếu sáng cây thanh long, hoa cúc, nâng cao hiệu quả kinh tế cho bà con nông dân.

BÓNG ĐÈN **LED BULB**

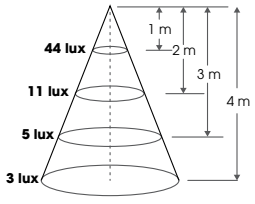


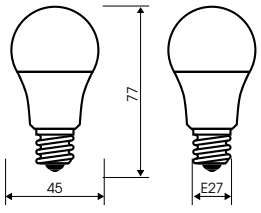
A45N1/3W.H

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

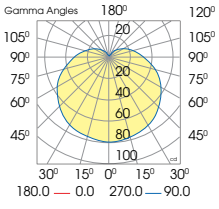




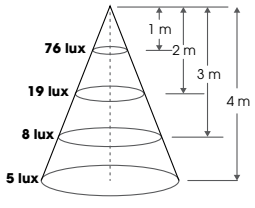


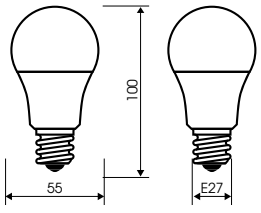
A55N4/5W.H

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

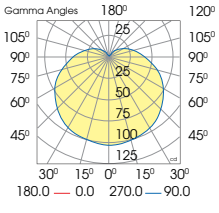




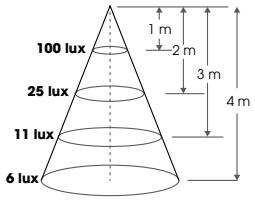


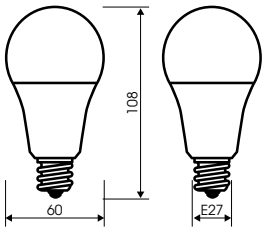
A60N3/7W.H

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

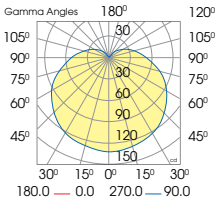




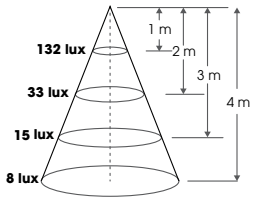


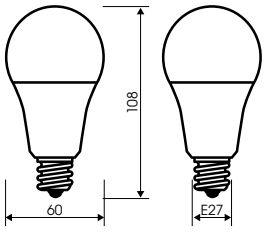
A60N1/9W.H

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

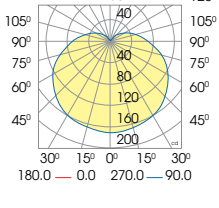




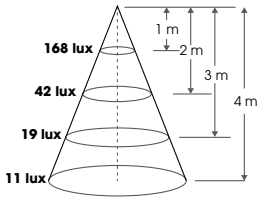


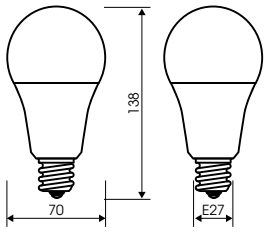
A70N1/12W.H

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



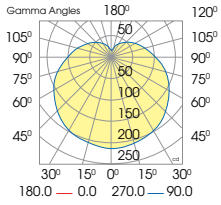


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
A45N1/3W.H	3	150÷250	0,5	90/95	450/475	3000/4000/6500	83	20000	45x77
A55N4/5W.H	5	150÷250	0,5	90/95	450/475	3000/6500	83	20000	55x100
A60N3/7W.H	7	150÷250	0,5	80/90	560/630	3000/6500	83	20000	60x108
A60N1/9W.H	9	150÷250	0,5	80/90	720/810	3000/4000/6500	83	20000	60x108
A70N1/12W.H	12	150÷250	0,5	90/100/100	1080/1200/1200	3000/4000/6500	83	20000	70x138

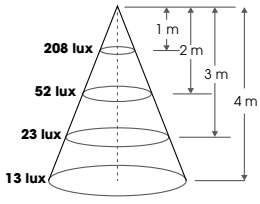


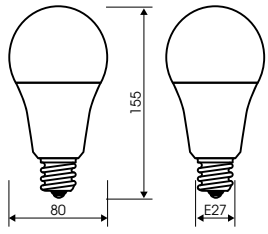
A80N1/15W.H

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

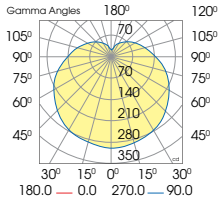




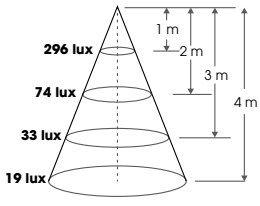


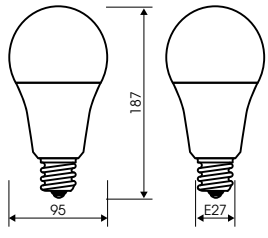
A95N1/20W.H

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

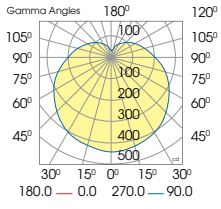




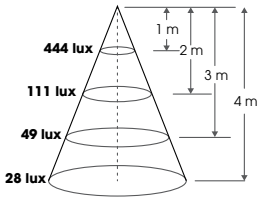


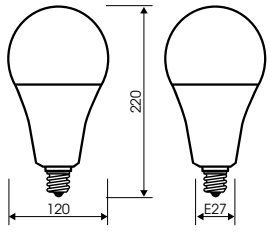
A120N1/30W.H

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





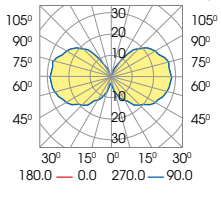
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
A80N1/15W.H	15	150÷250	0,5	90/100/100	1350/1500/1500	3000/4000/6500	83	20000	80x155
A95N1/20W.H	20	150÷250	0,5	100/110/110	2000/2200/2200	3000/4000/6500	83	20000	95x187
A120N1/30W.H	30	150÷250	0,5	90/100/100	2700/3000/3000	3000/4000/6500	83	20000	120x220

BÓNG ĐÈN LED **BULB NẾN DÂY TÓC**

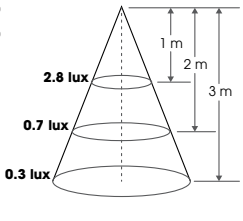


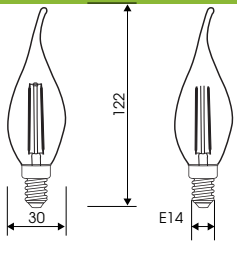
C35/2.5W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





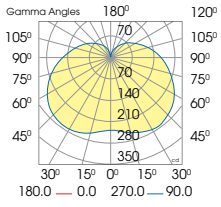
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
C35/2.5W	2.5	170÷250	0.5	112	280	2700	80	20.000	30x122

BÓNG ĐÈN **LED BULB TRỤ NHÔM ĐÚC**

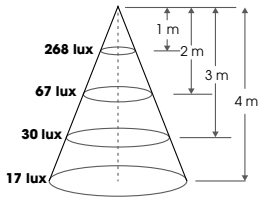


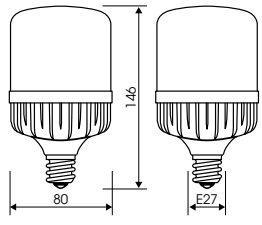
TR80NĐ2/20W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

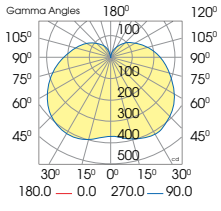




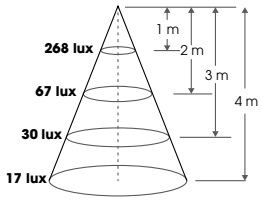


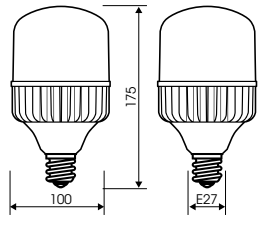
TR100NĐ2/30W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

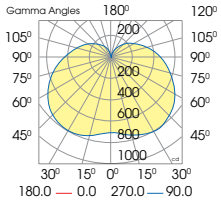




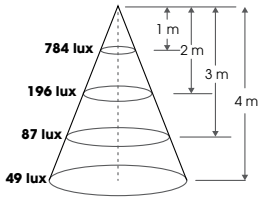


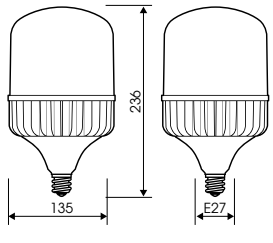
TR135NĐ1/60W.H

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

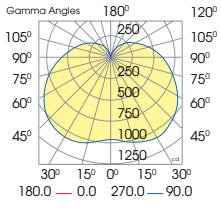




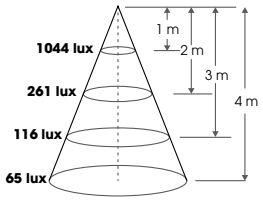


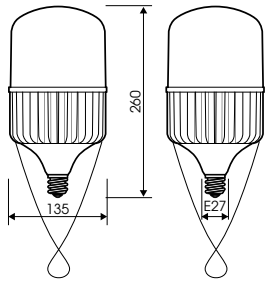
TR135NĐ/80W.H

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
TR80NĐ2/20W		150÷250	0,5	93/100	1860/2000/2000	3000/4000/6500	83	25000	80x146
TR100NĐ2/30W	30	150÷250	0,5	85/95	255/2850	3000/6500	83	30000	100x170
TR135NĐ1/60W.H	60	150÷250	0,5	85/95	5100/5700	3000/6500	83	20000	135x236
TR135NĐ/80W.H	80	150÷250	0,5	92/95	7400/7600	3000/6500	83	20000	140x250

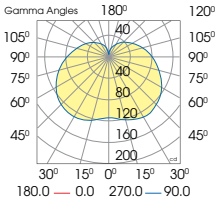


BÓNG ĐÈN **LED BULB TRỤ NHÔM NHỰA**

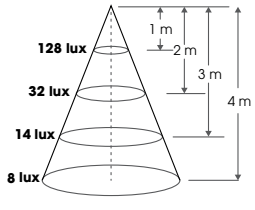


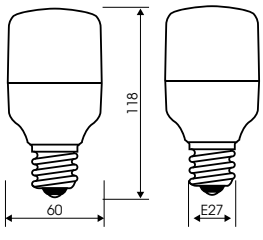
TR60N2/10W.H

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

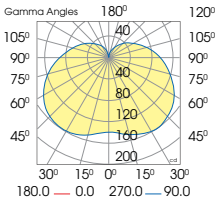




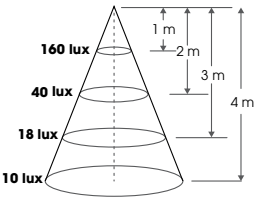


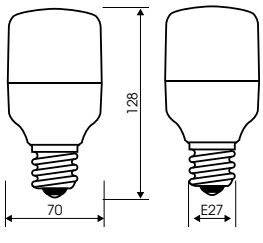
TR70N2/12W.H

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

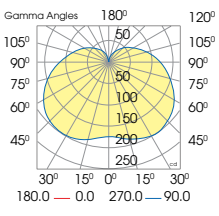




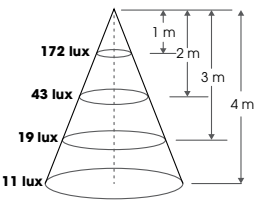


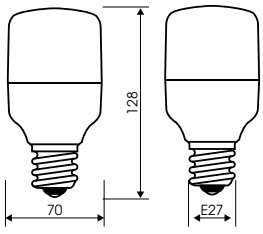
TR70N1/14W.H

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



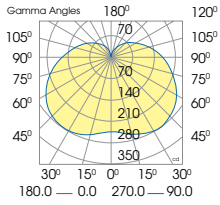


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
TR60N2/10W.H	10	150÷250	0,5	80/95/95	800/950/950	3000/4000/6500	83	20	60x118
TR70N2/12W.H	12	150÷250	0,5	90/100/100	1080/1200/1200	3000/4000/6500	83	20	70x128
TR70N1/14W.H	14	150÷250	0,5	85/95	1190/1330	3000/6500	83	20	70x128

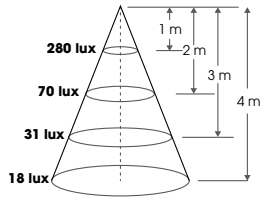


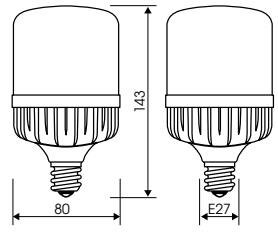
TR80N1/20W.H

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

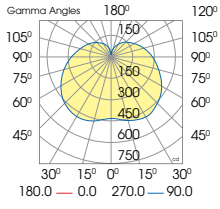




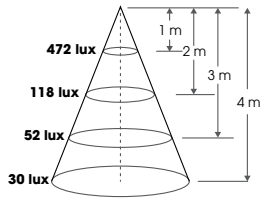


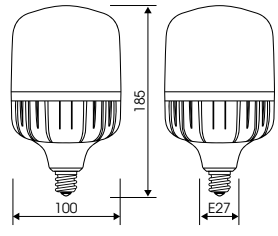
TR100N1/30W.H

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

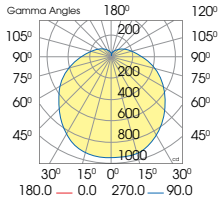




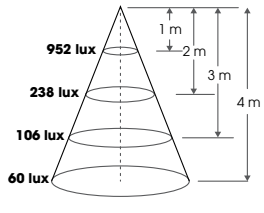


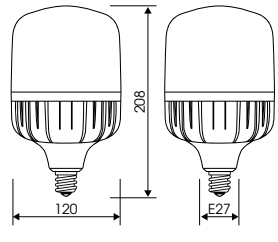
TR120N1/40W.H

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

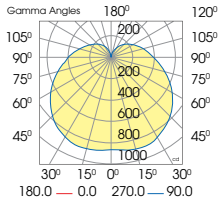




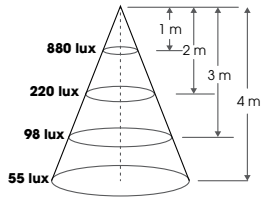


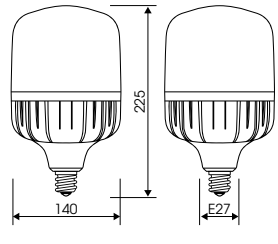
TR140N1/50W.H

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

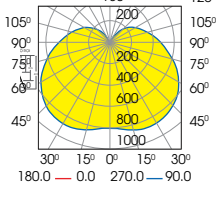




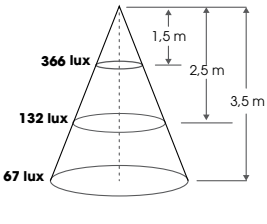


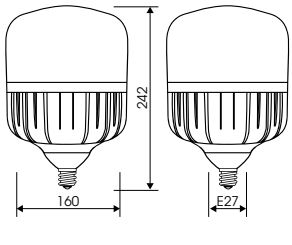
TR160N1/60W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





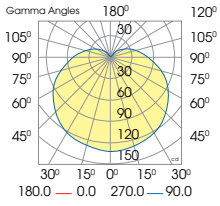
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
TR80N1/20W.H	20	150÷250	0,5	95/105/105	1900/2100/2100	3000/4000/6500	83	20000	80x143
TR100N1/30W.H	30	150÷250	0,5	95/110/110	2850/3300/3300	3000/4000/6500	83	20000	100x185
TR120N1/40W.H	40	150÷250	0,5	95/110/110	3800/4400/4400	3000/4000/6500	83	20000	120x208
TR140N1/50W.H	50	150÷250	0,5	95/110/110	4750/5500/5500	3000/4000/6500	83	20000	140x225
TR160N1/60W	60	150÷250	0,5	85/95	5100/5700	3000/6500	80	20000	160x242

BÓNG ĐÈN **LED BULB 12-24 VDC**

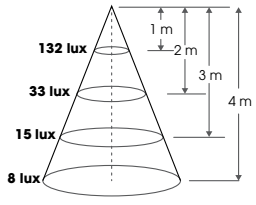


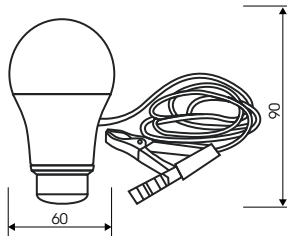
A60N1/9W.DCV2

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

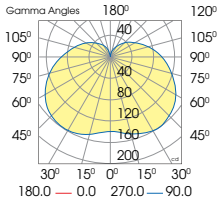




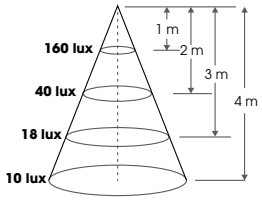


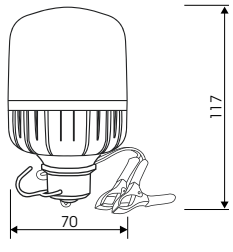
TR70N1/12W.DCV2

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





* Chiếu sáng sử dụng với ắc quy

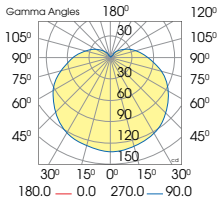
Model	Công suất	Điện áp nguồn	Dải điện áp hoạt động	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxC)
	W		VDC	lm/W	lm	K		Giờ	mm
A60N1/9W.DCV2	9	12	11÷12,7	80	720	3000/6500	80	15.000	60x90
TR70N1/12W.DCV2	12	12	11÷12,7	80	980	3000/6500	80	15.000	70x117

BÓNG ĐÈN **LED BULB 12-24 VDC E27**

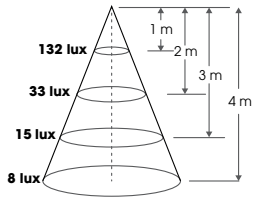


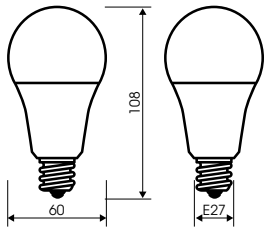
A60N1/9W.DCV2

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

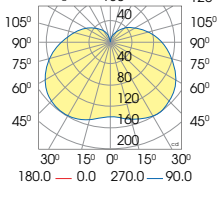




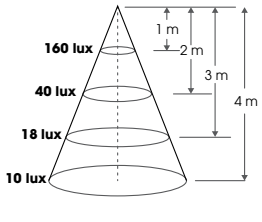


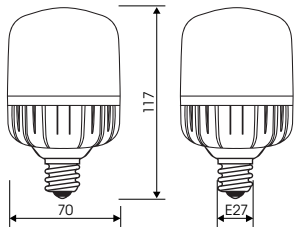
TR70N1/12W.DCV2

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





* Chiếu sáng sử dụng với ắc quy

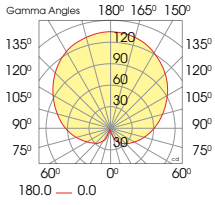
Model	Công suất	Điện áp nguồn	Dải điện áp hoạt động	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxC)
	W		VDC	lm/W	lm	K		Giờ	mm
A60N1/9W.DCV2	9	12	11÷12,7	80	720	3000/6500	80	15.000	60x90
TR70N1/12W.DCV2	12	12	11÷12,7	80	980	3000/6500	80	15.000	70x117

BÓNG ĐÈN **LED BULB TRANG TRÍ**

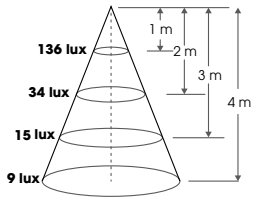


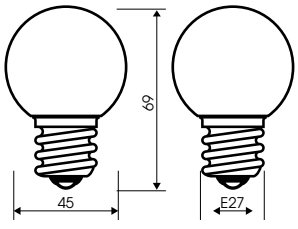
A45R/1W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

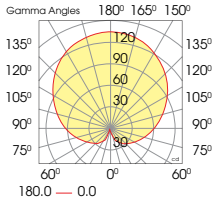




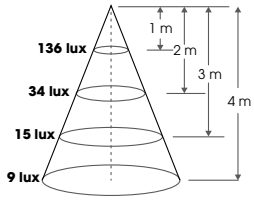


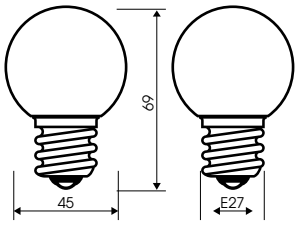
A45Y/1W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

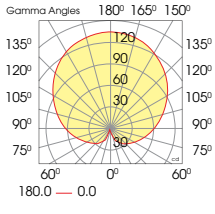




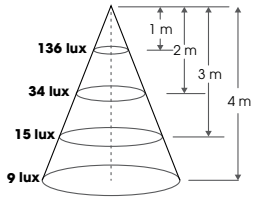


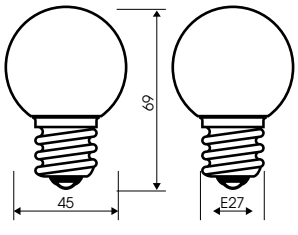
A45G/1W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

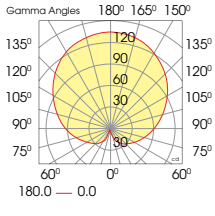




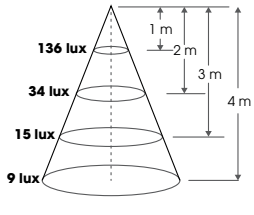


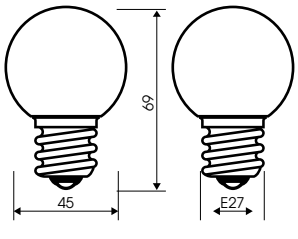
A45B/1W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

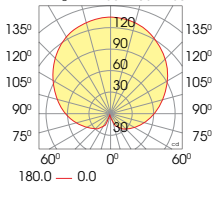




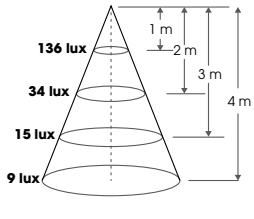


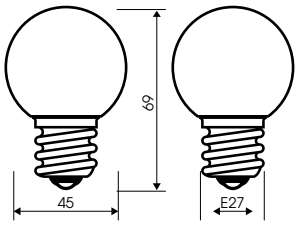
A45W/1W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxC)
	W	V		lm/W	lm		Giờ	mm
A45R/1W	1	170÷250	0,5	30	30	đỏ	15.000	45x69
A45Y/1W	1	170÷250	0,5	75	75	vàng	15.000	45x69
A45G/1W	1	170÷250	0,5	65	65	xanh lá	15.000	45x69
A45B/1W	1	170÷250	0,5	8	8	xanh lam	15.000	45x69
A45W/1W	1	170÷250	0,5	70	70	trắng	15.000	45x69



NHÓM SẢN PHẨM
BÓNG - BỘ ĐÈN LED TUBE

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng Chip LED Hàn Quốc đạt độ tin cậy cao
- Chất lượng ánh sáng cao (CRI=80) tăng khả năng nhận diện màu sắc của vật được chiếu sáng, ánh sáng trung thực tự nhiên
- Dải điện áp rộng 170 - 250V đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Tương thích điện từ trường không gây ra hiện tượng nhiễu cho sản phẩm điện tử và không bị ảnh hưởng nhiễu của các thiết bị điện tử khác

ỨNG DỤNG

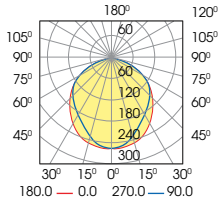
- Chiếu sáng hộ gia đình, căn hộ: phòng khách, phòng ngủ, phòng vệ sinh, bếp, ban công,...
- Chiếu sáng trang trí: hắt khe trần, kệ trưng bày,..

BÓNG ĐÈN **LED TUBE NHÔM NHỰA**

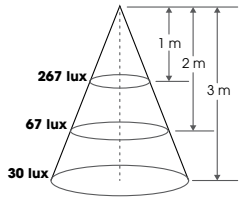


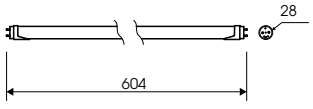
T8 600/10W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

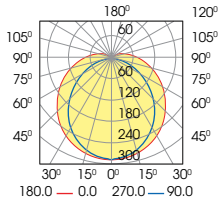




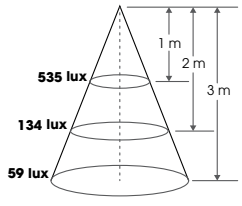


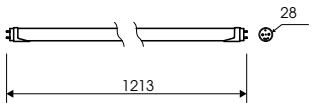
T8 1200/20W

PHÂN BỐ QUANG

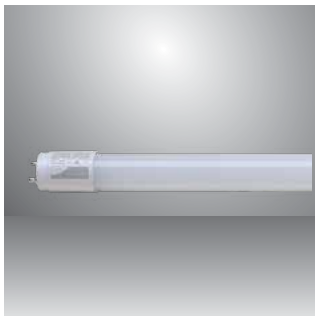


LƯỚI ĐỘ RỌI



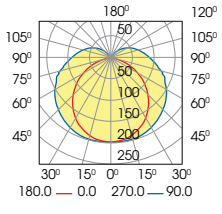


BÓNG ĐÈN **LED TUBE THỦY TINH**

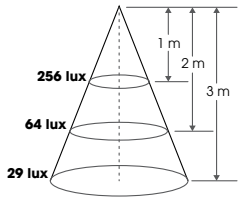


T8 TT01 600/10W

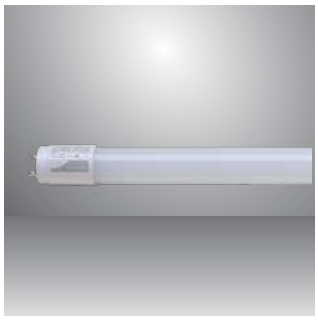
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

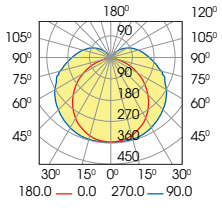




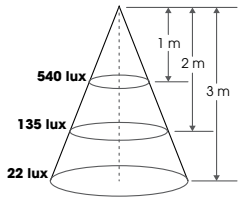


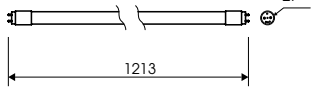
T8 TT01 1200/20W

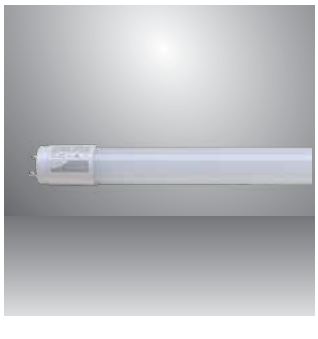
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

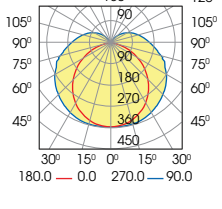




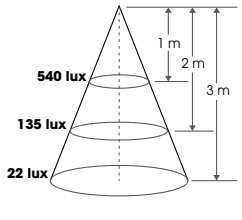


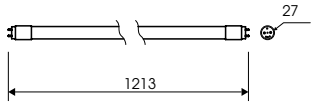
T8 TT01 1200/20W.H

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





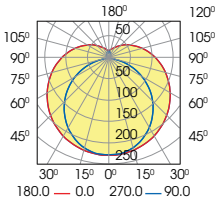
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxL)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
T8 600/10W	10	150÷250	0.5	100	1000	3000/6500	82	30.000	28x604
T8 1200/20W	20	150÷250	0.5	115	2300	3000/6500	82	30.000	28x1213
T8 TT01 600/10W	10	150÷250	0.5	100/110	1000/1100	3000/6500	82	30.000	27x604
T8 TT01 1200/20W	20	170÷250	0.5	110/130	2400/2600	3000/6500	82	30.000	27x1213
T8 TT01 1200/20W.H	20	170÷250	0.5	140/150	2800/3000	3000/6500	82	30.000	27x1213

BÓNG ĐÈN **LED TUBE THỦY TINH BỌC NHỰA**

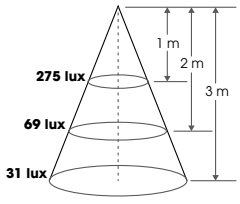


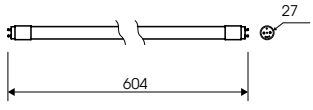
T8 N02 600/10W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

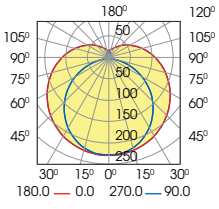




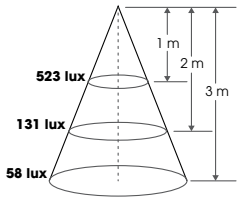


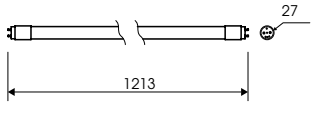
T8 N02 1200/20W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



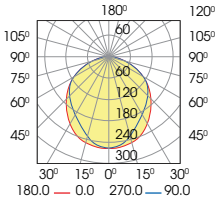


BỘ ĐÈN **LED T5 LIỀN THÂN**

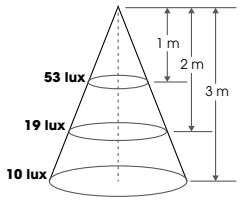


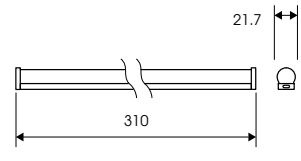
T5 LT03 300/4W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

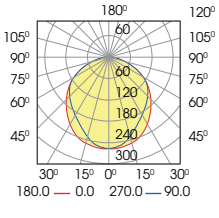




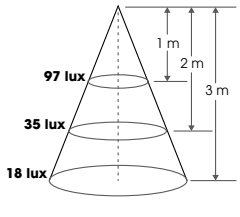


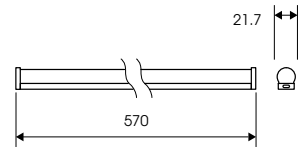
T5 LT03 600/8W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

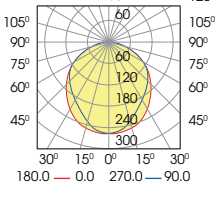




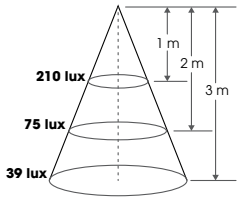


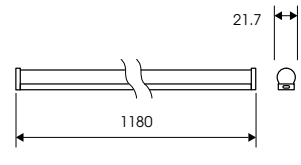
T5 LT03 1200/16W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





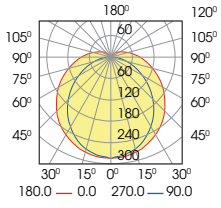
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxL)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
T8 N02 600/10W	10	170÷250	0.5	100/110	900	3000/6500	82	20.000	27x604
T8 N02 1200/20W	20	170÷250	0.5	110/130	2400/2600	3000/6500	82	20.000	27x1213
T5 LT03 300/4W	4	150÷250	0.5	90	360	3000/6500	80	15.000	21,7x310
T5 LT03 600/8W	8	150÷250	0.5	87	700	3000/6500	80	15.000	21,7x570
T5 LT03 1200/16W	16	150÷250	0.5	87	1300	3000/6500	80	15.000	21,7x1180

BỘ ĐÈN **LED TUBE NHÔM NHỰA**

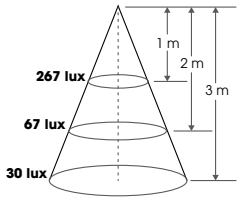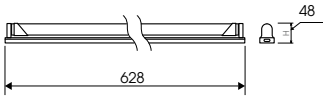


T8 M11/10Wx1

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

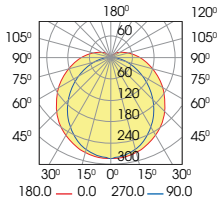




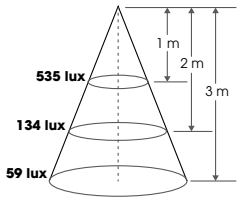


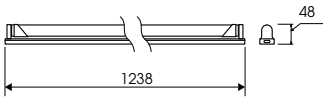
T8 M11/20Wx1

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



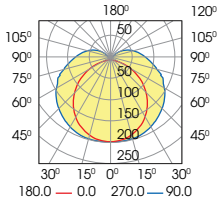


BỘ ĐÈN **LED TUBE THỦY TINH**

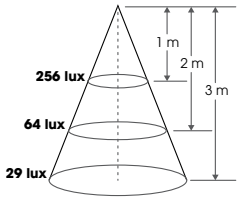


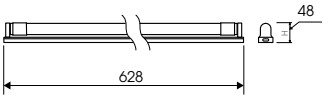
T8 TT01 M21.1/10Wx1

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

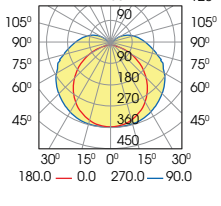




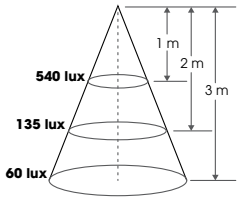


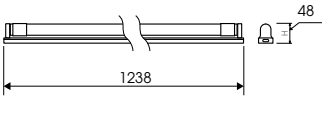
T8 TT01 M21.1/20Wx1

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



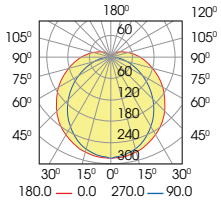


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxL)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
T8 M11/10Wx1	10	150÷250	0.5	85	1000	Trắng/Vàng	82	30.000	48x628
T8 M11/20Wx1	20	150÷250	0.5	100	2300	Trắng/Vàng	82	30.000	48x1238
T8 TT01 M21.1/10Wx1	10	170÷250	0.5	110 (6500-5000K) 100 (4000-3000K)	1100 (6500-5000K) 1000 (4000-3000K)	3000/4000/ 5000/6500	82	20.000	48x628
T8 TT01 M21.1/20Wx1	20	170÷250	0.5	110/120	2400/2600	3000/4000/ 5000/6500	82	20.000	48x1238

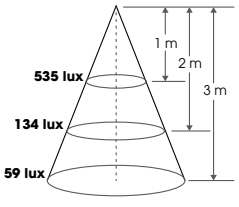


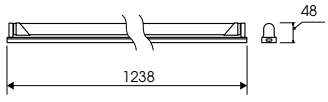
T8 TT01 M11/20Wx1

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

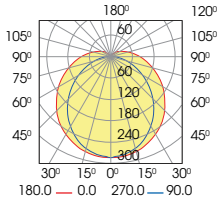




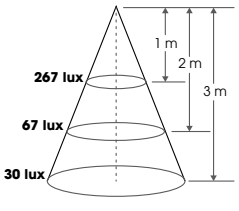


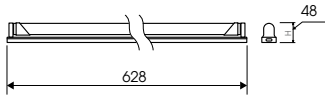
T8 N02 M11/10Wx1

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

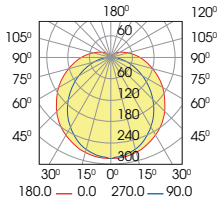




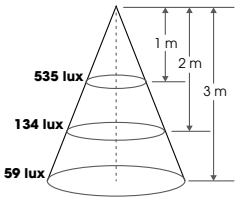


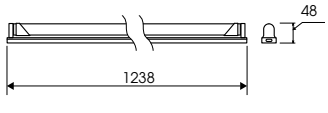
T8 N02 M11/20Wx1

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

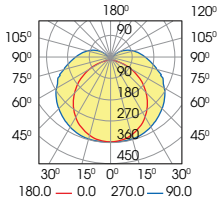




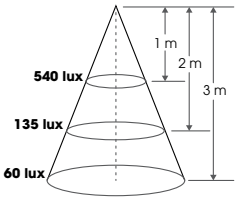


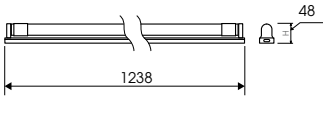
T8 N02 M21.1/20Wx1

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxL)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
T8 TT01 M11/20Wx1	20	170÷250	0.5	110/110/120/120	2200/2200/2400/2400	3000/4000/5000/6500	82	20000	35x1222
T8 N02 M11/10Wx1	10	150÷250	0.5	100/100/110/110	1000/1000/1100/1100	3000/4000/5000/6500	82	20000	48x628
T8 N02 M11/20Wx1	20	150÷250	0.5	110/110/120/120	2200/2200/2400/2400	3000/4000/5000/6500	82	20000	48x1238
T8 N02 M21.1/20Wx1	20	150÷250	0.5	110/110/120/120	2200/2200/2400/2400	3000/4000/5000/6500	82	20000	48x1238



NHÓM SẢN PHẨM
ĐÈN LED DOWNLIGHT

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

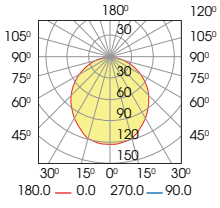
- Sử dụng Chip LED Hàn Quốc đạt độ tin cậy cao
- Chất lượng ánh sáng cao (CRI=80) tăng khả năng nhận diện màu sắc của vật được chiếu sáng, ánh sáng trung thực tự nhiên
- Dải điện áp rộng 150 ÷ 250V đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Tương thích điện từ trường không gây ra hiện tượng nhiễu cho sản phẩm điện tử và không bị ảnh hưởng nhiễu của các thiết bị điện tử khác
- Đa dạng công suất, chủng loại, đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

ĐÈN **LED DOWNLIGHT AT04**

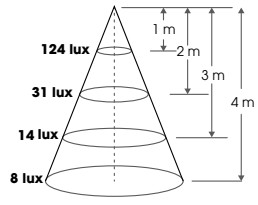


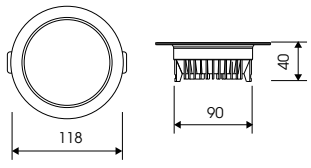
AT04 90/5W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

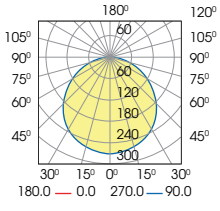




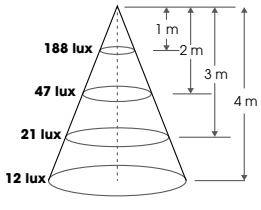


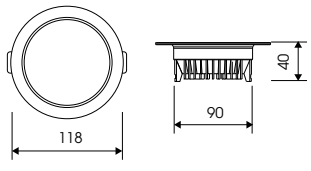
AT04 90/8W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

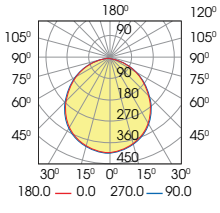




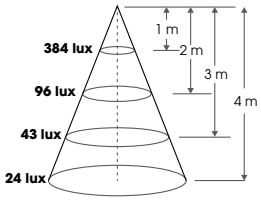


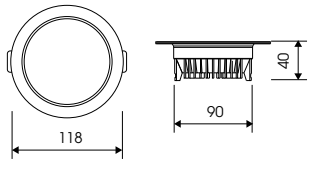
AT04 90/10W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

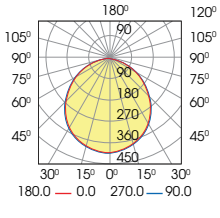




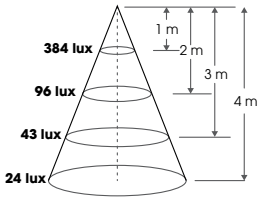


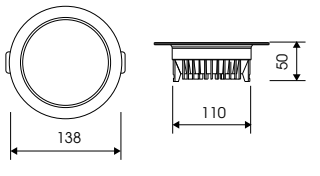
AT04 110/10W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

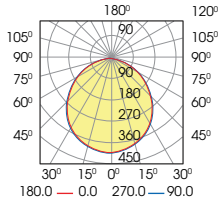




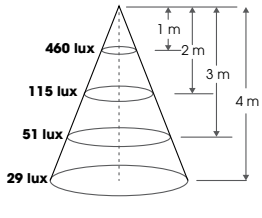


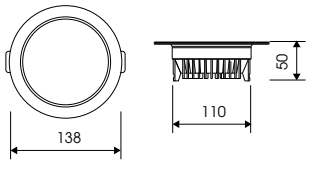
AT04 110/12W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



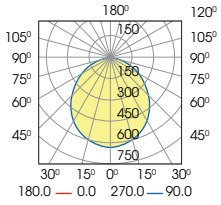


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT04 90/5W	5	150÷250	0.5	100	500	3000/4000/6500	80	30.000	118x40	90
AT04 90/8W	8	150÷250	0,5	100	800	3000/4000/6500	80	30000	118x40	90
AT04 90/10W	10	150÷250	0,5	100	1000	3000/4000/6500	80	30000	138x50	110
AT04 110/10W	10	150÷250	0,5	100	1000	3000/4000/6500	80	25000	138x50	110
AT04 110/12W	12	150÷250	0,5	100	1200	3000/4000/6500	80	25000	138x50	110

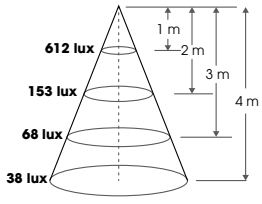


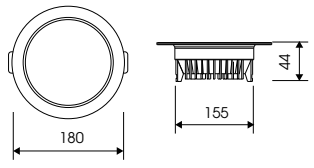
AT04 155/16W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

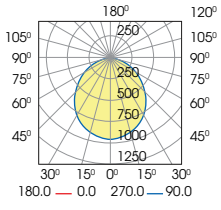




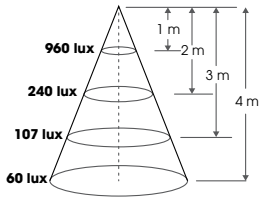


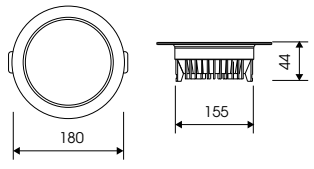
AT04 155/25W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



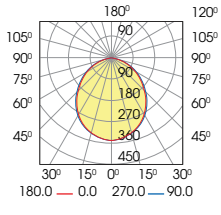


ĐÈN **LED DOWNLIGHT AT06.V2**

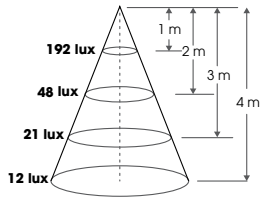


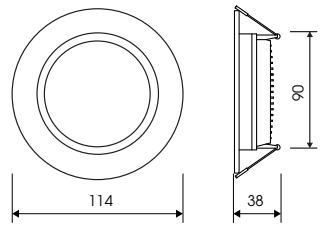
AT06.V2 90/5W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

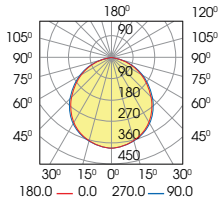




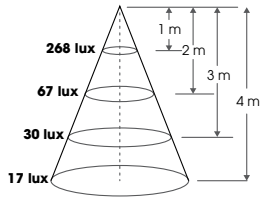


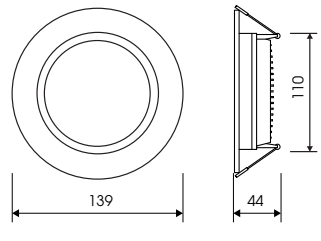
AT06.V2 90/7W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

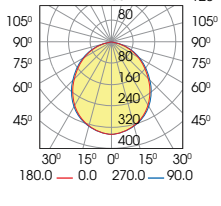




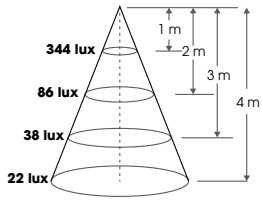


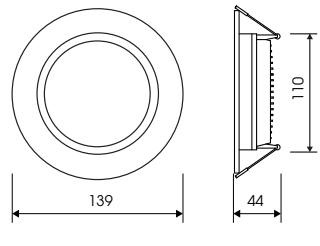
AT06.V2 110/9W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





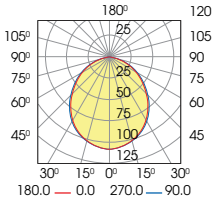
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT04 155/16W	16	150÷250	0.5	100	1600	3000/4000/6500	80	25.000	180x44	155
AT04 155/25W	25	150÷250	0.5	100	2000	3000/4000/6500	80	25.000	180x44	155
AT06.V2 90/5W	5	150÷250	0.5	100	500	3000/4000/6500	80	25.000	114x38.4	90
AT06.V2 90/7W	7	150÷250	0.5	100	700	3000/4000/6500	80	25.000	114x44	90
AT06.V2 110/9W	9	150÷250	0.5	100	900	3000/4000/6500	80	25.000	134x44	110

ĐÈN **LED DOWNLIGHT AT06.V3**

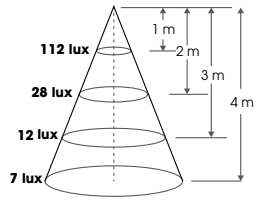


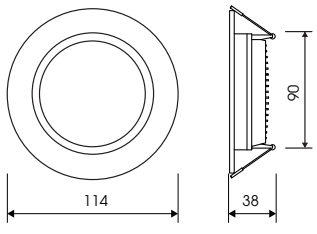
AT06.V3 90/5W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

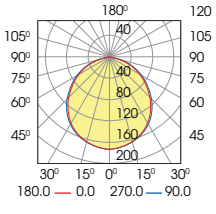




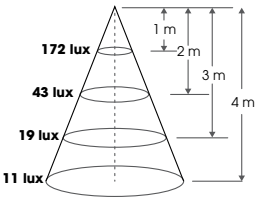


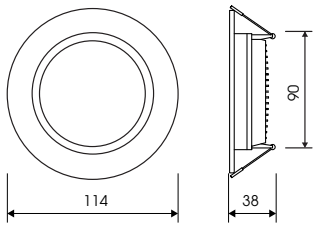
AT06.V3 90/7W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

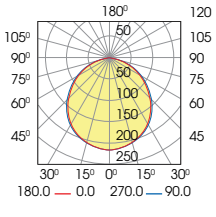




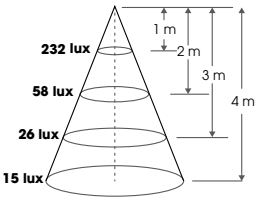


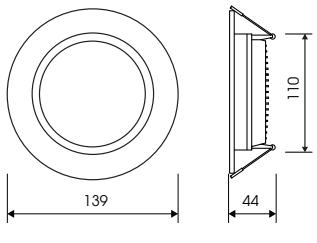
AT06.V3 110/9W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





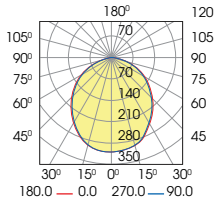
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT06.V3 90/5W	5	150÷250	0.5	100	500	3000/4000/6500	80	25.000	114x38.4	90
AT06.V3 90/7W	7	150÷250	0.5	100	700	3000/4000/6500	80	25.000	114x44	90
AT06.V3 110/9W	9	150÷250	0.5	100	900	3000/4000/6500	80	25.000	134x44	110

ĐÈN **LED DOWNLIGHT AT10**

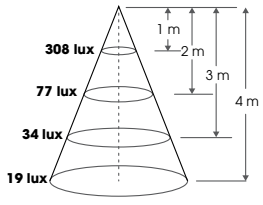


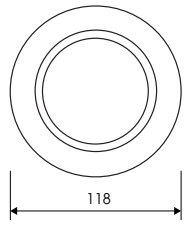
AT10 90/8W

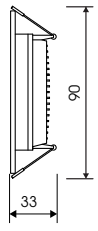
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



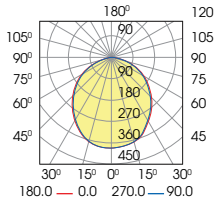




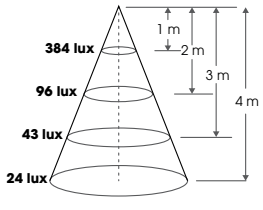


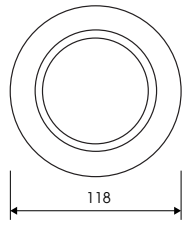
AT10 90/10W

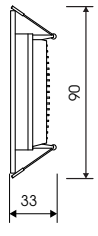
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



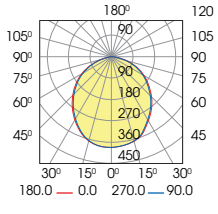




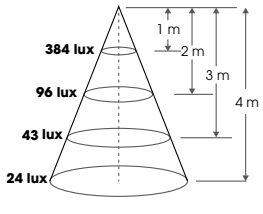


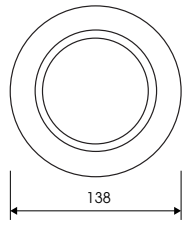
AT10 110/10W

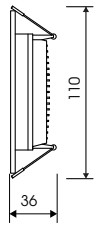
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



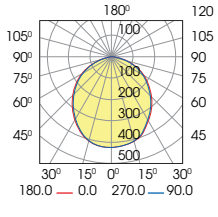




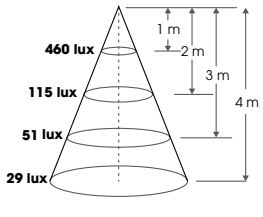


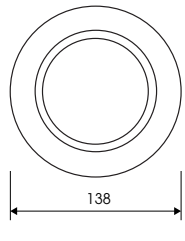
AT10 110/12W

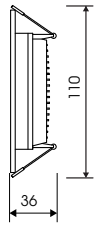
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

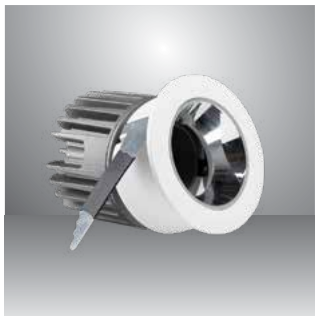






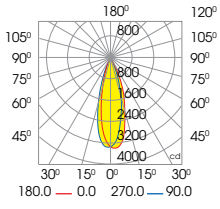
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT10 90/8W	8	150÷250	0,5	100	800	3000/4000/6500	80	30000	118x33	90
AT10 90/10W	10	150÷250	0,5	100	1000	3000/4000/6500	80	30000	118x33	90
AT10 110/10W	10	150÷250	0,5	100	1000	3000/4000/6500	80	30000	138x36	110
AT10 110/12W	9	150 ÷ 250	0,5	100	1200	3000/4000/6500	80	30000	138x36	110

ĐÈN **LED DOWNLIGHT AT22**

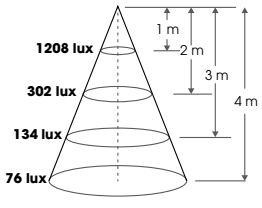


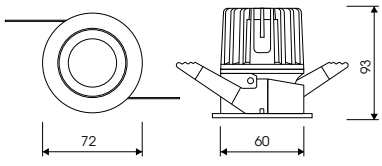
AT22 60/7W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

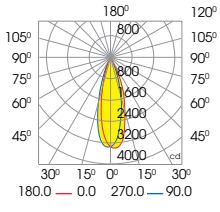




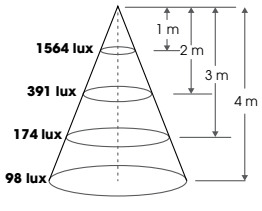


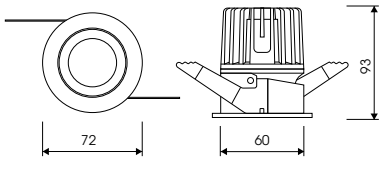
AT22 60/9W

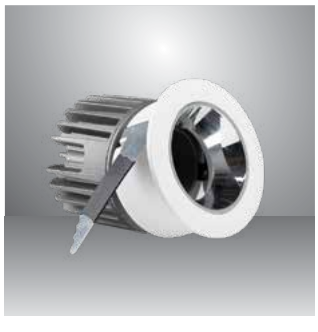
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

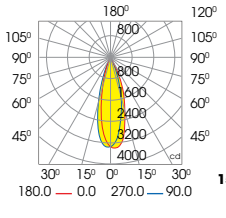




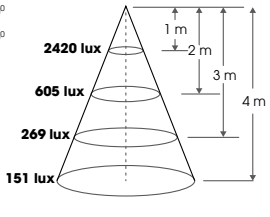


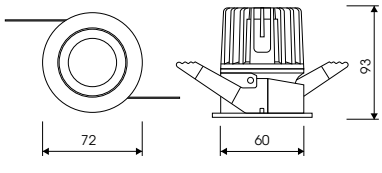
AT22 60/12W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





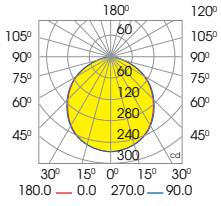
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Góc chiếu	Xoay góc	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V	lm/W	lm	K	°	°		Giờ	mm	mm
AT22 60/7W	7	150÷250	42/50/50	300/350/350	3000/5000/5000	15	20	80	30.000	72x93	60
AT22 60/9W	9	150÷250	55/61/61	500/550/550	3000/5000/5000	15	20	80	30.000	72x93	60
AT22 60/12W	12	150÷250	52/58/58	630/700/700	3000/5000/5000	15	20	80	30.000	72x93	60

ĐÈN **LED DOWNLIGHT AT28**

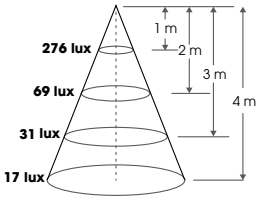


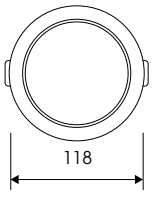
AT28 90/8W

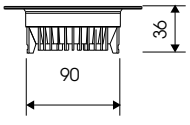
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



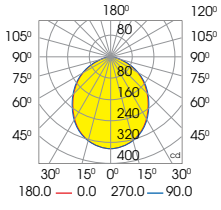




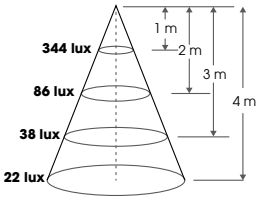


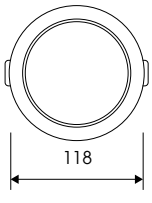
AT28 90/10W

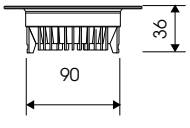
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



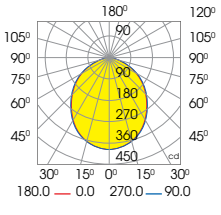




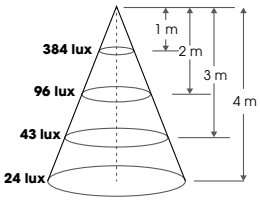


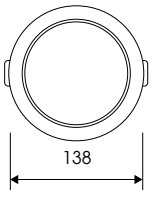
AT28 110/10W

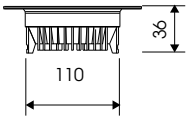
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



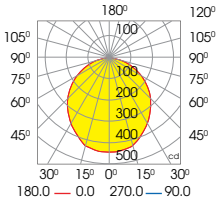




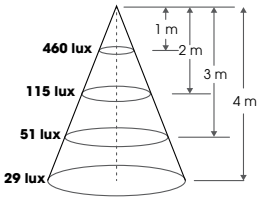


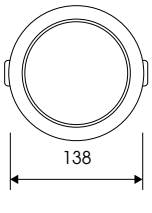
AT28 110/12W

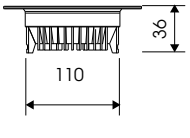
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





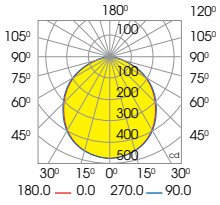


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT28 90/8W	8	150÷250	0.5	100	800	3000/4000/6500	80	30.000	118x36	90
AT28 90/10W	10	150÷250	0.5	100	1000	3000/4000/6500	80	30.000	118x36	90
AT28 110/10W	10	150÷250	0.5	100	1000	3000/4000/6500	80	30.000	138x36	110
AT28 110/12W	12	150÷250	0.5	100	1200	3000/4000/6500	80	30.000	138x36	110

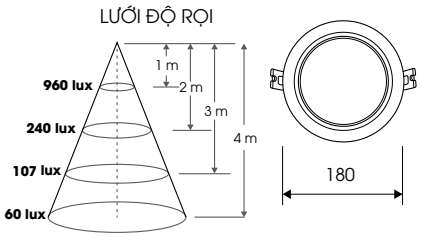


AT30 155/20W

PHÂN BỐ QUANG



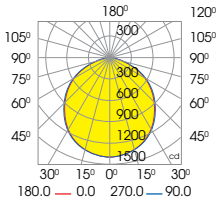
LƯỚI ĐỘ RỌI



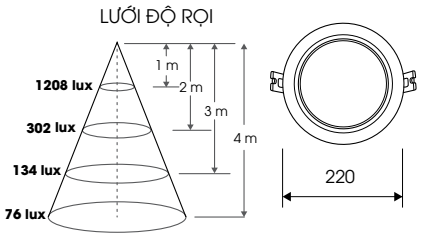


AT30 195/30W

PHÂN BỐ QUANG



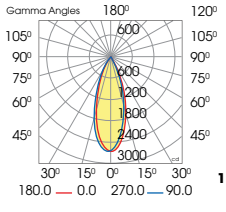
LƯỚI ĐỘ RỌI



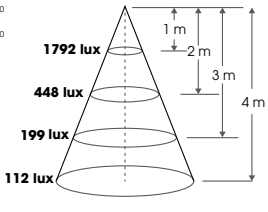


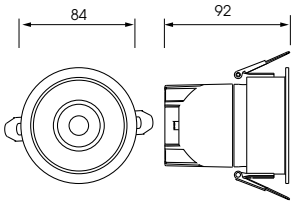
AT39 76/12W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

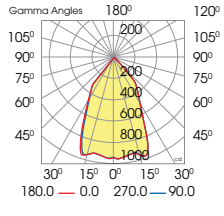




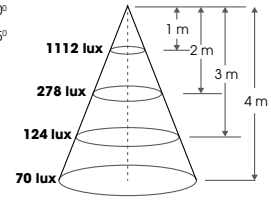


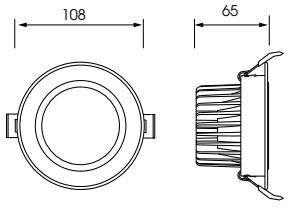
AT40 95/12W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

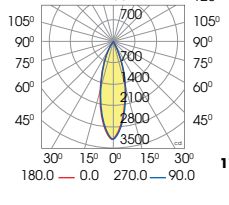




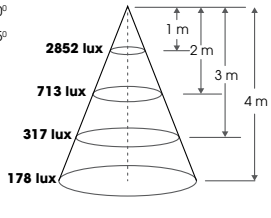


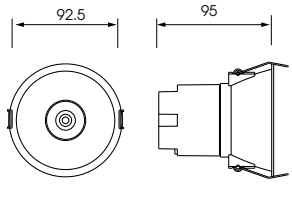
AT41 86/12W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





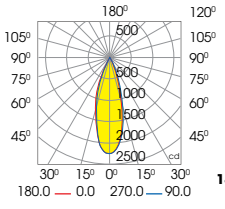
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Góc chiếu	Xoay góc	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V	lm/W	lm	K	°	°		Giờ	mm	mm
AT30 155/20W	20	150÷250	105	2100	3000/4000/6500			80	30.000	180x40	155
AT30 195/30W	30	150÷250	105	3150	3000/4000/6500			80	30.000	220x45	195
AT39 76/12W	12	150÷250	60	720	3000/4000/6500	24	0÷15	90	30.000	84x92	76
AT40 95/12W	12	150÷250	85	1020	3000/4000/6500	50	-20÷20	90	30.000	108x65	95
AT41 86/12W	12	150÷250	60	720	3000/4000/6500	24	-	90	30.000	92.5x95	86

ĐÈN **LED DOWNLIGHT AT45**

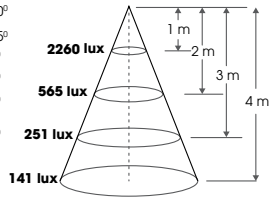


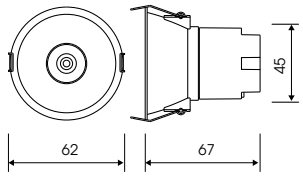
AT45 55/12W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

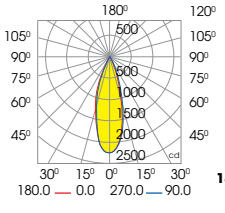




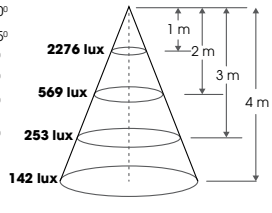


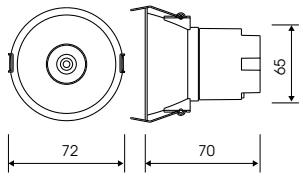
AT45 65/12W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

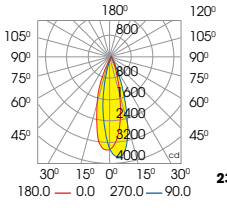




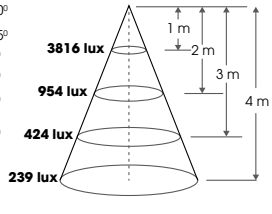


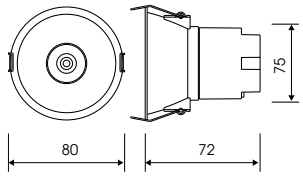
AT45 75/15W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





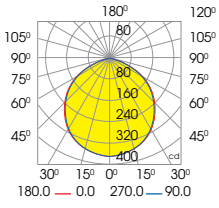
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Góc chiếu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V	lm/W	lm	K	°		Giờ	mm	mm
AT45 55/12W	12	150÷250	90	1080	3000/4000/6500	24	90	30000	62x67	55
AT45 65/12W	12	150÷250	90	1080	3000/4000/6500	24	90	30000	72x70	65
AT45 75/15W	15	150÷250	86	1290	3000/4000/6500	24	90	30000	80x72	75

ĐÈN **LED DOWNLIGHT AT56**

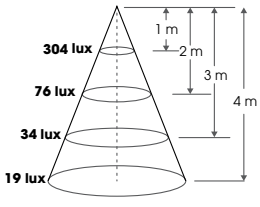


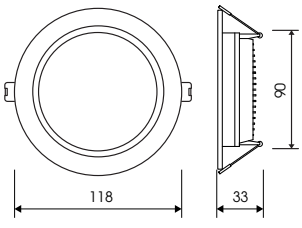
AT56 90/8W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

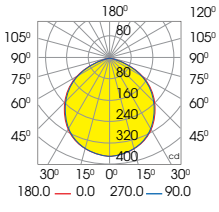




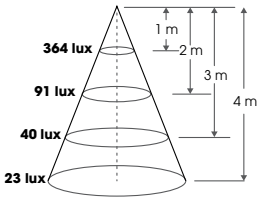


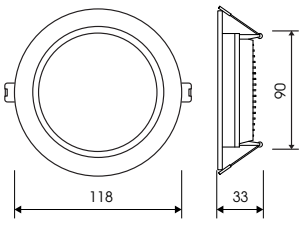
AT56 90/10W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

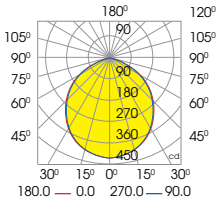




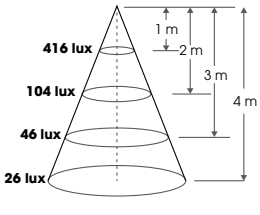


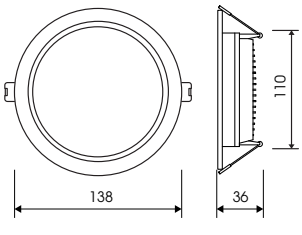
AT56 110/10W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

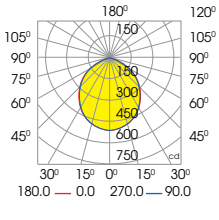




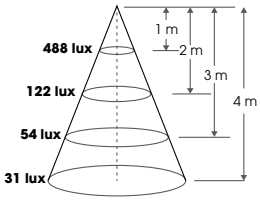


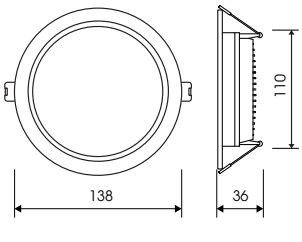
AT56 110/12W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





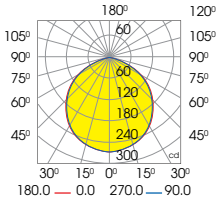
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Góc chiếu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V	lm/W	lm	K	°		Giờ	mm	mm
AT56 90/8W	8	150÷250	100	800	3000/4000/6500	105	80	30000	118x33	90
AT56 90/10W	10	150÷250	100	1000	3000/4000/6500	105	80	30000	118x33	90
AT56 110/10W	10	150÷250	100	1000	3000/4000/6500	105	80	30000	138x36	110
AT56 110/12W	12	150÷250	100	1200	3000/4000/6500	105	80	30000	138x36	110

ĐÈN **LED DOWNLIGHT AT58**

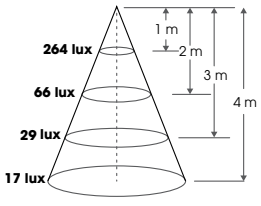


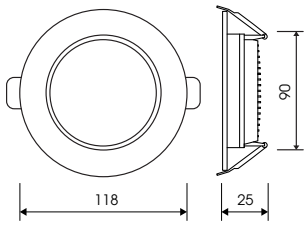
AT58 90/8W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

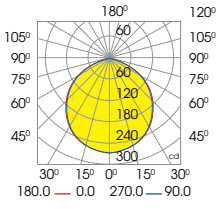




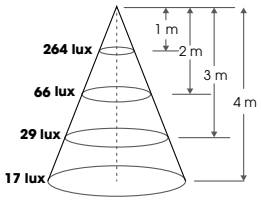


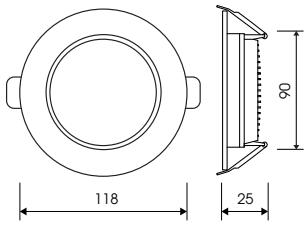
AT58 90/10W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

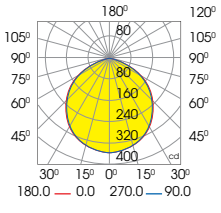




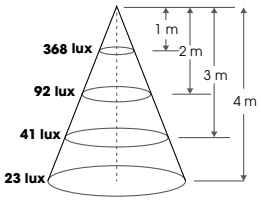


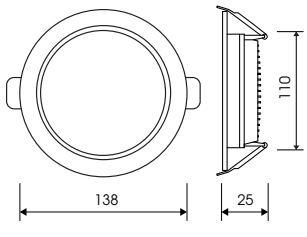
AT58 110/10W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

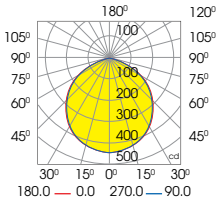




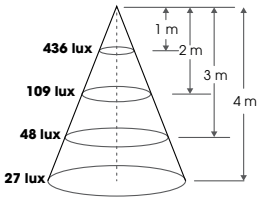


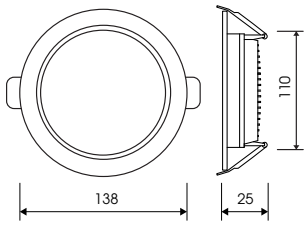
AT58 110/12W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





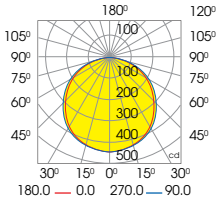
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Góc chiếu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V	lm/W	lm	K	°		giờ	mm	mm
AT58 90/8W	8	150÷250	100	800	3000/4000/6500	-	80	25000	118x25	90
AT58 90/10W	10	150÷250	100	1000	3000/4000/6500	-	80	25000	118x25	90
AT58 110/10W	10	150÷250	100	1000	3000/4000/6500	-	80	25000	138x25	110
AT58 110/12W	12	150÷250	100	1200	3000/4000/6500	-	80	25000	138x25	110

ĐÈN **LED DOWNLIGHT AT60**

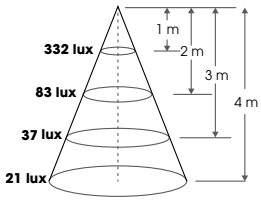


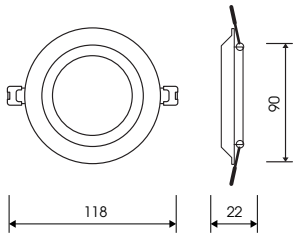
AT60 90/8W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

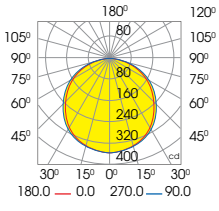




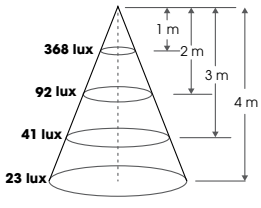


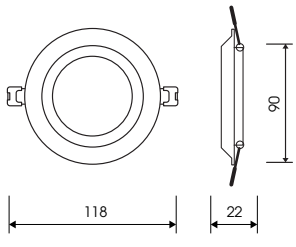
AT60 90/10W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

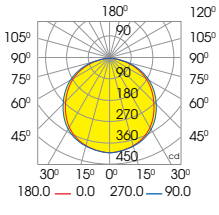




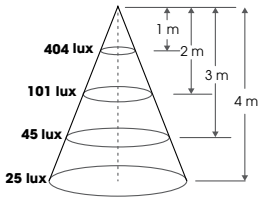


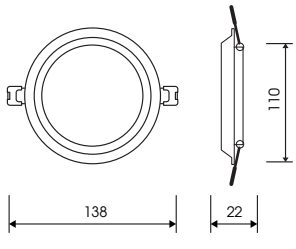
AT60 110/10W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

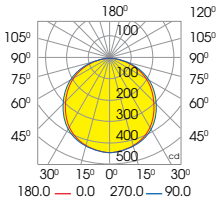




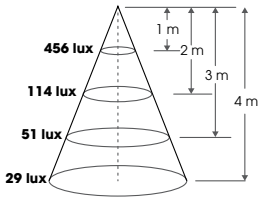


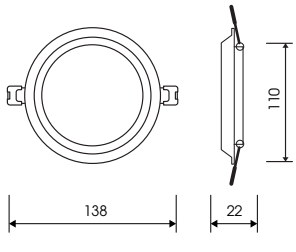
AT60 110/12W

PHÂN BỐ QUANG



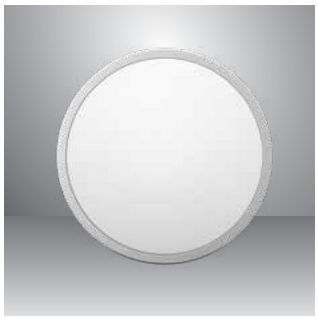
LƯỚI ĐỘ RỌI





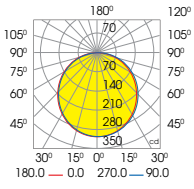
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Góc chiếu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V	lm/W	lm	K	°		giờ	mm	mm
AT60 90/8W	8	150÷250	100	800	3000/4000/6500	110	80	30000	118x22	90
AT60 90/10W	10	150÷250	100	1000	3000/4000/6500	110	80	30000	118x22	90
AT60 110/10W	10	150÷250	100	1000	3000/4000/6500	110	80	30000	138x22	110
AT60 110/12W	12	150÷250	100	1200	3000/4000/6500	110	80	30000	138x22	110

ĐÈN **LED DOWNLIGHT NỔI TRẦN**

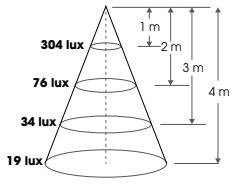


NT03 120/10W

PHÂN BỐ QUANG

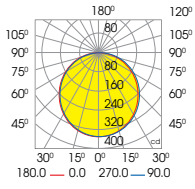


LƯỚI ĐỘ RỌI

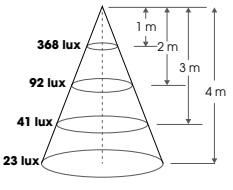


NT03 120/12W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



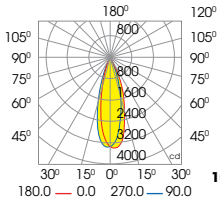
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Góc chiếu	Chỉ số hoàn màu	Cấp bảo vệ	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)
	W	V	lm/W	lm	K	°			giờ	mm
NT03 120/10W	10	150÷250	80/90	800/900	3000/4000/6500		80		20.000	120x42
NT03 120/12W	12	150÷250	80/90	960/1080	3000/4000/6500		80		20.000	120x42

ĐÈN DOWNLIGHT GÓC HẸP XOAY GÓC

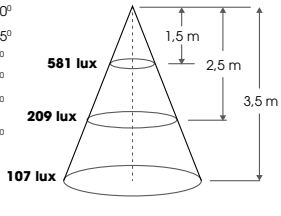


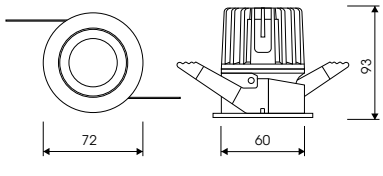
AT22 60/7W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Góc chiếu	Xoay góc	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Đường kính khoét trần (øc)	Kích thước (øxH)
	W	V	lm/W	lm	K	°	°		giờ	mm	mm
AT22 60/7W	7	150÷250	42/50/50	300/350/350	3000/5000/5000	15	20	80	30.000	60	72x93



NHÓM SẢN PHẨM
ĐÈN LED ỐP TRẦN

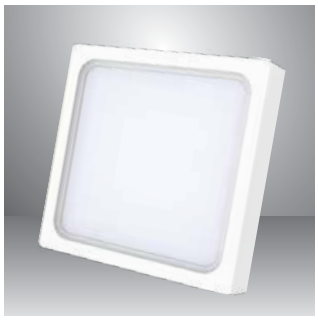
ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng Chip LED Hàn Quốc đạt độ tin cậy cao
- Chất lượng ánh sáng cao (CRI=80) tăng khả năng nhận diện màu sắc của vật được chiếu sáng, ánh sáng trung thực tự nhiên
- Dải điện áp rộng 150 ÷ 250V đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Tương thích điện từ trường không gây ra hiện tượng nhiễu cho sản phẩm điện tử và không bị ảnh hưởng nhiễu của các thiết bị điện tử khác
- Độ kín khít cao, chống côn trùng xâm nhập
- Đa dạng công suất, chủng loại, đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

ỨNG DỤNG

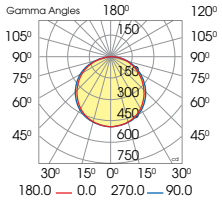
- Chiếu sáng indoor - Chiếu sáng hộ gia đình, căn hộ, tòa nhà: Hành lang, ban công, gara oto, phòng khách, phòng bếp, phòng wc…

ĐÈN **LED ỐP TRẦN LN08**

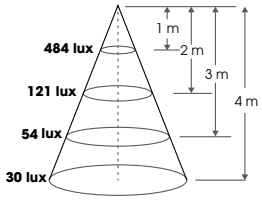


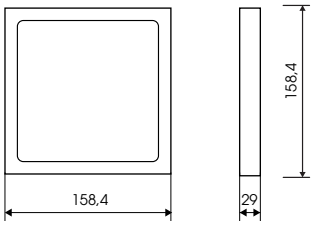
LN08 170x170/15W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

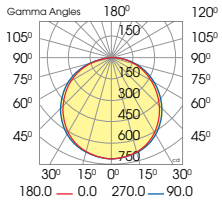




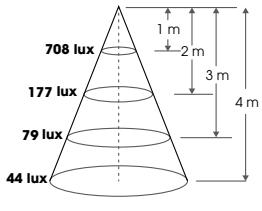


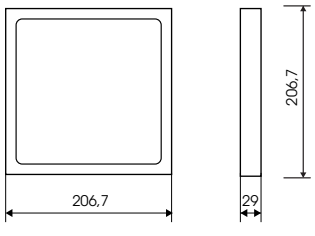
LN08 220x220/22W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

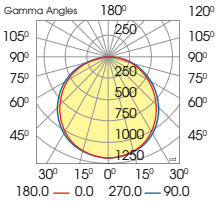




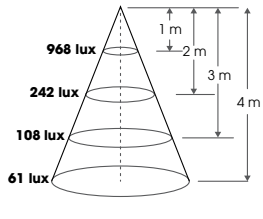


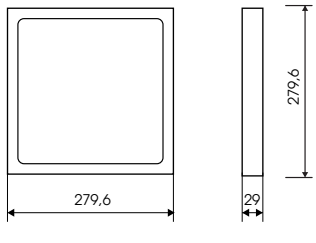
LN08 300x300/30W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





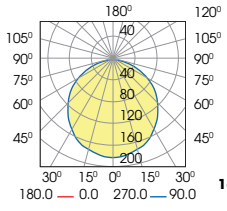
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (LxWxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
LN08 170x170/15W	15	150÷250	0.5	85/95/95/95	1275/1425/1425/1425	3000/4000/5000/6500	80	20.000	158.4x158.4x29
LN08 220x220/22W	22	150÷250	0.5	85/95/95/95	1870/2090/2090/2090	3000/4000/5000/6500	80	20.000	206.7x206.7x29
LN08 300x300/30W	30	150÷250	0.5	85/95/95/95	2550/2850/2850/2850	3000/4000/5000/6500	80	20.000	279.6x279.6x29

ĐÈN **LED ỐP TRẦN LN09**

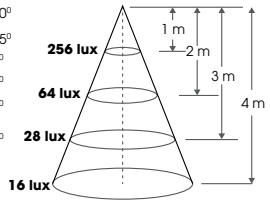


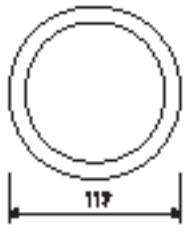
LN09 170/15W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



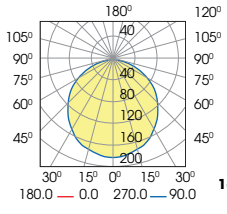




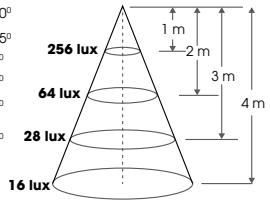


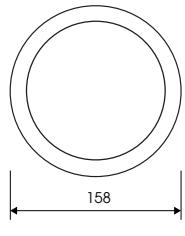
LN09 170/15W

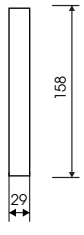
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



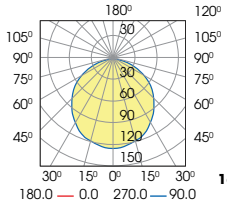




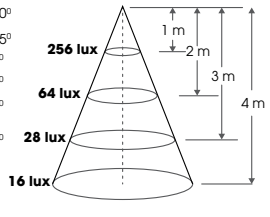


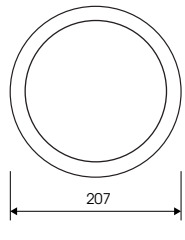
LN09 220/22W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



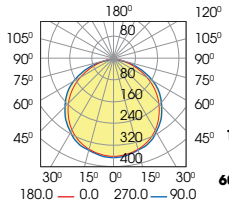




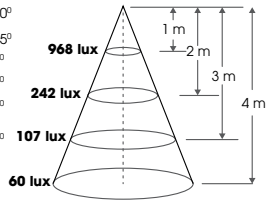


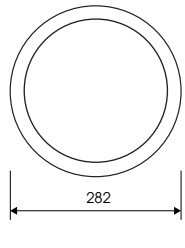
LN09 300/30W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI







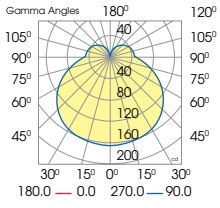
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (LxWxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
LN09 120/8W	8	150÷250	0.5	73/81/81/81	584/650/650/650	3000/4000/5000/6500	80	25.000	117x29.5
LN09 170/15W	15	150÷250	0.5	85/95/95/95	1275/1425/1425/1425	3000/4000/5000/6500	80	20.000	158x29
LN09 220/22W	22	150÷250	0.5	85/95/95/95	1870/2090/2090/2090	3000/4000/5000/6500	80	20.000	207x29
LN09 300/30W	30	150÷250	0.5	85/95/95/95	2550/2850/2850/2850	3000/4000/5000/6500	80	20.000	282x29

ĐÈN **LED ỐP TRẦN ĐẾ NHỰA LN12N**

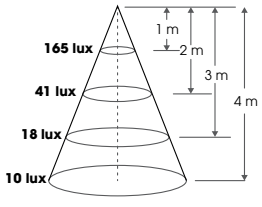


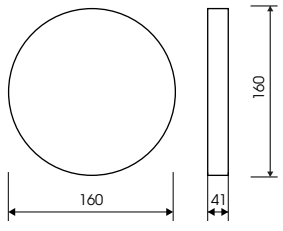
LN12N 170/12W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

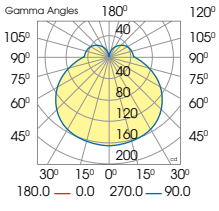




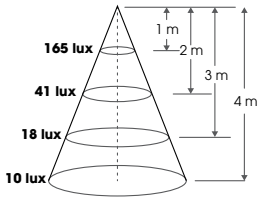


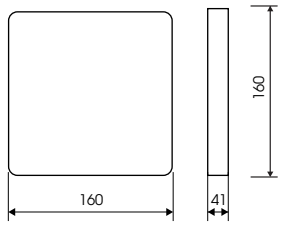
LN12N 170x170/12W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

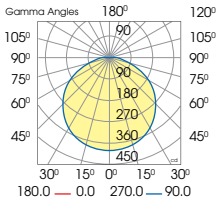




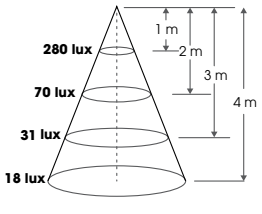


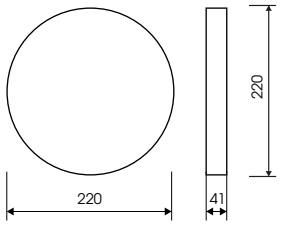
LN12N 220/18W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

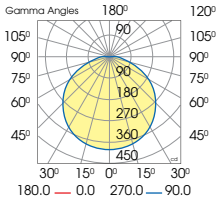




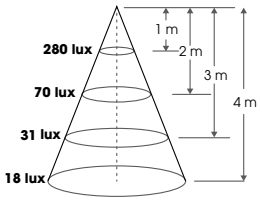


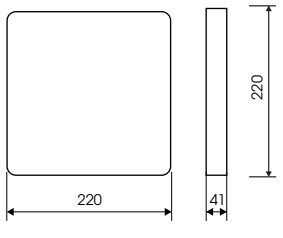
LN12N 220x220/18W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



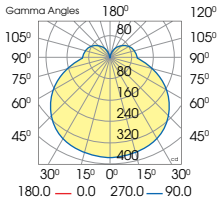


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (LxWxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
LN12N 170/12W	12	150÷250	0,5	68/75/75	810/900/900	3000/4000/6500	80	25000	160x41
LN12N 170x170/12W	12	150÷250	0,5	68/75/75	810/900/900	3000/4000/6500	80	25000	160x160x41
LN12N 220/18W	18	170÷250	0,5	72/80/80	1300/1450/1450	3000/4000/6500	80	20000	220x41
LN12N 220x220/18W	18	170÷250	0,5	72/80/80	1300/1450/1450	3000/4000/6500	80	20000	220x220x41

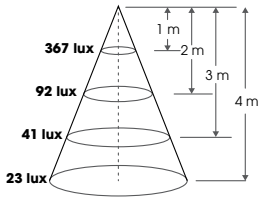


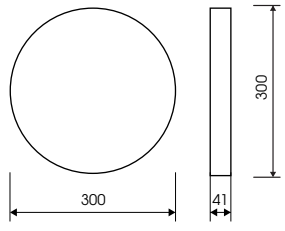
LN12N 300/24W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

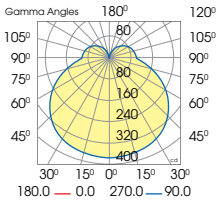




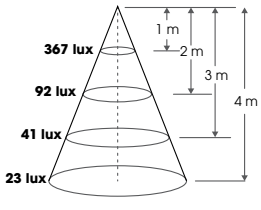


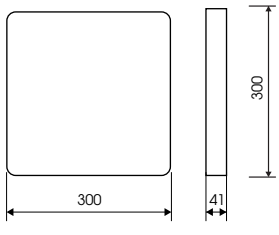
LN12N 300x300/24W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



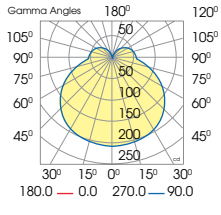


ĐÈN **LED ỐP TRẦN ĐẾ NHÔM LN12**

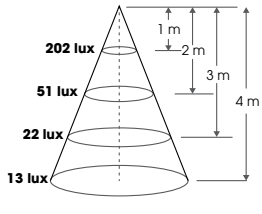


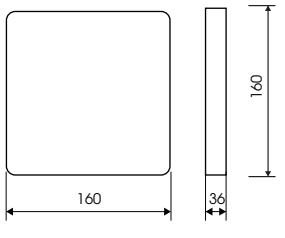
LN12 170x170/15W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

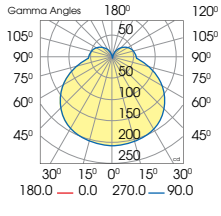




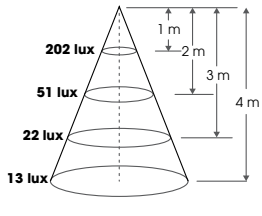


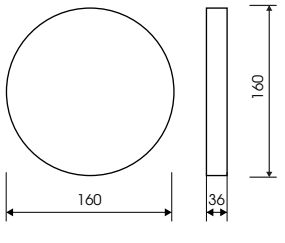
LN12 170/15W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



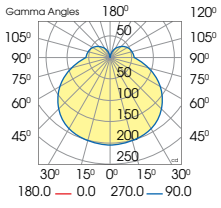


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (LxWxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
LN12N 300/24W	24	150÷250	0,5	75/83/83	1800/2000/2000	3000/4000/6500	80	25000	300x41
LN12N 300x300/24W	24	150÷250	0,5	75/83/83	1800/2000/2000	3000/4000/6500	80	25000	300x300x41
LN12 170/15W	15	150÷250	0,5	66/74/74	990/1100/1100	3000/4000/6500	80	30000	160x36
LN12 170x170/15W	15	150÷250	0,5	66/74/74	990/1100/1100	3000/4000/6500	80	30000	160x160x36

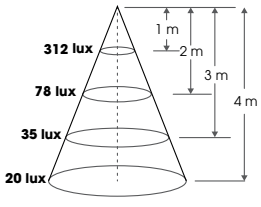


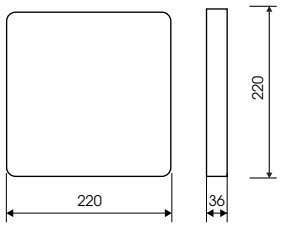
LN12 220x220/22W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

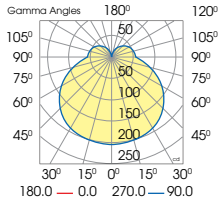




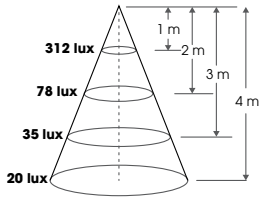


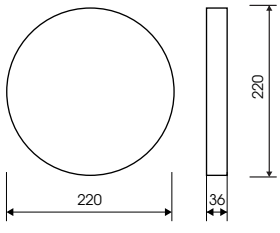
LN12 220/22W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

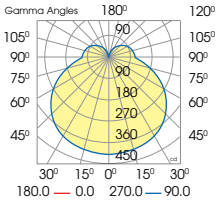




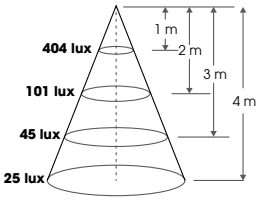


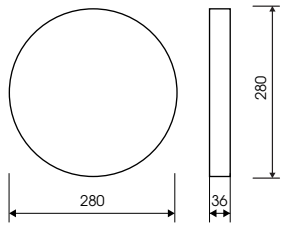
LN12 300/30W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

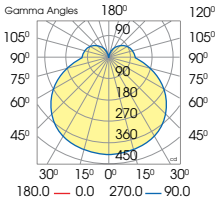




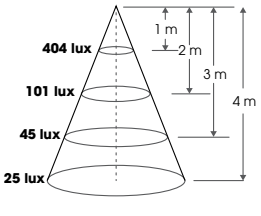


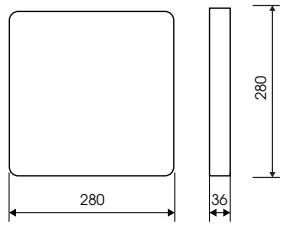
LN12 300x300/30W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





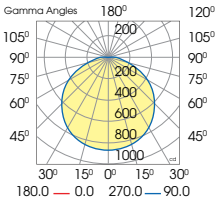
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (LxWxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
LN12 220/22W	22	150÷250	0,5	70/78/78	1530/1700/1700	3000/4000/6500	80	30000	220x36
LN12 220x220/22W	22	150÷250	0,5	70/78/78	1530/1700/1700	3000/4000/6500	80	30000	220x220x36
LN12 300/30W	30	150÷250	0,5	66/74/74	1980/2200/2200	3000/4000/6500	80	30000	280x36
LN12 300x300/30W	30	150÷250	0,5	66/74/74	1980/2200/2200	3000/4000/6500	80	30000	280x280x36

ĐÈN **LED ỐP TRẦN LN16**

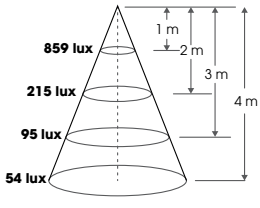


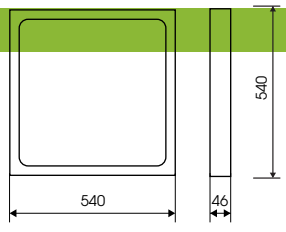
LN16 540x540/40W

PHÂN BỐ QUANG



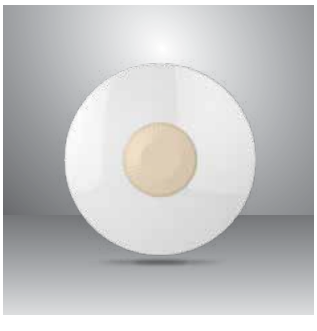
LƯỚI ĐỘ RỌI





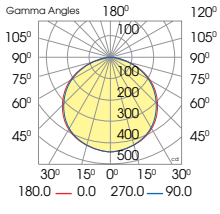
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (LxWxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
LN16 540x540/40W	40	150÷250	0.5	100/90	4000/3600	6500K/3000K	80	25.000	540x540x46

ĐÈN **LED ỐP TRẦN LN26**

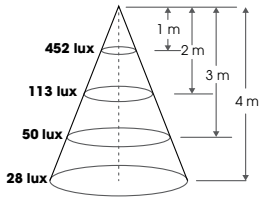


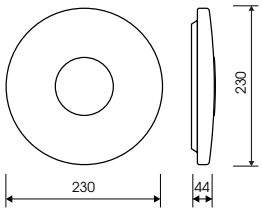
LN26 250/18W

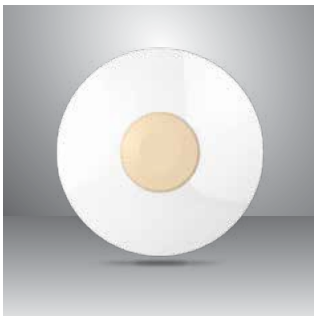
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

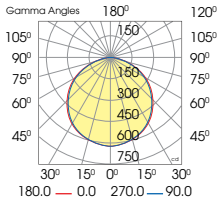




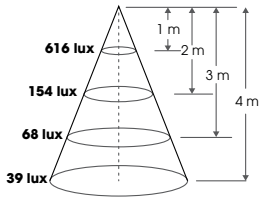


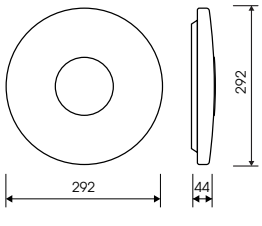
LN26 300/25W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





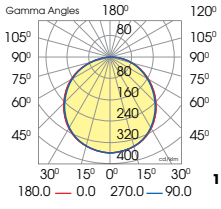
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (LxWxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
LN26 250/18W	18	170÷250	0,5	66/74	1190/1330	3000/6500	80	25000	230x44
LN26 300/25W	25	170÷250	0,5	66/74	1650/1850	3000/6500	80	25000	292x44

ĐÈN **LED ỐP TRẦN ĐẾ NHÔM LN29N**

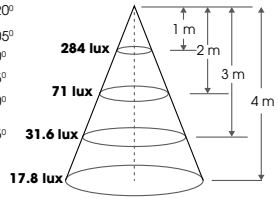


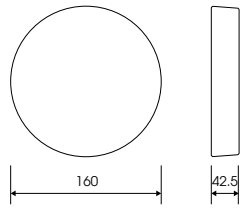
LN29N 170/12W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

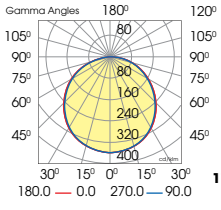




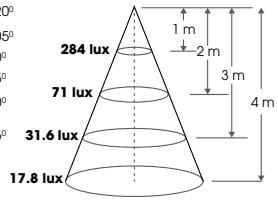


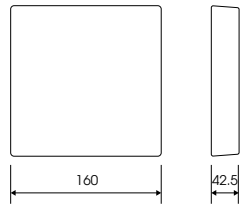
LN29N 170x170/12W

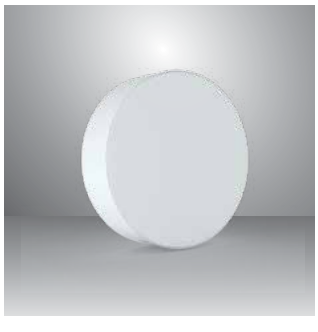
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

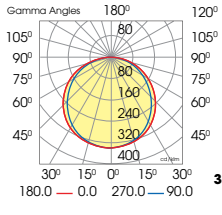




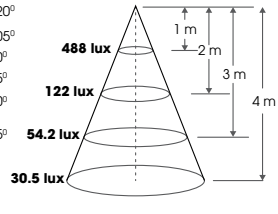


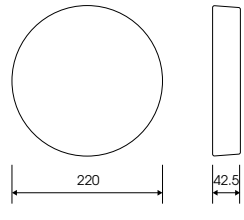
LN29N 220/18W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

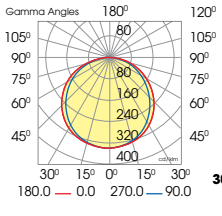




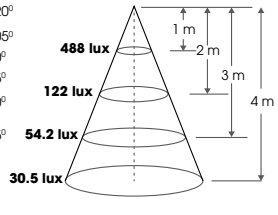


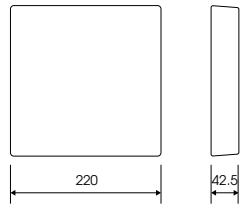
LN29N 220x220/18W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



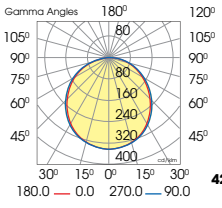


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (LxWxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
LN29N 170/12W	12	150÷250	0,5	68/75/75	810/900/900	3000/4000/6500	80	25000	160x42.5
LN29N 170x170/12W	12	150÷250	0,5	68/75/75	810/900/900	3000/4000/6500	80	25000	160x160x42.5
LN29N 220/18W	18	150÷250	0,5	72/80/80	1300/1450/1450	3000/4000/6500	80	25000	220x42.5
LN29N 220x220/18W	18	150÷250	0,5	72/80/80	1300/1450/1450	3000/4000/6500	80	25000	220x220x42.5

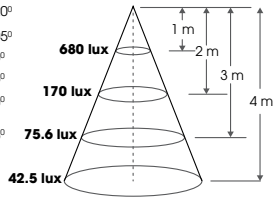


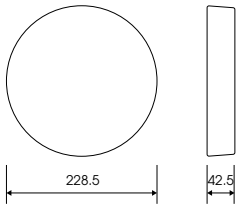
LN29N 300/24W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

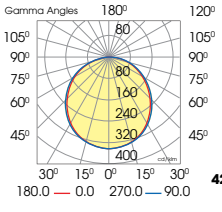




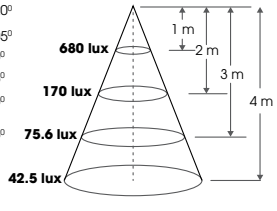


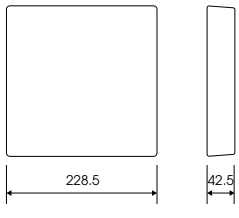
LN29N 300x300/24W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



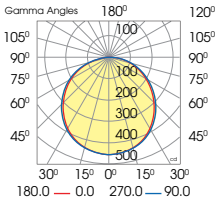


ĐÈN **LED ỐP TRẦN ĐẾ NHÔM LN30N**

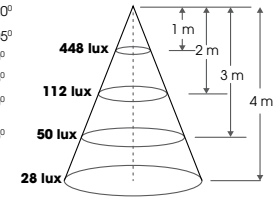


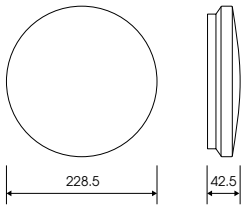
LN30N 220/18W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

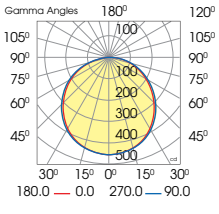




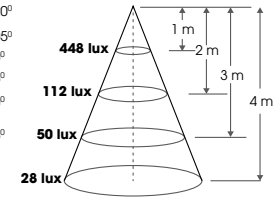


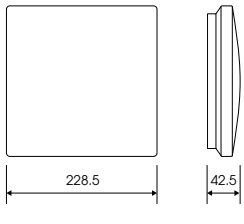
LN30N 220x220/18W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (LxWxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
LN29N 300/24W	24	150÷250	0,5	75/83/83	1620/1800/1800	3000/4000/6500	80	25000	282.5x42.5
LN29N 300x300/24W	24	150÷250	0,5	75/83/83	1620/1800/1800	3000/4000/6500	80	25000	282.5x282.5x42.5
LN30N 220/18W	18	150÷250	0,5	72/80/80	1300/1450/1450	3000/4000/6500	80	25000	220x42.5
LN30N 220x220/18W	18	150÷250	0,5	72/80/80	1300/1450/1450	3000/4000/6500	80	25000	220x220x42.5



NHÓM SẢN PHẨM
ĐÈN LED PANEL

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng Chip LED Hàn Quốc đạt độ tin cậy cao.
- Chất lượng ánh sáng cao (CRI>= 80) tăng khả năng nhận diện màu sắc của vật được chiếu sáng, ánh sáng trung thực tự nhiên.
- Tương thích điện từ trường EMC / EMI.
- Tối ưu mặt thiết kế chiếu sáng để đáp ứng tiêu chí chiếu sáng công trình xanh.
- Độ kín khít cao, chống côn trùng xâm nhập.
- Đa dạng công suất, chủng loại, kiểu dáng (vuông / tròn / chữ nhật) đáp ứng nhu cầu khách hàng.

ỨNG DỤNG

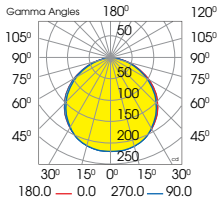
- Chiếu sáng hộ gia đình, căn hộ: Phòng khách, phòng bếp.
- Chiếu sáng văn phòng tòa nhà, bệnh viện, trung tâm thương mại…: Phòng làm việc, phòng họp, tiền sảnh.
- Lắp đặt âm trần.

ĐÈN **LED PANEL TRÒN PT04.V2**

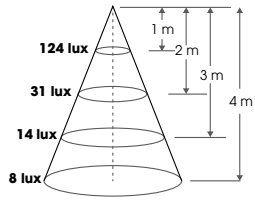


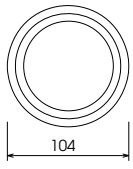
PT04.V2 90/8W

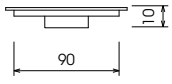
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



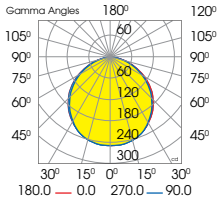




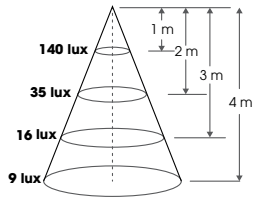


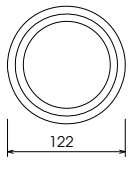
PT04.V2 110/8W

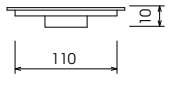
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



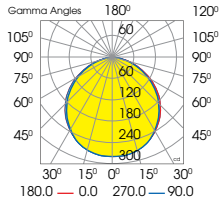




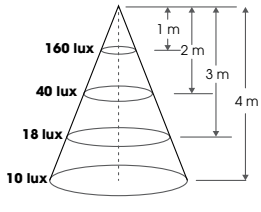


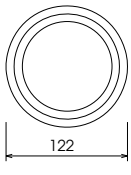
PT04.V2 110/10W

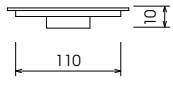
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



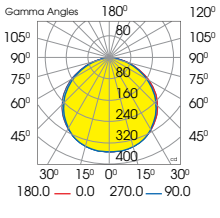




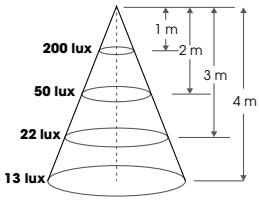


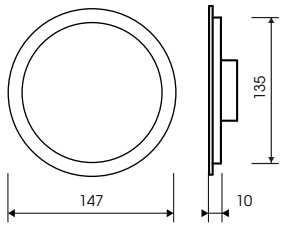
PT04.V2 135/10W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

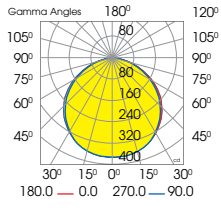




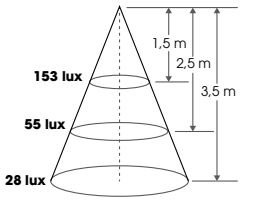


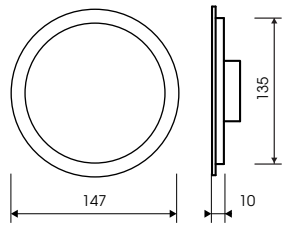
PT04.V2 135/12W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





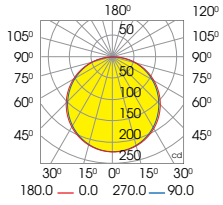
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Đường kính khoét trần (øc)	Kích thước (øxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
PT04.V2 90/8W	8	150÷250	0,5	70/78/78	560/620/620	3000/4000/6500	≥ 80	25000	90	104x32
PT04.V2 110/8W	8	150÷250	0,5	80/75/75	640/680/680	3000/4000/6500	≥ 80	25000	110	122x32
PT04.V2 110/10W	10	150÷250	0,5	75/80/80	750/800/800	3000/4000/6500	≥ 80	25000	110	122x32
PT04.V2 135/10W	10	150÷250	0,5	85/90/90	850/900/900	3000/4000/6500	≥ 80	25000	135	147x32
PT04.V2 135/12W	12	150÷250	0,5	75/83/83	900/1000/1000	3000/4000/6500	80	25000	135	147x10

ĐÈN **LED PANEL TRÒN PT05**

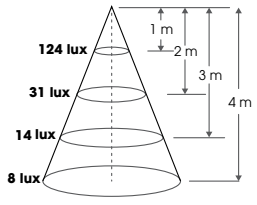


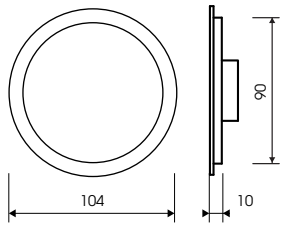
PT05 90/8W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

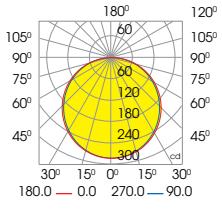




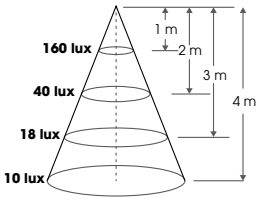


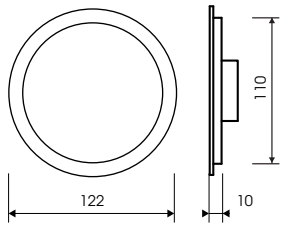
PT05 110/10W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

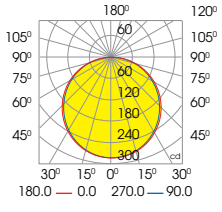




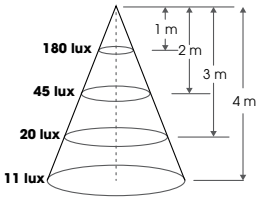


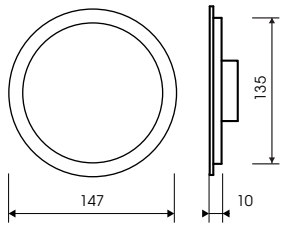
PT05 135/10W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

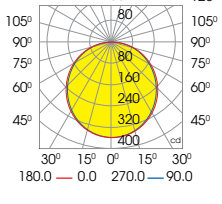




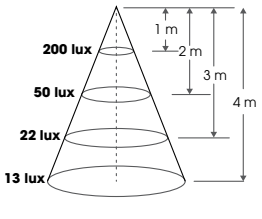


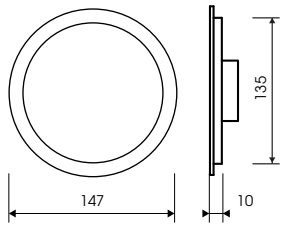
PT05 135/12W

PHÂN BỐ QUANG



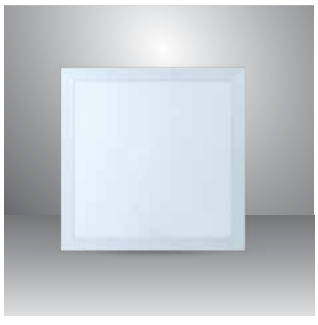
LƯỚI ĐỘ RỌI





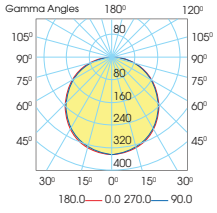
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Đường kính khoét trần (øc)	Kích thước (øxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
PT05 90/8W	8	150÷250	0,5	70/78/78	560/620/620	3000/4000/6500	≥ 80	25000	90	104x26
PT05 110/10W	10	150÷250	0,5	75/80/80	750/800/800	3000/4000/6500	≥ 80	25000	110	134x26
PT05 135/10W	10	150÷250	0,5	85/90/90	850/900/900	3000/4000/6500	≥ 80	25000	135	158x26
PT05 135/12W	12	150÷250	0,5	75/83/83	900/1000/1000	3000/4000/6500	80	25000	135	147x10

ĐÈN **LED PANEL P06**

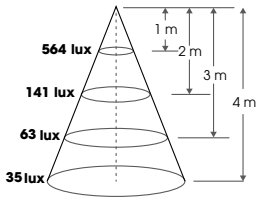


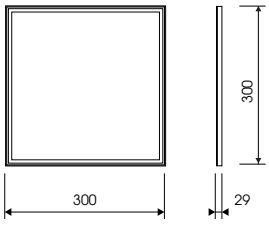
P06 300x300/15W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

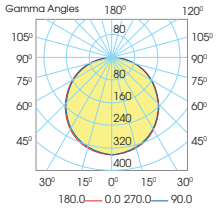




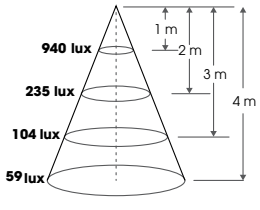


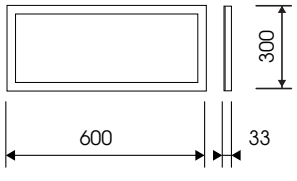
P06 300x600/25W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

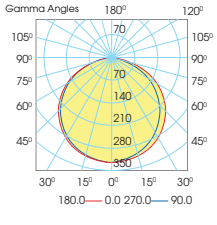




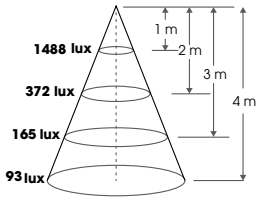


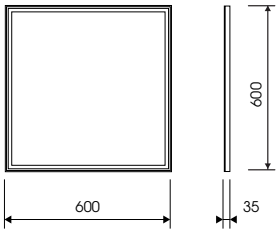
P06 600x600/50W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

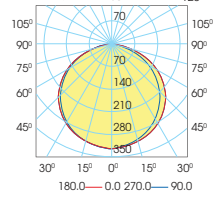




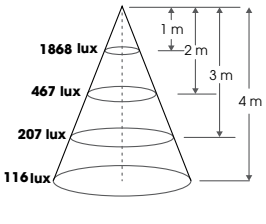


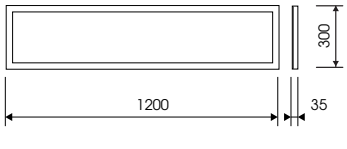
P06 300x1200/50W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



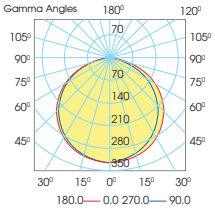


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
P06 300x300/15W	15	150÷250	0,5	105/110/110	1575/1650/1650	3000/4000/6500	80	30000	300x300x29
P06 300x600/25W	25	150÷250	0,5	105/110/110	2625/2750/2750	3000/4000/6500	80	30000	600x300x33
P06 600x600/50W	50	150÷250	0,5	110/118/118	5500/5900/5900	3000/4000/6500	80	30000	600x600x35
P06 300x1200/50W	50	150÷250	0,5	110/118/118	5500/5900/5900	3000/4000/6500	80	30000	1200x300x35

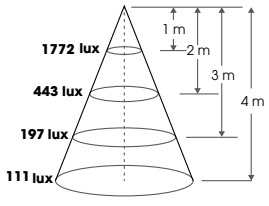


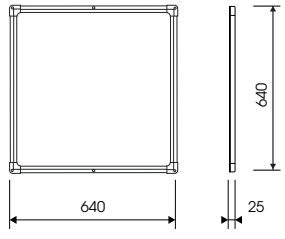
P06 640x640/50W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

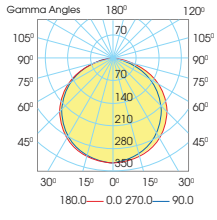




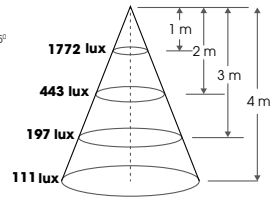


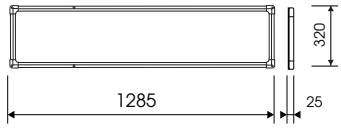
P06 320x1280/50W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

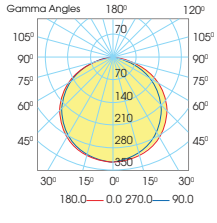




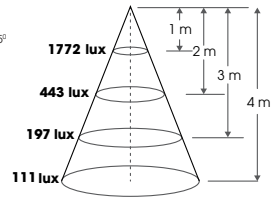


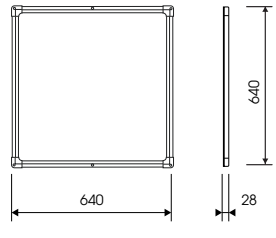
P06 640x640/50W trắng S

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

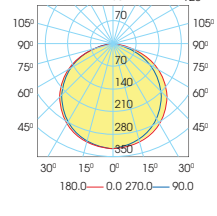




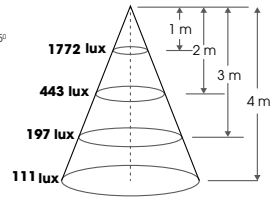


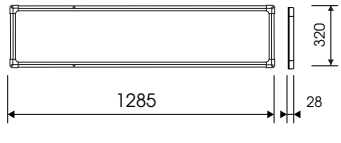
P06 320x1280/50W trắng S

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





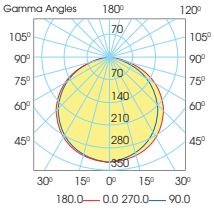
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
P06 640x640/50W	50	150÷250	0,5	110/120/120	5520/6000/6000	3000/4000/6500	80	30000	640x640x25
P06 320x1280/50W	50	150÷250	0,5	102/110/110	5100/5500/5500	3000/4000/6500	80	30000	1285x320x22
P06 640x640/50W trắng S	50	150÷250	0,5	110/120/120	5500/6000/6000	3000/5700/6500	80	30000	640x640x28
P06 320x1280/50W trắng S	50	150÷250	0,5	110/120/120	5500/6000/6000	3000/5700/6500	80	30000	1285x320x28

ĐÈN **LED PANEL CHỐNG CHÓI**

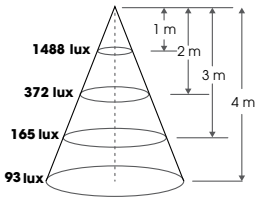


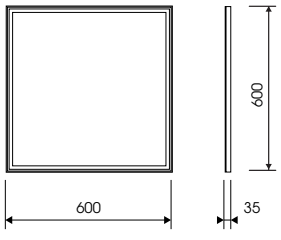
P06.UGR19.V 600x600/50W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

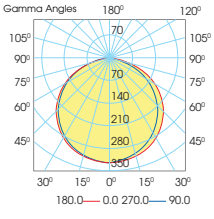




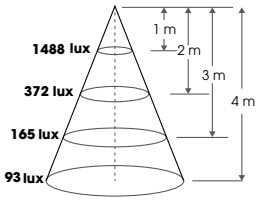


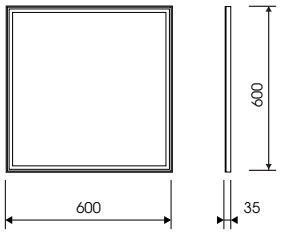
P06.UGR19.T 600x600/50W

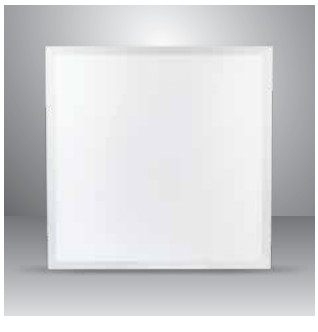
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

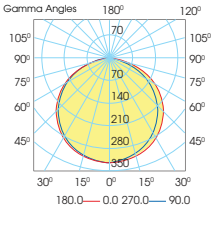




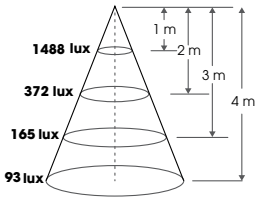


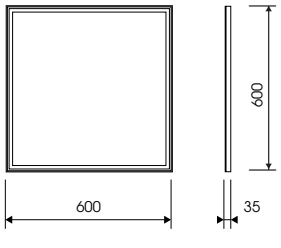
P06.UGR19 600x600/50W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

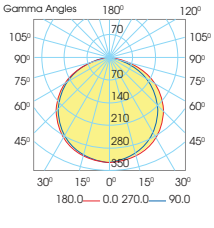




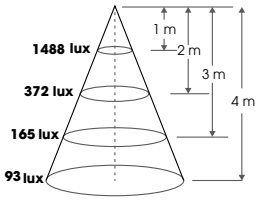


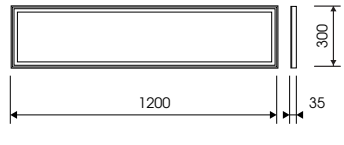
P06.UGR19 300x1200/50W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





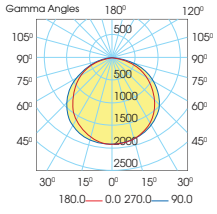
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)	Chỉ số chống chói	Góc chùm tia
	W	V		lm/W	lm	k		Giờ	mm	UGR	°
P06.UGR19.V 600x600/50W	50	150÷250	0,5	100/ 110/110	5000/ 5500/5500	3000/ 4000/6500	80	30000	600x600x35	≤19	100
P06.UGR19.T 600x600/50W	50	150÷250	0,5	100/ 110/110	5000/ 5500/5500	3000/ 4000/6500	80	30000	600x600x35	≤19	100
P06.UGR19 600x600/50W	50	150÷250	0,5	110/ 118/118	5500/ 5900/5900	3000/ 4000/6500	80	30000	600x600x35	≤19	100
P06.UGR19 300x1200/50W	50	150÷250	0,5	110/ 118/118	5500/ 5900/5900	3000/ 4000/6500	80	30000	300x1200x35	≤19	100

ĐÈN **LED PANEL CHIẾU CẠNH P08**

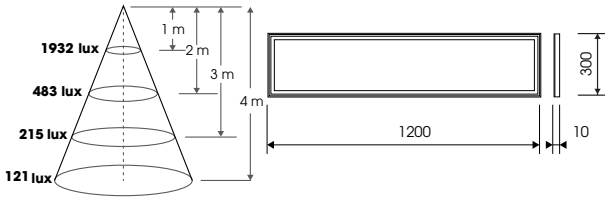


P08 300x1200/50W

PHÂN BỐ QUANG



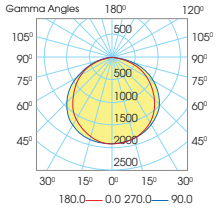
LƯỚI ĐỘ RỌI



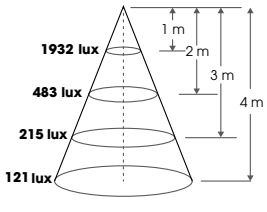


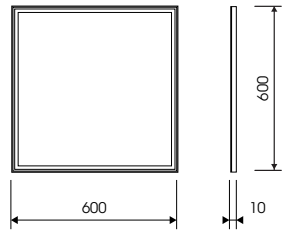
P08 600x600/50W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

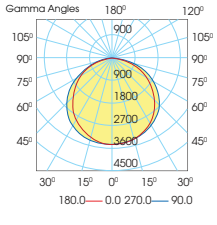




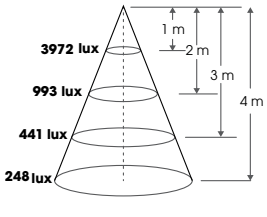


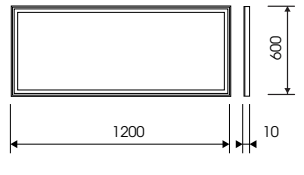
P08 600x1200/100W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



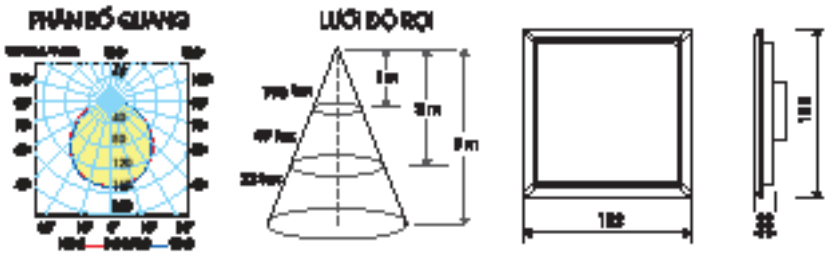


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
P08 300x1200/50W	50	150÷250	0.9	110/115/115	5500/5750/5750	3000/4000/6500	80	25.000	1200x300x10
P08 600x600/50W	50	150÷250	0.9	110/115/115	5500/5750/5750	3000/4000/6500	80	25.000	600x600x10
P08 600x1200/100W	100	150÷250	0.9	110/115/115	11000/11500/11500	3000/4000/6500	≥80	25.000	1200x600x10

ĐÈN **LED PANEL VUÔNG PN04**

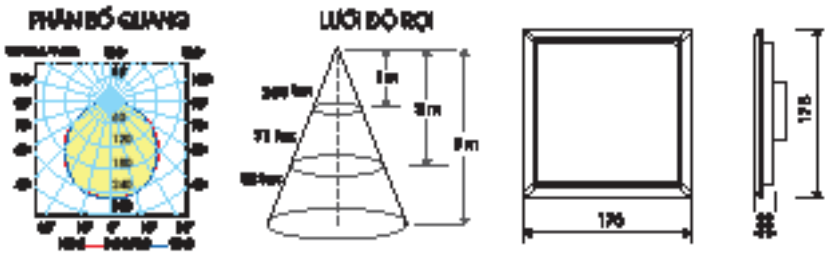


PN04 110x110/9W





PN04 160x160/12W



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	k		Giờ	mm
PN04 160x160/12W	12	150÷250	0.5	60/ 66	720/ 800	3000/6500	80	2000	175x175x22
PN04 110x110/9W	9	150÷250	0.5	55/ 61	495/ 550	3000/6500	80	2000	122x122x22

GIÁ TREO ĐÈN LED PANEL



GTP 300x1200

Kích thước: (300x1200x60) mm



GTP 600x600

Kích thước: (600x600x60) mm



GTP 600x1200

Kích thước: (600x1200x60) mm



NHÓM SẢN PHẨM
ĐÈN LED DÂY

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng chip LED Hàn Quốc hiệu suất sáng cao, tuổi thọ cao
- Cấu tạo vỏ nhựa PVC có độ bền cao, dễ dàng uốn cong và khả năng chống nước tốt (IP65)

ỨNG DỤNG

- Chiếu sáng trong nhà: trang trí hắt trần thạch cao, hắt tường, tạo điểm nhấn cho phòng khách, phòng ngủ; chiếu sáng bổ sung cho kệ, tủ bếp,…
- Chiếu sáng ngoài trời: sân vườn, cây cối, tòa nhà,…

ĐÈN LED DÂY **TRANG TRÍ**

LD01.V2.B 1000/7W



Công suất (W):	7
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Màu ánh sáng:	Blue
Tuổi thọ (Giờ):	25.000
Kích thước (RxC) (mm):	13x7
Cấp bảo vệ:	IP65
Cuộn (m):	50 -100

LD01.V2.R 1000/7W



Công suất (W):	7
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Màu ánh sáng:	Red
Tuổi thọ (Giờ):	25.000
Kích thước (RxC) (mm):	13x7
Cấp bảo vệ:	IP65
Cuộn (m):	50 -100

LD01 1000/12W (12VDC)



Công suất (W):	12
Điện áp hoạt động (VDC):	12
Quang thông (lm):	1300
Nhiệt độ màu:	3000/6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (Giờ):	25.000
Chiều dài nhỏ nhất có thể cắt (m):	0.025
Cấp bảo vệ:	IP65
Cuộn (m):	100

LD01.B 1000/7W



Công suất (W):	7
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Màu ánh sáng:	Blue
Tuổi thọ (Giờ):	25.000
Kích thước (RxC) (mm):	13x7
Cấp bảo vệ:	IP65
Cuộn (m):	100

LD01.R 1000/7W



Công suất (W):	7
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Màu ánh sáng:	Red
Tuổi thọ (Giờ):	25.000
Kích thước (RxC) (mm):	13x7
Cấp bảo vệ:	IP65
Cuộn (m):	100

ĐÈN LED DÂY **CHIẾU SÁNG**

LD02 1000/7W



Công suất (W):	7
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Quang thông (lm):	300
Nhiệt độ màu (K):	3000/4000/6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (Giờ):	25.000
Kích thước (RxC) (mm):	11x5
Cấp bảo vệ:	IP65
Cuộn (m):	50 -100

LD02 1000/9W



Công suất (W):	9
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Quang thông (lm):	700
Nhiệt độ màu (K):	3000/4000/6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (Giờ):	25.000
Kích thước (RxC) (mm):	11x5
Cấp bảo vệ:	IP65
Cuộn (m):	50 -100

LD03 1000/7W



Công suất (W):	7
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Quang thông (lm):	300
Nhiệt độ màu (K):	3000/4000/6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (Giờ):	25.000
Kích thước (RxC) (mm):	13x7
Cấp bảo vệ:	IP65
Cuộn (m):	50 -100

LD03 1000/8W



Công suất (W):	9
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷240
Quang thông (lm):	380
Nhiệt độ màu (K):	3000/6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (Giờ):	25.000
Kích thước (RxC) (mm):	12.5x7
Cấp bảo vệ:	IP65
Cuộn (m):	50 -100

LD03 1000/9W



Công suất (W):	7
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Quang thông (lm):	300
Nhiệt độ màu (K):	3000/4000/6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (Giờ):	25.000
Kích thước (RxC) (mm):	13x7
Cấp bảo vệ:	IP65
Cuộn (m):	50 -100

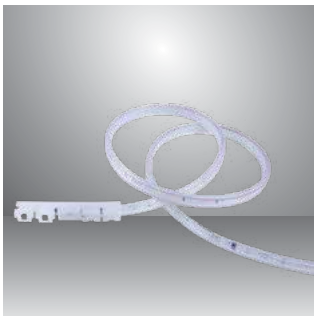
LD03 1000/10W



Công suất (W):	9
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷240
Quang thông (lm):	900
Nhiệt độ màu (K):	3000/6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (Giờ):	25.000
Kích thước (RxC) (mm):	16x7
Cấp bảo vệ:	IP65
Cuộn (m):	50 -100

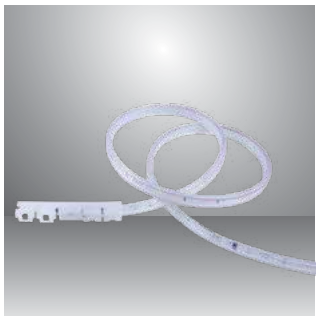
BỘ PHỤ KIỆN **LED DÂY**

Bộ phụ kiện nối dài Đèn LED dây LD01 1000/7W



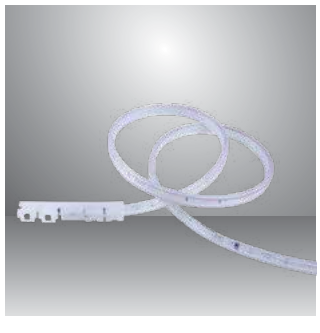
Cấp bảo vệ:	IP65
Số lượng/ thùng (cái):	50

Bộ phụ kiện nối dài Đèn LED dây LD01 1000/8W



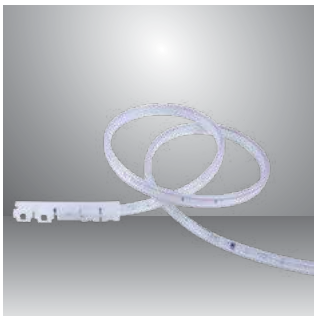
Cấp bảo vệ:	IP65
Số lượng/ thùng (cái):	50

Bộ phụ kiện nối dài Đèn LED dây LD01 ĐM 1000/9W



Cấp bảo vệ:	IP65
Số lượng/ thùng (cái):	50

Bộ phụ kiện nối dài Đèn LED dây LD01 1000/10W



Cấp bảo vệ:	IP65
Số lượng/ thùng (cái):	50

BỘ DRIVER **LED DÂY**

DR-LD01 1000/7W



Công suất Max (W):	500
Điện áp vào (VAC):	150÷250
Điện áp ra (VDC):	150÷250
Nhiệt độ làm việc (°C):	-10 ÷ 40
Cấp bảo vệ:	IP65

DR-LD01 1000/8W



Công suất Max (W):	300
Điện áp vào (VAC):	150÷240
Điện áp ra (VDC):	150÷240
Nhiệt độ làm việc (°C):	-10 ÷ 40
Cấp bảo vệ:	IP65

DR-LD01 1000/9W



Công suất Max (W):	500
Điện áp vào (VAC):	150÷250
Điện áp ra (VDC):	150÷250
Nhiệt độ làm việc (°C):	-10 ÷ 40
Cấp bảo vệ:	IP65

DR-LD01 1000/10W



Công suất Max (W):	300
Điện áp vào (VAC):	150÷240
Điện áp ra (VDC):	150÷240
Nhiệt độ làm việc (°C):	-10 ÷ 40
Cấp bảo vệ:	IP65

DR-LD01 ĐM 1000/9W



Công suất Max (W):	500
Điện áp vào (VAC):	150÷250
Điện áp ra (VDC):	150÷250
Nhiệt độ làm việc (°C):	-10 ÷ 40
Cấp bảo vệ:	IP65
Lưu ý:	1 Bộ Driver chỉ sử dụng cho tối đa 25m

DR-LD01 ĐM 1000/10W



Công suất Max (W):	300
Điện áp vào (VAC):	150÷240
Điện áp ra (VDC):	150÷240
Nhiệt độ làm việc (°C):	-10 ÷ 40
Cấp bảo vệ:	IP65
Lưu ý:	1 Bộ Driver chỉ sử dụng cho tối đa 25m



NHÓM SẢN PHẨM
ĐÈN LED GẮN TƯỜNG

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Nguồn sáng LED hiệu suất cao, tuổi thọ cao
- Kiểu dáng thiết kế độc đáo, hiện đại, tạo điểm nhấn cho không gian ngôi nhà
- Phân bố ánh sáng bán trực tiếp: phù hợp chiếu sáng nội thất
- Chỉ số hoàn màu cao (Ra=80) mang đến ánh sáng trung thực, sắc nét
- Nhiệt độ làm việc rộng -10°C÷40°C: phù hợp điều kiện nhiệt thời tiết đới gió mùa

HIỆU QUẢ KINH TẾ

- Tiết kiệm đến 50-80% điện năng thay thế bộ đèn gắn tường sử dụng bóng sợi đốt, halogen, compact. Giảm chi phí hóa đơn tiền điện
- Tuổi thọ cao 15.000÷30.000 giờ (L_{70}), cao gấp 3 lần đèn sợi đốt; 3÷6 lần bộ đèn bóng compact; không hạn chế số lần tắt bật

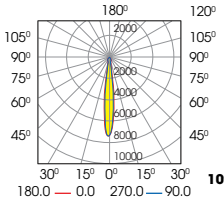
ỨNG DỤNG

- Chiếu sáng tạo điểm nhấn cho các không gian phòng khách, phòng ngủ, hành lang, cầu thang, văn phòng,....

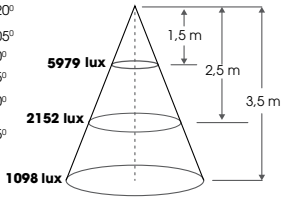


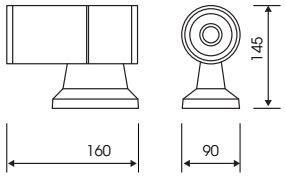
GT20.1P 20W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

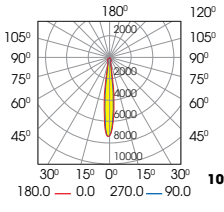




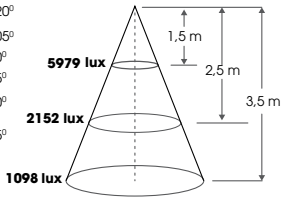


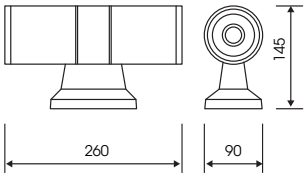
GT20.2P 30W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

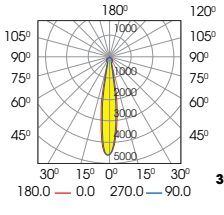




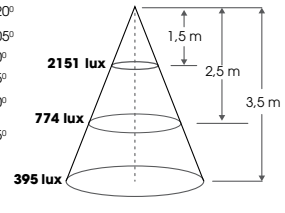


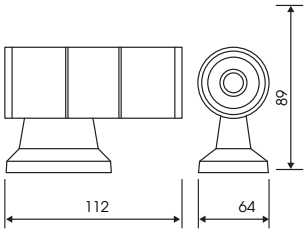
GT21.1P 10W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

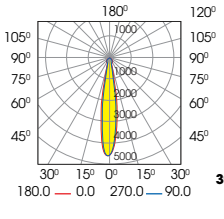




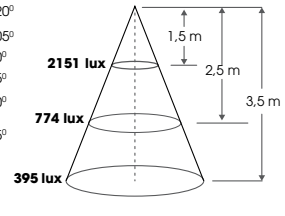


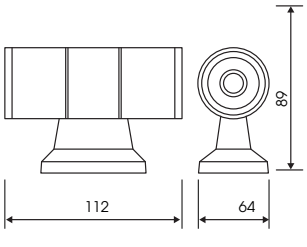
GT21.2P 15W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





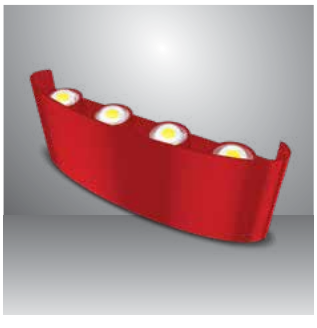
Model	Công suất	Điện áp danh định	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Quang thông	Hiệu suất sáng	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V/Hz	V		lm	lm/W	K		Giờ	mm
GT20.1P 20W	20	220/50	170÷250	0.5	1500/1700	75/85	3000/6500	80	25000	145x90x160
GT20.2P 30W	30	220/50	170÷250	0.5	3700/3000	90/100	3000/6500	80	25000	145x90x260
GT21.1P 10W	10	220/50	170÷250	0.5	580/650	58/65	3000/6500	80	25000	89x64x112
GT21.2P 15W	15	220/50	170÷250	0.5	1260/1400	84/93	3000/6500	80	25000	89x64x112

GT18.3M 6W



Công suất (W):	6
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Hệ số công suất:	0,5
Quang thông (lm):	400/440/440
Hiệu suất sáng (lm/W):	66/73/73
Nhiệt độ màu (K):	3000/4000/6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (Giờ):	30.000
Kích thước (DxRxC) (mm):	168x42x80

GT18.4M 8W



Công suất (W):	8
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Hệ số công suất:	0,5
Quang thông (lm):	520/580/580
Hiệu suất sáng (lm/W):	65/73/73
Nhiệt độ màu (K):	3000/4000/6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (Giờ):	30.000
Kích thước (DxRxC) (mm):	220x44x80

GT19 5W



Công suất (W):	5
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Hệ số công suất:	0,5
Quang thông (lm):	400/450/450
Hiệu suất sáng (lm/W):	80/90/90
Nhiệt độ màu (K):	3000/4000/6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (Giờ):	30.000
Kích thước (DxRxC) (mm):	123x102x98

ĐÈN **LED ỐP TƯỜNG**

LN12 70x160/5W



Công suất (W):	5
Điện áp danh định (V/Hz):	220/50
Hiệu suất sáng (lm/W)	90/100/100
Quang thông (lm):	450/500/500
Nhiệt độ màu (K):	3000/4000/6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (Giờ):	25.000
Kích thước (RxC) (mm):	160x70
Cấp bảo vệ:	IP54

LN12 90x195/10W



Công suất (W):	10
Điện áp danh định (V/Hz):	220/50
Hiệu suất sáng (lm/W)	90/100/100
Quang thông (lm):	900/1000/1000
Nhiệt độ màu (K):	3000/4000/6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (Giờ):	25.000
Kích thước (RxC) (mm):	195x90
Cấp bảo vệ:	IP54



NHÓM SẢN PHẨM
BỘ ĐÈN LED

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

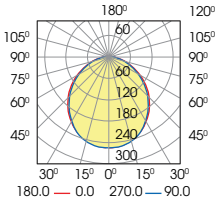
- Sử dụng chip LED Hàn Quốc: chất lượng cao, hiệu suất cao, tuổi thọ cao.
- Dải điện áp rộng (150÷250) V: đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Phân bố quang đồng đều, hạn chế chói lóa, góc mở rộng, tạo cảm giác thân thiện và thoải mái cho người dùng
- Thiết kế kiểu dáng sang trọng, ấn tượng, khác biệt phù hợp lắp đặt nhiều không gian
- Hệ số trả màu cao (Ra = 80): cho ánh sáng trung thực tự nhiên (Đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114: 2008).
- Khả năng chống hiệu ứng nhấp nháy ánh sáng (Flicker free): không gây mỏi mắt, mang lại cảm giác dễ chịu, bảo vệ đôi mắt.
- Khả năng chịu xung đột biến điện áp cao: bảo vệ đèn khỏi tác động của các xung điện áp cao gây ra bởi các thiết bị khác (Đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 8241-4-5/IEC6100-4-5).
- Nhiệt độ làm việc rộng -10°C÷40°C: phù hợp điều kiện nhiệt thời tiết đới gió mùa.
- Không chứa thủy ngân và hóa chất độc hại, không phát ra tia tử ngoại: bảo vệ môi trường và an toàn cho người sử dụng.
- Tiêu chuẩn chung áp dụng: TCVN 7722-1/IEC60598-1.

BỘ ĐÈN **LED M26/M28.V2**

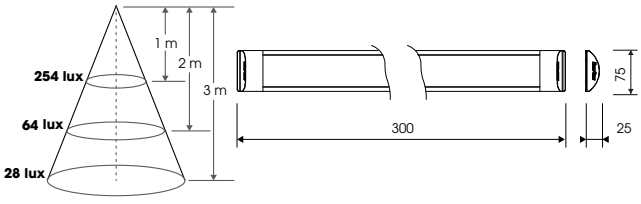


M26 300/9W

PHÂN BỐ QUANG



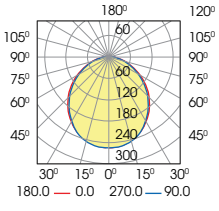
LƯỚI ĐỘ RỌI



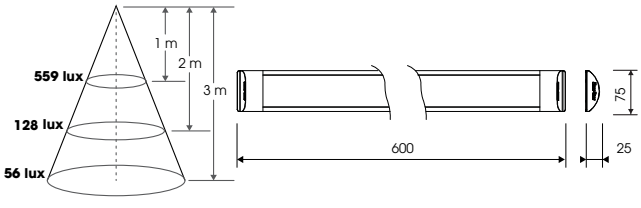


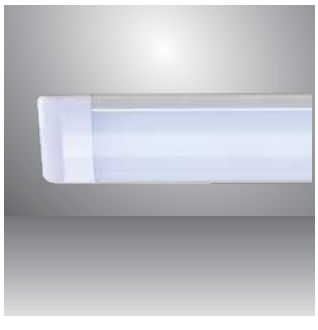
M26 600/25W

PHÂN BỐ QUANG



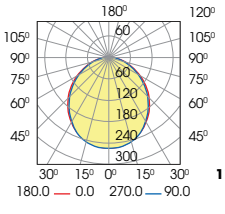
LƯỚI ĐỘ RỌI



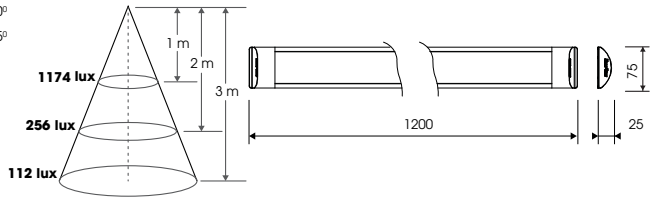


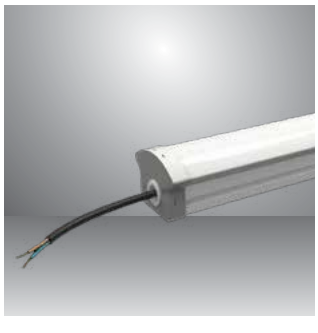
M26 1200/50W

PHÂN BỐ QUANG



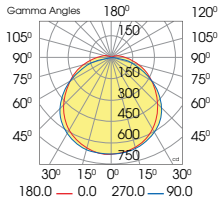
LƯỚI ĐỘ RỌI



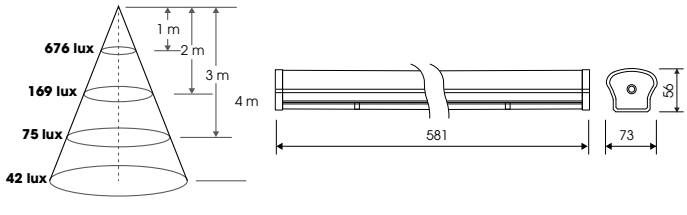


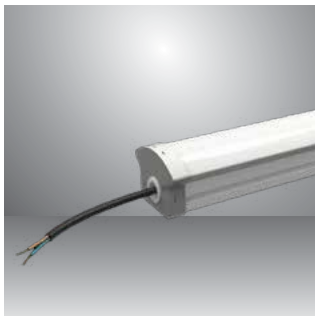
M28.V2 600/20W

PHÂN BỐ QUANG



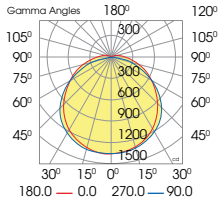
LƯỚI ĐỘ RỌI



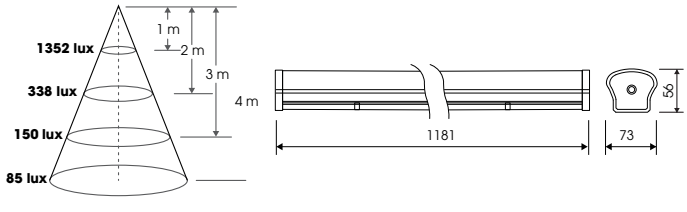


M28.V2 1200/40W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



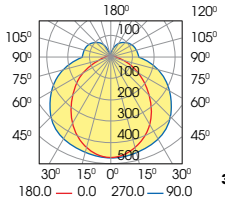
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
M26 300/9W	9	150÷250	0,5	77/83/83	700/750/750	3000/4000/6500	80	25000	300x75x25
M26 600/25W	25	150÷250	0,5	105/115/115	2625/2875/2875	3000/4000/6500	80	35000	600x75x25
M26 1200/50W	50	150÷250	0,5	105/115/115	5250/5750/5750	3000/4000/6500	80	35000	1200x75x25
M28.V2 600/20W	20	150÷250	0,5	100/110/110	2000/2200/2200	3000/4000/65000	80	25000	581x73x56
M28.V2 1200/40W	40	150÷250	0,5	100/110/110	4000/4400/4400	3000/4000/65000	80	25000	1181x73x56

BỘ ĐÈN **LED M36**

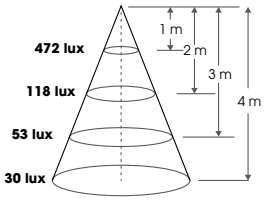


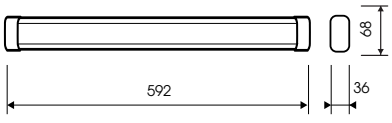
M36 600/25W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

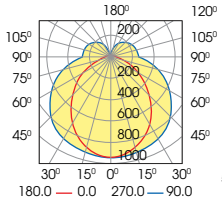




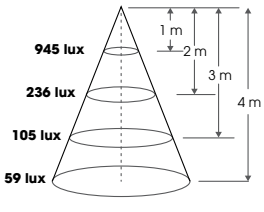


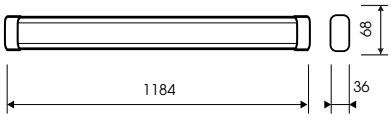
M36 1200/50W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



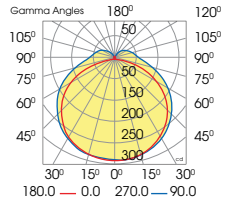


BỘ ĐÈN **LED M56**

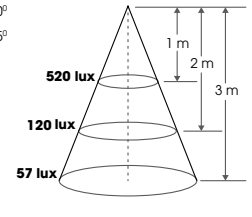


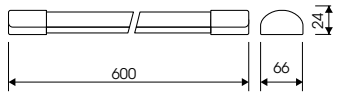
M56 600/20W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

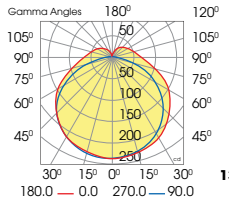




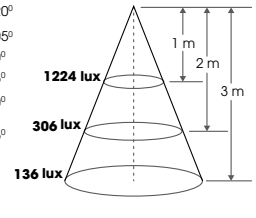


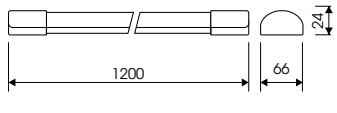
M56 1200/40W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





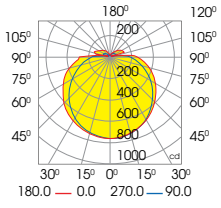
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
M36 600/25W	25	150÷250	0,5	105/115/115	2625/2875/2875	3000/4000/6500	80	35000	592x68x36
M36 1200/50W	50	150÷250	0,5	105/115/115	5250/5750/5750	3000/4000/6500	80	35000	1184x68x36
M56 600/20W	20	150÷250	0,5	100/110/110	1800/1980/1980	3000/4000/6500	80	30000	600x66x24
M56 1200/40W	40	150÷250	0,5	100/110/110	3600/3960/3960	3000/4000/6500	80	25000	1200x66x24

BỘ ĐÈN **LED M38**

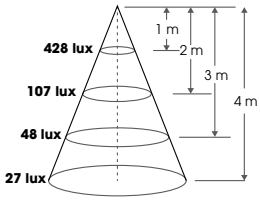


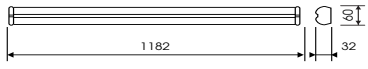
M38 1200/40W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





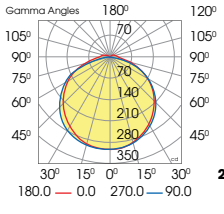
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
M38 1200/40W	40	150÷250	0.5	130	5200	3000/4000/6500	80	25.000	1182x60x32

BỘ ĐÈN **LED M66**

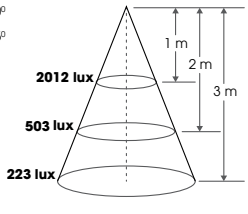


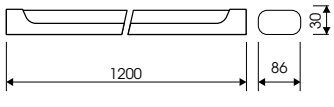
M66 1200/60W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxL)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
M66 1200/60W	60	150÷250	0,5	105/115/115	6300/6900/6900	3000/4000/6500	80	30000	1200x86x30

BỘ XOAY GÓC ĐÈN **LED M36**



Phù hợp lắp bộ đèn:	M36
Khả năng chịu tải tối đa (kg):	01
Số lượng đèn (bộ gá):	01

BỘ GÁ TREO ĐA NĂNG ĐÈN **LED M36**



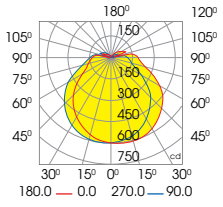
Phù hợp lắp bộ đèn:	M16-M26-M36
Số lượng đèn/01 (bộ gá):	01/02/03
Kích thước (mm):	200x50x30

BỘ ĐÈN **LED TUBE CHỐNG ẨM**

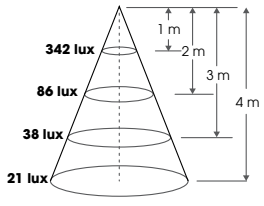


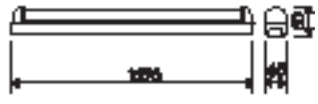
T8 CA02 20Wx1

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

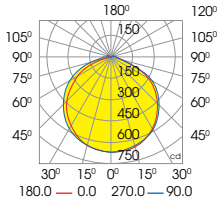




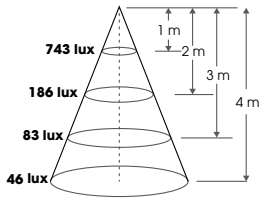


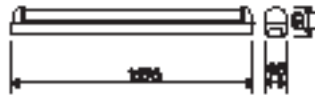
T8 CA02 20Wx2

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

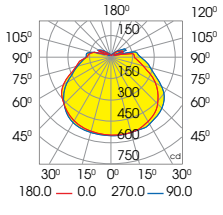




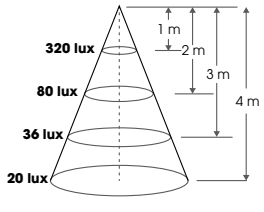


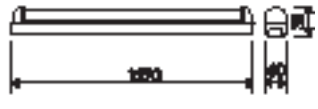
T8 TT01 CA02 20Wx1

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

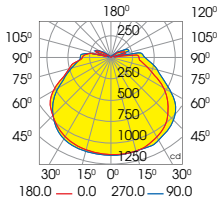




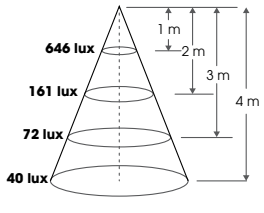


T8 TT01 CA02 20Wx2

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Cấp bảo vệ	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K			Giờ	mm
T8 CA02 20Wx1	20	150÷250	0.5	80/90 90/90	1600/1800 1800/1800	3000/4000/ 5000/6500K	82	IP65	30.000, (L_{70}/F_{50})	1275x65x60
T8 CA02 20Wx2	40	150÷250	0.5	80/90 90/90	3200/3600 3600/3600	3000/4000/ 5000/6500K	82	IP65	30.000, (L_{70}/F_{50})	1275x95x60
T8 TT01 CA02 20Wx1	20	170÷250	0.5	900/100 100/100	1800/2000 2000/2000	3000/4000/ 5000/6500K	82	IP65	30.000, (L_{70}/F_{50})	1270x60x32
T8 TT01 CA02 20Wx2	40	170÷250	0.5	900/100 100/100	3600/4000 4000/4000	3000/4000/ 5000/6500K	82	IP65	30.000, (L_{70}/F_{50})	1270x90x39



NHÓM SẢN PHẨM
ĐÈN LED LINEAR

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng chip LED Hàn Quốc hiệu suất sáng cao, tuổi thọ cao
- Chỉ số hoàn màu cao (Ra=80) mang đến ánh sáng trung thực, sắc nét
- Thiết kế linh hoạt theo yêu cầu, đa dạng cách lắp đặt (âm trần, thả trần, nổi trần)
- Cấu tạo đơn giản, dễ dàng lắp đặt.

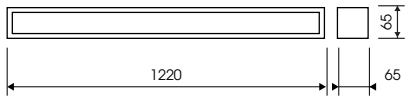
ỨNG DỤNG

- Chiếu sáng nhà ở: phòng khách, phòng ngủ,....
- Chiếu sáng văn phòng công sở
- Chiếu sáng trung tâm thương mại

BỘ ĐÈN **LED LINEAR**

LR01 1000/20W





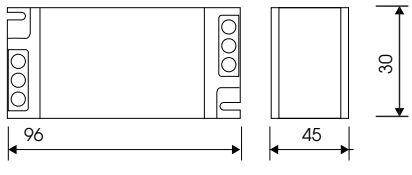
* Sản phẩm lắp âm trần.
* Sản phẩm đặt hàng theo yêu cầu của khách hàng.
* Chiều dài cắt là bội số của 100 mm. và kích thước cắt tối thiểu là 100 mm.

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (RxC)
	W	V		lm	K		Giờ	mm
LR01 1000/20W	20	150÷250	0.5	1300	3000/6500	80	25.000	65x32

BỘ DRIVER **LED LINEAR**

DR-LR01 50W (24VDC)





Model	Công suất	Điện áp vào	Dòng điện tiêu thụ	Hệ số công suất	Dòng điện đầu vào Max	Dòng điện đầu ra Max	Tuổi thọ	Kích thước (RxC)
	W	VDC	A		A	A	Giờ	mm
DR-LR01 50W (24VDC)	50	150÷250	50/60	0,5	0.6	1.85	30.000	(96x45x30)±5

BỘ PHỤ KIỆN **LED LINEAR**

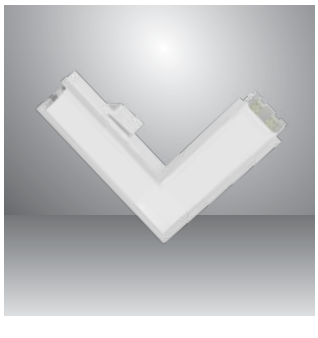
PK T-LR01 300x100/8W



PK L-LR01 220x220/8W



PK V-LR01 210x210/8W



Model	Công suất	Điện áp vào	Dòng điện tiêu thụ	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (RxC)	Chiều rộng khoét trần
	W	VDC	A	lm	K		Giờ	mm	mm
PK T-LR01 300x100/8W	8	23÷25	0.35	520	3000/4000/6500	80	25.000	64x32	56±2
PK L-LR01 220x220/8W	8	23÷25	0.35	520	3000/4000/6500	80	25.000	64x32	56±2
PK V-LR01 210x210/8W	8	23÷25	0.35	520	3000/4000/6500	80	25.000	64x32	56±2



NHÓM SẢN PHẨM
ĐÈN LED HIGHBAY

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

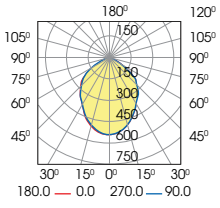
- Sử dụng chip LED Samsung hiệu suất 150 lm/W: chất lượng cao, hiệu suất cao, tuổi thọ cao.
- Dải điện áp rộng (150÷250) V: đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Thân đèn bằng hợp kim nhôm được anot hóa: hệ số dẫn nhiệt cao, tăng tính thẩm mỹ .
- Chao đèn làm bằng nhôm đúc, bề mặt chao được tráng bạc: vành khung có tính chịu nhiệt cao, tán xạ nhiệt tốt.
- Hệ số công suất cao ≥ 0.9: giúp nhà máy không phải mua công suất phản kháng.
- Khả năng bật sáng tức thì: khả năng khởi động nhanh, không cần chờ thời gian khởi động lại.
- Hệ số trả màu cao (Ra ≥70): cho ánh sáng trung thực tự nhiên (Đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114:2008).
- Khả năng tương thích điện từ (EMC): giúp đèn LED hoạt động bình thường trong môi trường điện từ và không gây nhiễu đến hệ thống thiết bị khác (đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 7186:2010/ CISPR15:2009)

ĐÈN **LED HIGHBAY**

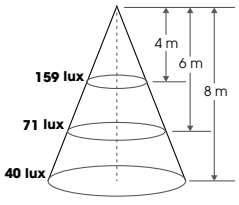


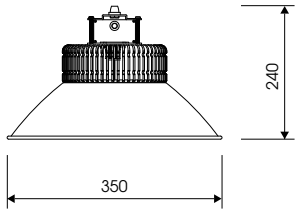
HB02 350/50W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

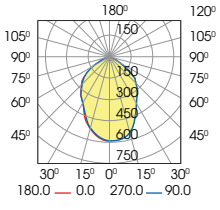




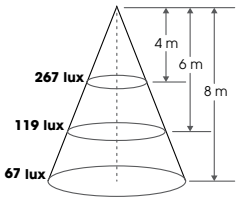


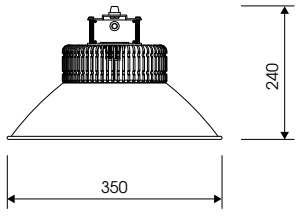
HB02 350/70W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

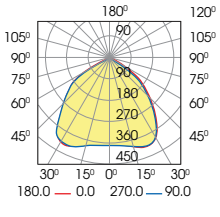




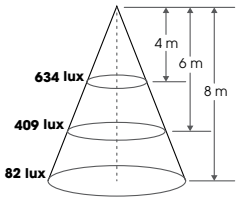


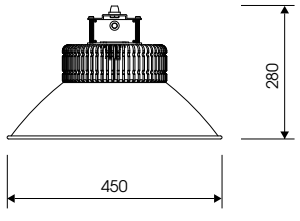
HB02 430/100W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

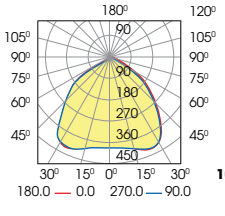




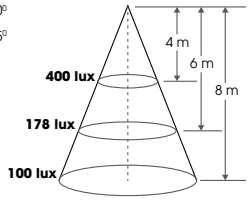


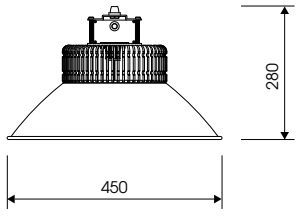
HB02 430/120W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

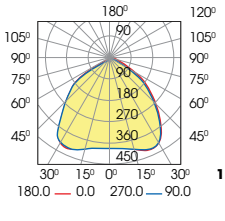




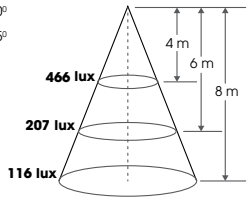


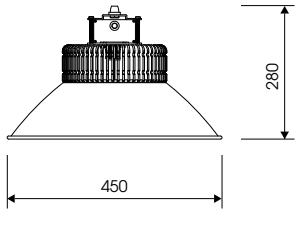
HB02 430/150W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





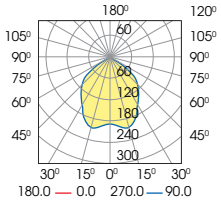
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (ØxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
HB02 350/50W	50	150÷250	0.5	100/100/95	5000/5000/4750	6500/4000/3000	80	25.000 (L_{70}/F_{50})	350x240
HB02 350/70W	70	150÷250	0.9	95/95/90	6650/6650/6300	6500/4000/3000	80	25.000 (L_{70}/F_{50})	350x240
HB02 430/100W	100	150÷250	0.9	100/100/95	10000/10000/9500	6500/4000/3000	80	25.000 (L_{70}/F_{50})	450x280
HB02 430/120W	120	150÷250	0.9	100/100/95	12000/12000/11400	6500/4000/3000	80	25.000 (L_{70}/F_{50})	450x280
HB02 430/150W	150	150÷250	0.9	100/100/95	15000/15000/14250	6500/4000/3000	80	25.000 (L_{70}/F_{50})	450x280

ĐÈN **LED HIGHBAY**

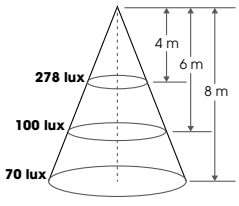


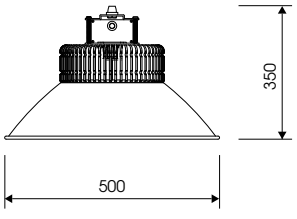
HB02 500/200W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

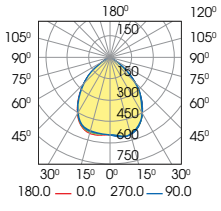




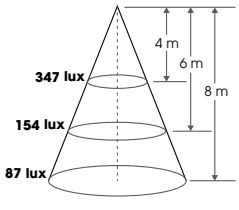


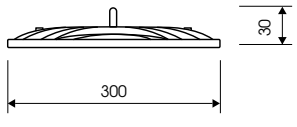
HB04 300/100W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

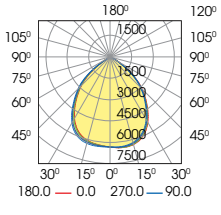




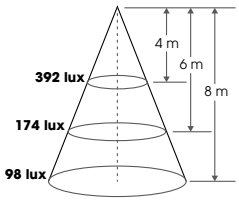


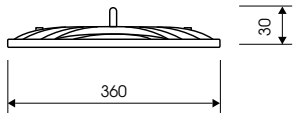
HB04 360/120W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

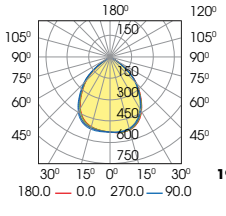




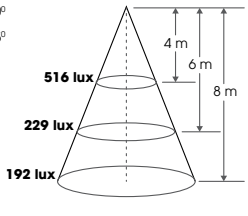


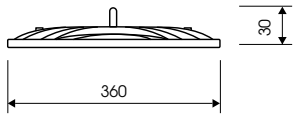
HB04 360/150W

PHÂN BỐ QUANG



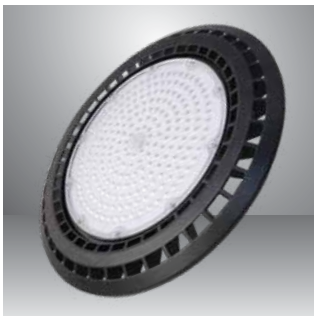
LƯỚI ĐỘ RỌI





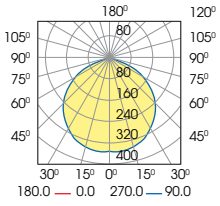
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (ØxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
HB02 500/200W	200	150÷250	0.9	105/105/95	21000/21000/19000	6500/4000/3000	80	25.000 (L_{70}/F_{50})	490x350
HB04 300/100W	100	170÷250	≥ 0.6	95/100/100	9500/10000/10000	6500/4000/3000	≥80	25.000 (L_{70}/F_{50})	300x30
HB04 360/120W	120	170÷250	≥ 0.6	95/100/100	11400/12000/12000	6500/4000/3000	≥80	25.000 (L_{70}/F_{50})	360x30
HB04 360/150W	150	170÷250	≥ 0.6	95/100/100	14250/15000/15000	6500/4000/3000	≥80	25.000 (L_{70}/F_{50})	360x30

ĐÈN **LED HIGHBAY UFO**

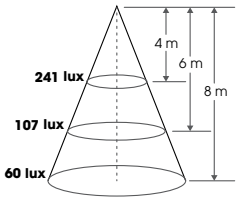


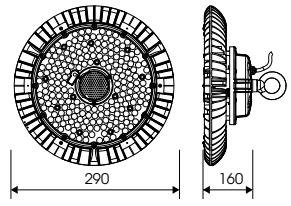
HB03 290/100W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

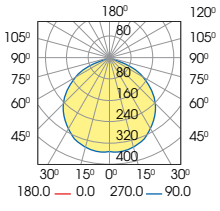




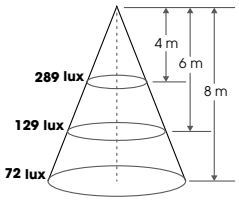


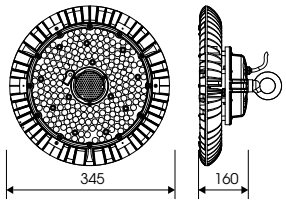
HB03 350/120W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

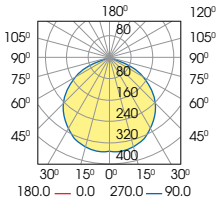




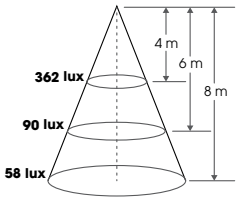


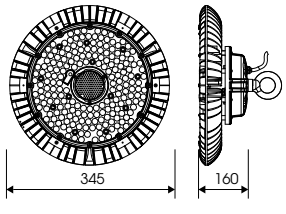
HB03 350/150W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

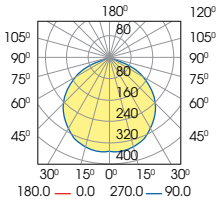




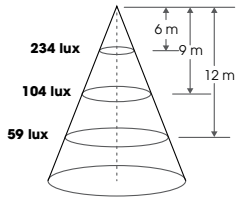


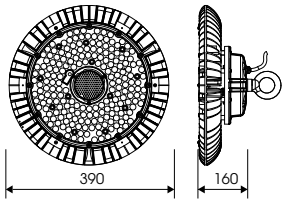
HB03 390/200W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

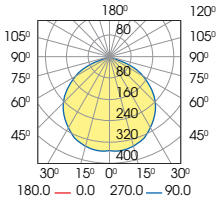




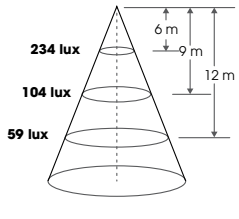


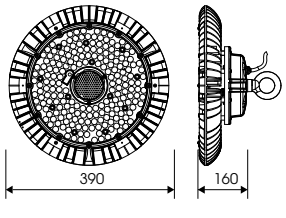
HB03 390/250W

PHÂN BỐ QUANG

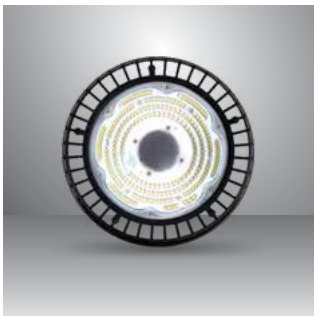


LƯỚI ĐỘ RỌI



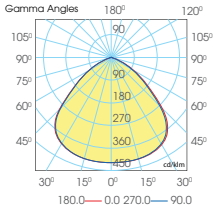


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (ØxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
HB03 290/100W	100	150÷250	0.9	120/130/130	12000/13000/13000	3000/4000/6500	80	30.000	290x160
HB03 350/120W	120	150÷250	0.9	120/130/130	14400/15600/15600	3000/4000/6500	80	30.000	345x160
HB03 350/150W	150	150÷250	0.9	120/130/130	18000/19500/19500	3000/4000/6500	80	30.000	345x160
HB03 390/200W	200	150÷250	0.9	120/130/130	24000/26000/26000	3000/4000/6500	80	30.000	390x160
HB03 390/250W	250	150÷250	0.95	120/130/130/130	30000/32500/32500/32500	3000/4000/5000/6500	80	30.000	395x160

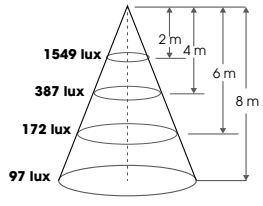


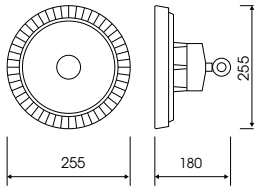
HB08 255/100W

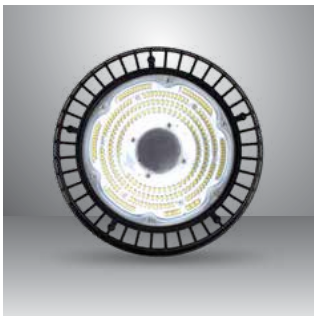
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

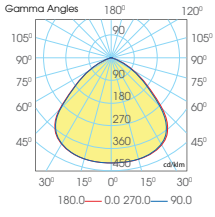




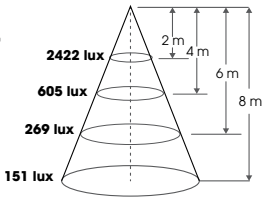


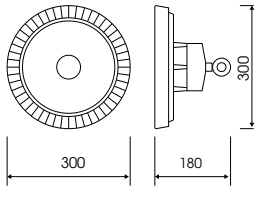
HB08 300/150W

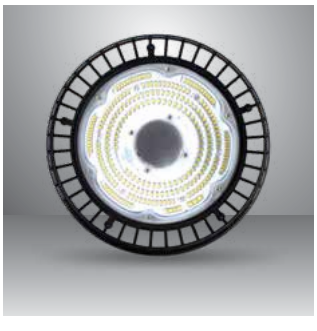
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

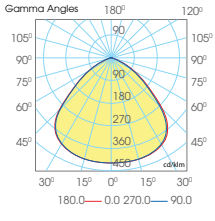




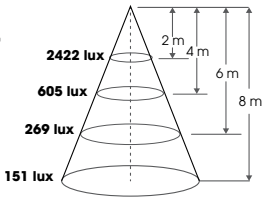


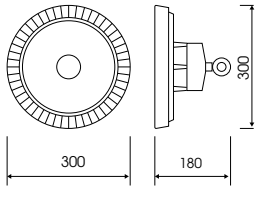
HB08 300/200W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

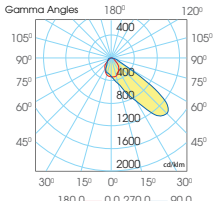




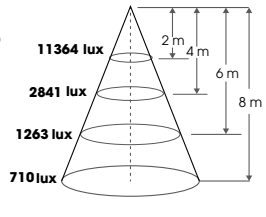


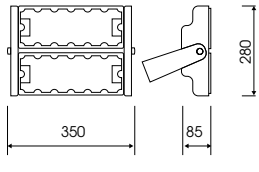
HBM03 200W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

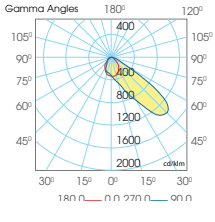




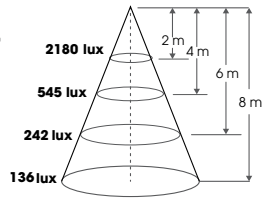


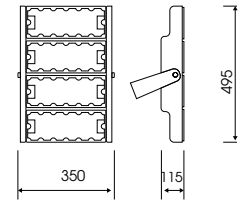
HBM03 400W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (ØxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
HB08 255/100W	100	100÷277	0.95	140/145/145	14000/14500/14500	3000/4000/6500	≥80	30000	255x180
HB08 300/150W	150	100÷277	0.95	140/145/145	21000/21750/21750	3000/4000/6500	≥80	30000	300x180
HB08 300/200W	200	100÷277	0.95	140/145/145	28000/29000/29000	3000/4000/6500	≥80	30000	300x180
HBM03 200W	200	100÷277	0.95	150	30000	4000/5000/6500	≥70	50000	350x280x85
HBM03 400W	400	100÷277	0.95	150	60000	4000/5000/6500	≥70	50000	495x350x115

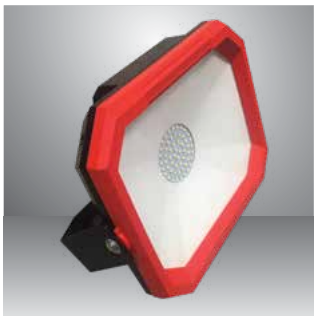


NHÓM SẢN PHẨM
ĐÈN LED CHIẾU PHA

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

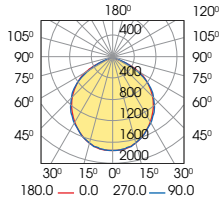
- Nguồn sáng LED hiệu suất 150 lm/W: chất lượng cao, hiệu suất cao, tuổi thọ cao
- Dải điện áp rộng (150÷250)V: đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Kết cấu: vỏ đèn bằng nhôm đúc, sơn phủ chống tác động của môi trường với hệ số dẫn nhiệt cao.
- Kính làm bằng thủy tinh: Có khả năng chịu lực và nhiệt độ cao.
- Khả năng bật sáng tức thì: khả năng khởi động nhanh, không cần chờ thời gian khởi động lại.
- Hệ số trả màu cao (Ra = 80): cho ánh sáng trung thực tự nhiên (Đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114: 2008).
- Khả năng chịu xung sét lên tới 10kV: bảo vệ đèn khỏi tác động của các xung điện áp cao gây ra bởi các thiết bị khác. (Đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 8241-4-5/IEC6100-4-5)
- Nhiệt độ làm việc rộng-10°C÷45°C: phù hợp điều kiện thời tiết nhiệt đới gió mùa.
- Không chứa thủy ngân và hóa chất độc hại,không phát ra tia tử ngoại: bảo vệ môi trường và an toàn cho người sử dụng.
- Cấp bảo vệ IP66, IK08: đảm bảo sử dụng ngoài trời, hạn chế hư hỏng.
- Tiêu chuẩn chung áp dụng: TCVN 7722-1/IEC60598-1.

ĐÈN **LED CHIẾU PHA 08**

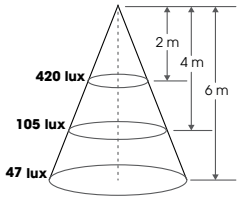


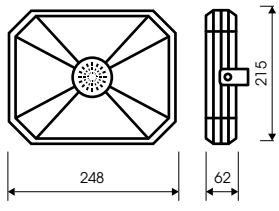
CP08 50W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





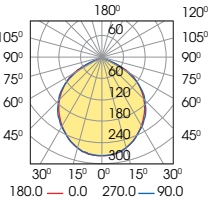
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm
CP08 50W	50	150÷250	0.5	100/110/110	5000/5500/5500	3000/5000/6500	2	80	25.000	IP65	248x215x62

ĐÈN **LED CHIẾU PHA 06**

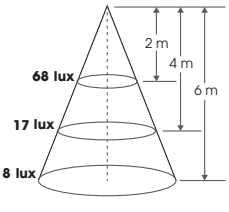


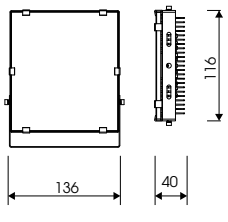
CP06 10W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

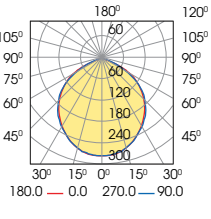




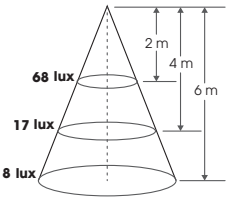


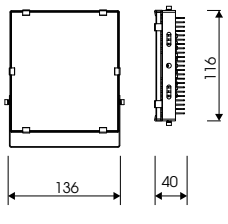
CP06 20W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

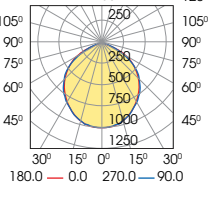




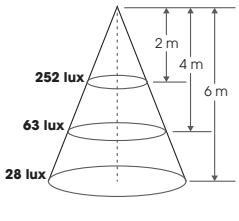


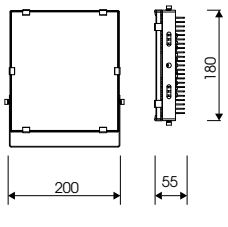
CP06 30W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





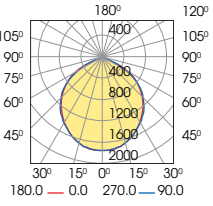
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm
CP06 10W	10	150÷250	0.5	85	850	3000/4000/6500	1	80	30000	IP66	136x116x40
CP06 20W	20	150÷250	0.5	78	1550	3000/4000/6500	1	80	30000	IP66	136x116x40
CP06 30W	30	150÷250	0.5	77	2300	3000/4000/6500	1	80	30000	IP66	200x180x55

ĐÈN **LED CHIẾU PHA 06**

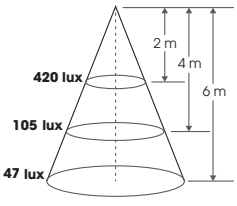


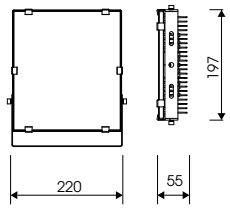
CP06 50W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

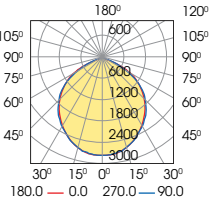




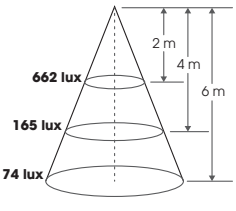


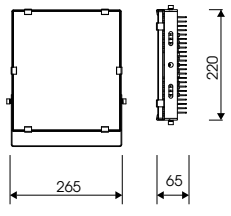
CP06 70W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

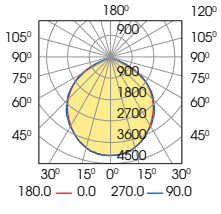




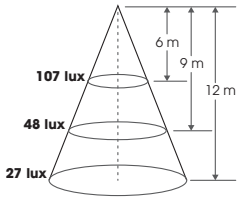


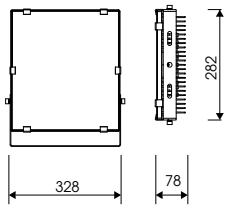
CP06 100W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

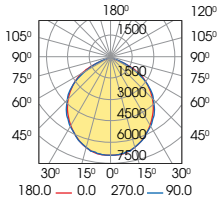




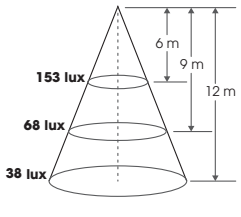


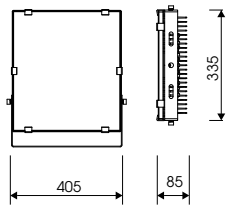
CP06 150 W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

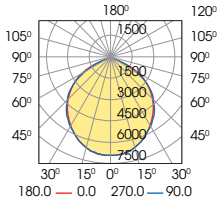




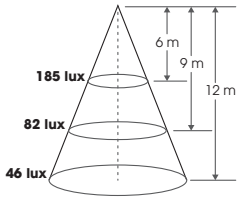


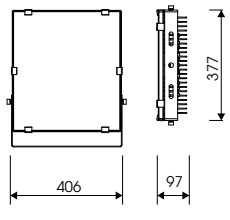
CP06 200W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





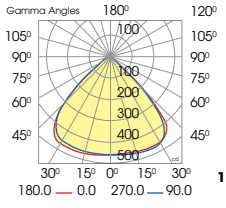
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm
CP06 50W	50	150÷250	0.5	83	4150	3000/4000/6500	1	80	30000	IP66	220x197x55
CP06 70W	70	150÷250	0.9	90	6300	3000/5000/6500	6	80	30000	IP66	265x220x65
CP06 100W	100	150÷250	0.9	95	9500	3000/5000/6500	6	80	30000	IP66	328x282x78
CP06 150W	150	150÷250	0.9	90	13500	3000/5000/6500	6	80	30000	IP66	405x335x85
CP06 200W	200	150÷250	0.9	100	20.000	3000/5000/6500	6	80	30000	IP66	406x377x97

ĐÈN **LED CHIẾU PHA 07**

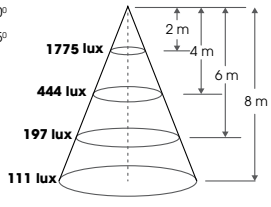


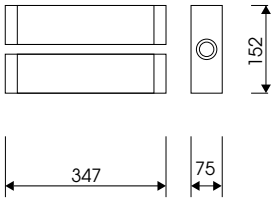
CP07 100W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

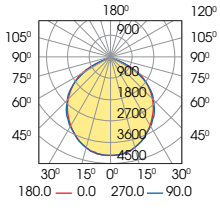




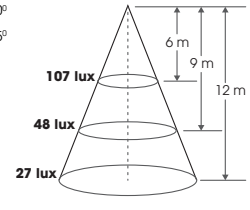


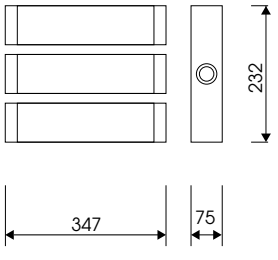
CP07 150W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

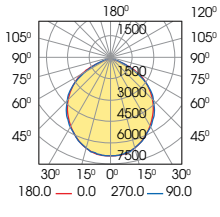




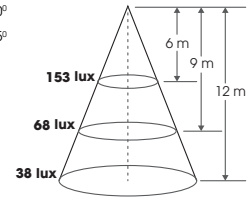


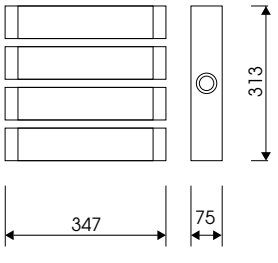
CP07 200W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

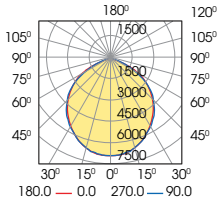




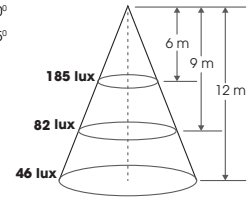


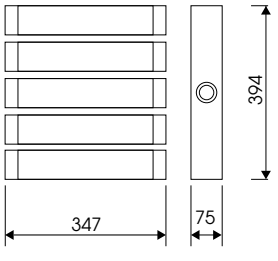
CP07 250W

PHÂN BỐ QUANG



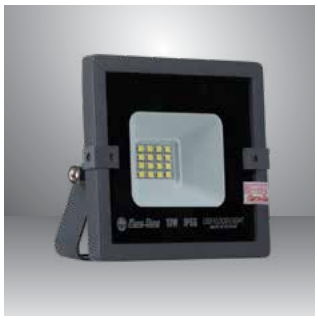
LƯỚI ĐỘ RỌI





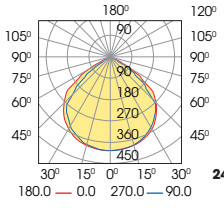
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm
CP07 100W	100	100÷277	0,95	135	13 500	4000/5000	0.6	≥70	50000	IP66/IK08	347x152x75
CP07 150W	150	100÷277	0,95	135	20 250	4000/5000	0.6	≥70	50000	IP66/IK08	347x232x75
CP07 200W	200	100÷277	0,95	135	27 000	4000/5000	0.6	≥70	50000	IP66/IK08	347x313x75
CP07 250W	250	100÷277	0,95	135	33 750	4000/5000	0.6	≥70	50000	IP66/IK08	347x394x75

ĐÈN **LED CHIẾU PHA 10**

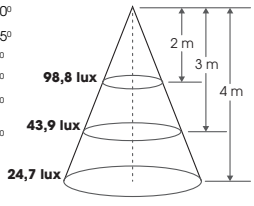


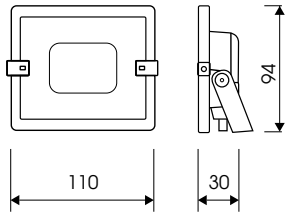
CP10 10W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

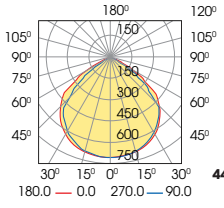




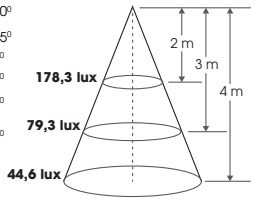


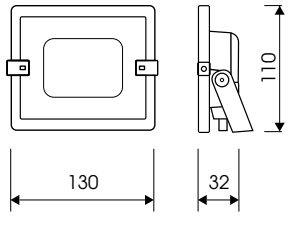
CP10 20W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

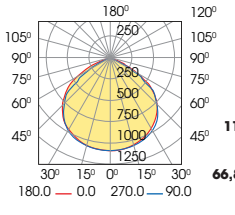




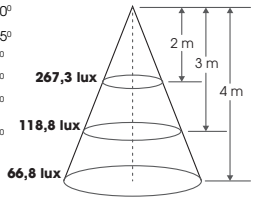


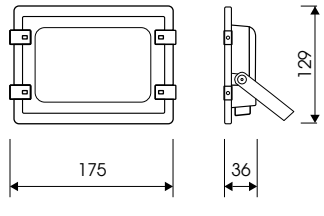
CP10 30W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

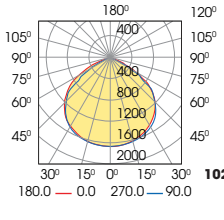




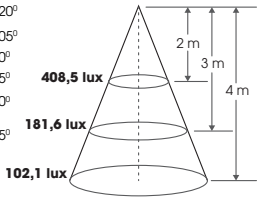


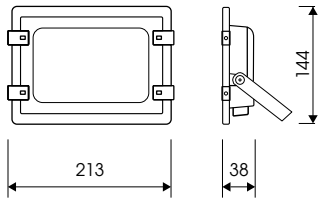
CP10 50W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



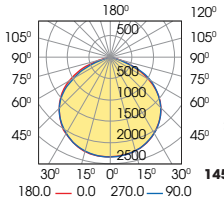


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm / W	lm	K	kV		Giờ		mm
CP10 10W	10	180 ÷ 240	0.5	95	950	3000 / 4000 / 6500	2	80	25000	IP66	110x94x30
CP10 20W	20	180 ÷ 240	0.5	95	1900	3000 / 4000 / 6500	2	80	25000	IP66	130x110x32
CP10 30W	30	170÷250	0.5	95	2850	3000 / 4000 / 6500	2	80	25000	IP66	175x129x36

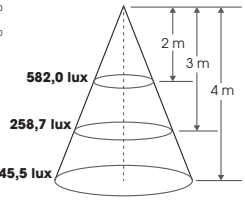


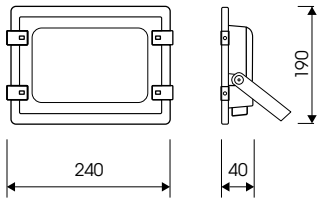
CP10 70W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

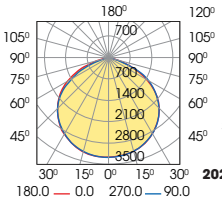




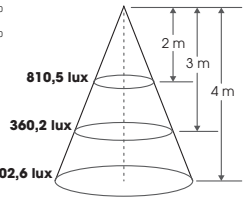


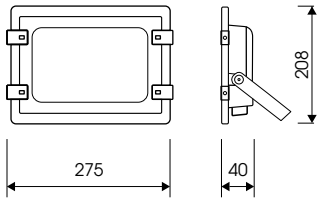
CP10 100W

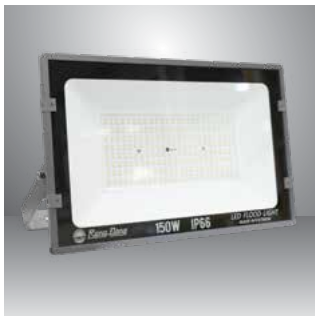
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

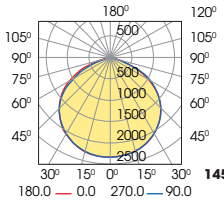




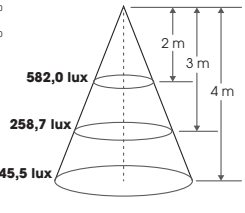


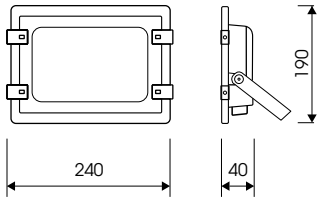
CP10 150W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

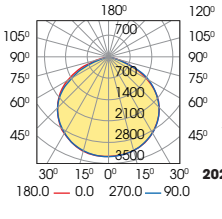




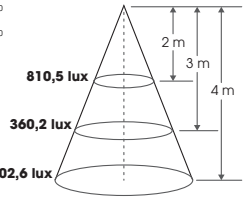


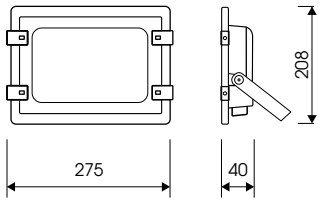
CP10 200W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





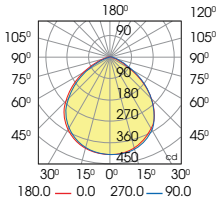
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm
CP10 50W	50	170÷250	0.5	90	4500	3000/4000/6500	2	80	25000	IP66	213x144x38
CP10 70W	70	170÷250	0.5	95	6650	3000/4000/6500	4	80	25000	IP66	240x190x40
CP10 100W	100	170÷250	0.5	95	9500	3000/4000/6500	4	80	25000	IP66	275x208x40
CP10 150W	150	180÷240	0.5	125	18750	3000/4000/6500	10	80	25000	IP66	360x230x50
CP10 200W	200	180÷240	0.5	125	25000	3000/4000/6500	10	80	25000	IP66	405x288x50

ĐÈN **LED CHIẾU PHA 12**

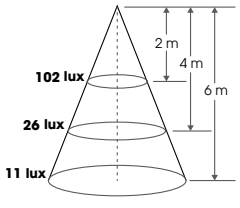


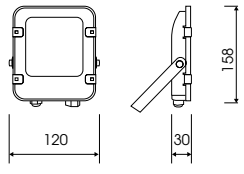
CP12 10W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

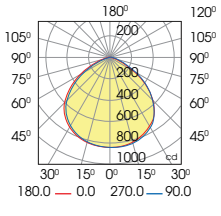




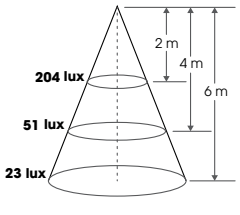


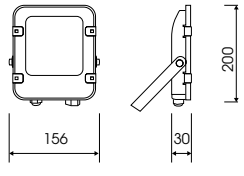
CP12 20W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

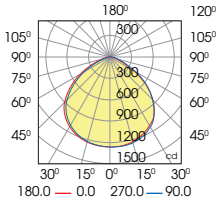




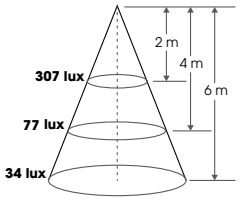


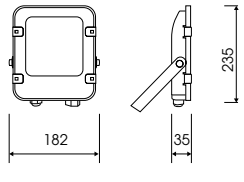
CP12 30W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



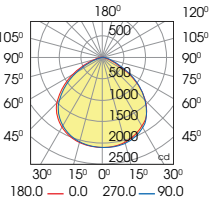


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm
CP12 10W	10	180÷240	0,5	100	1000	3000/4000/6500	2	80	25000	IP66	158x120x30
CP12 20W	20	180÷240	0,5	100	2000	3000/4000/6500	2	80	25000	IP66	200x156x30
CP12 30W	30	180÷240	0,5	100	3000	3000/4000/6500	2	80	25000	IP66	235x182x35

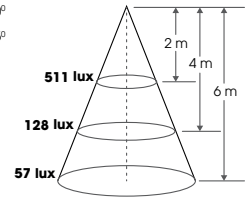


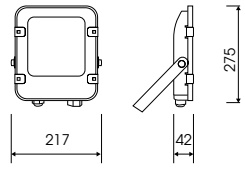
CP12 50W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

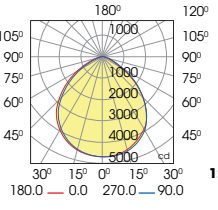




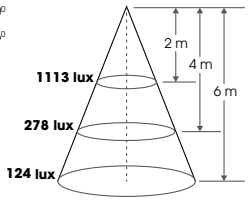


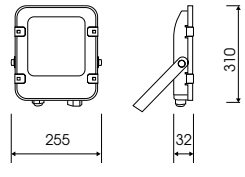
CP12 100W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

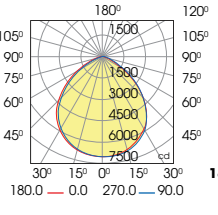




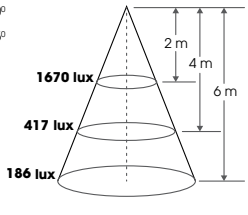


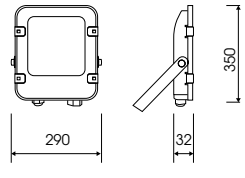
CP12 150W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

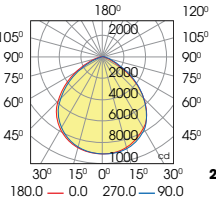




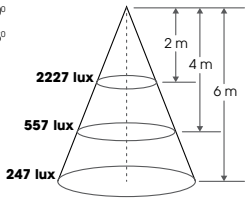


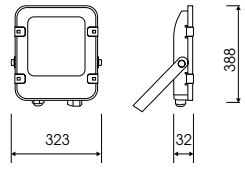
CP12 200W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm
CP12 50W	50	180÷240	0,5	100	5000	3000/4000/6500	2	80	25000	IP66	275x217x42
CP12 100W	100	180÷240	0,5	115	11500	3000/4000/6500	4	80	25000	IP66	310x255x32
CP12 150W	150	180÷240	0,5	115	17250	3000/4000/6500	6	80	25000	IP66	350x290x32
CP12 200W	200	180÷240	0,5	115	23000	3000/4000/6500	6	80	25000	IP66	388x323x32



NHÓM SẢN PHẨM
ĐÈN LED TRACKLIGHT

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Nguồn sáng LED chất lượng cao, độ tin cậy, tuổi thọ cao giúp tần suất và chi phí thay thế, bảo dưỡng
- Thân đèn làm bằng nhôm đúc, chống ăn mòn, chống oxy hóa
- Sử dụng thấu kính quang học để tạo hiệu quả cao nhất trong chiếu sáng
- Dễ dàng thay đổi góc chiếu sáng, góc mở đèn 24 độ, phù hợp không gian chiếu sáng Indoor trang trí tạo điểm nhấn
- Kết cấu linh hoạt, phù hợp chiếu sáng điểm
- Ít phát nhiệt, không làm nóng bề mặt đèn và môi trường xung quanh
- Chất lượng ánh sáng trung thực, tự nhiên, chỉ số hoàn màu (Ra ≥80). (Đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114: 2008).

ỨNG DỤNG

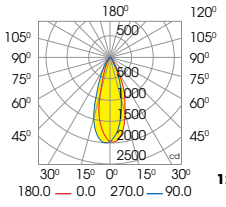
- Chiếu sáng điểm, rọi trong các cửa hàng thời trang, siêu thị, trung tâm thương mại, phòng triển lãm, bảo tàng,…

ĐÈN **LED TRACKLIGHT 05**

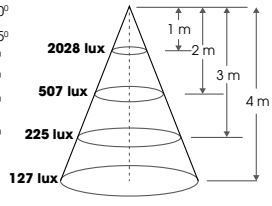


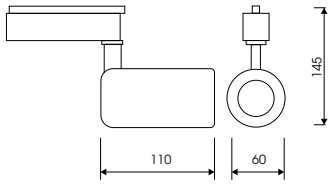
TRL05 10W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

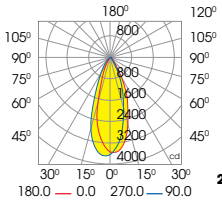




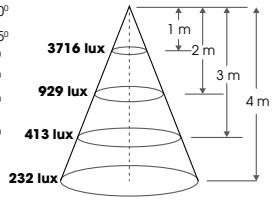


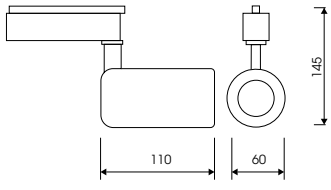
TRL05 15W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

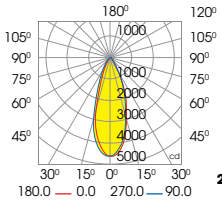




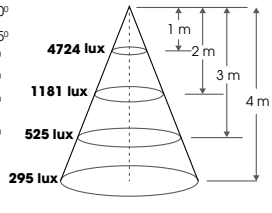


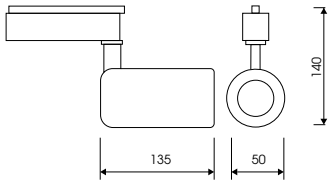
TRL05 20W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

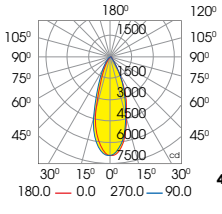




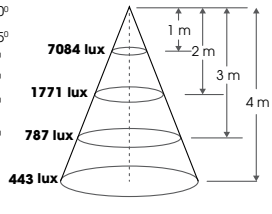


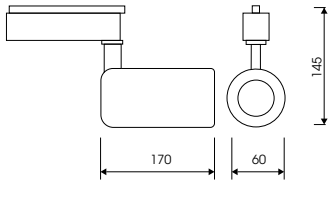
TRL05 30W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





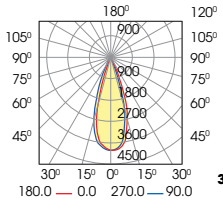
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Góc chiếu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (ØxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	độ		Giờ	mm
TRL05 10W	10	150÷250	0.5	81/90/90/90	810/900/900/900/900	3000/4000/5000/6500	24	80	25.000	60x110x145
TRL05 15W	15	150÷250	0.5	100/110/110/110	1500/1650/1650/1650	3000/4000/5000/6500	24	80	25.000	60x110x145
TRL05 20W	20	150÷250	0.5	83/90/90/90	1660/1800/1800/1800	3000/4000/5000/6500	24	80	25.000	50x135x140
TRL05 30W	30	150÷250	0.5	81/90/90/90	2430/2700/2700/2700	3000/4000/5000/6500	24	90	25.000	60x170x145

ĐÈN **LED TRACKLIGHT 06**

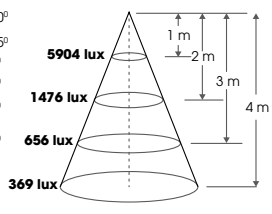


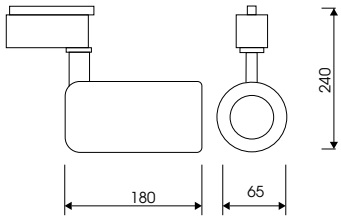
TRL06 20W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Góc chiếu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (ØxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	độ		Giờ	mm
TRL06 20W	20	150÷250	0.5	68/75/75/75	1350/1500/1500/1500	3000/4000/5000/6500	15÷36	80	25.000	65x180x240

PHỤ KIỆN ĐÈN TRACKLIGHT

RAY TRL01/1000 (1M)



RAY TRL01/NCT



RAY TRL01/NT



RAY TRL01/NG



RAY TRL01/NC+



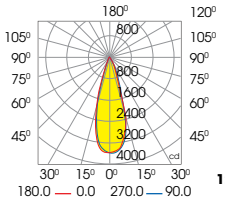
Model	Dòng điện max	Công suất max	Điện áp	Dải điện áp hoạt động	Điện trở cách điện	Kích thước
	A	W	V/Hz	V	MΩ	mm
Ray TRL01/1000 (1m)	16	4000	220/50	150÷250	5	1000x35x20
RAY TRL01/NCT	16	4000	220/50	150÷250	5	102x70x16
RAY TRL01/NT	16	4000	220/50	150÷250	5	95x35x16
RAY TRL01/NG	16	4000	220/50	150÷250	5	68x68x16
RAY TRL01/NC+	16	4000	220/50	150÷250	5	102x102x16

ĐÈN **LED RAY TRACKLIGHT**

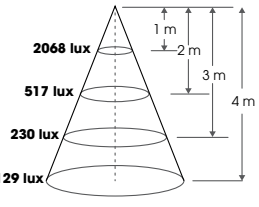


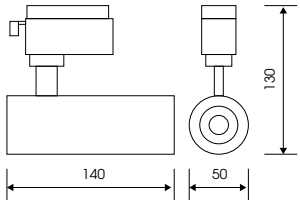
TRL08 15W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

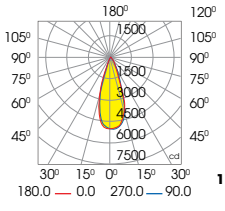




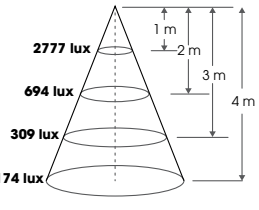


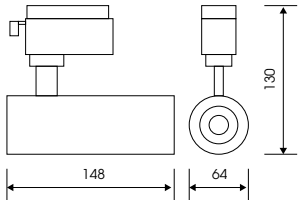
TRL08 20W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

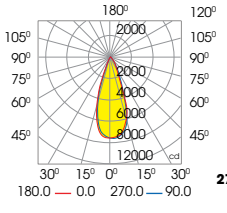




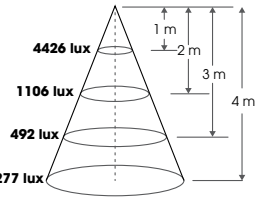


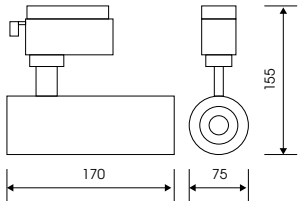
TRL08 30W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

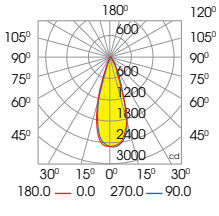




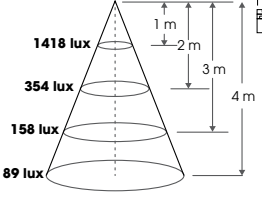


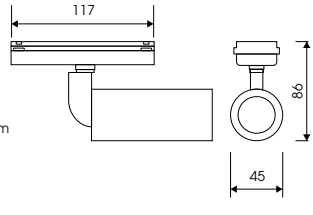
TRL08 10W (48V)

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

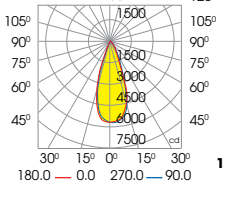




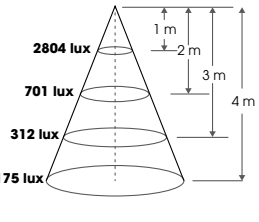


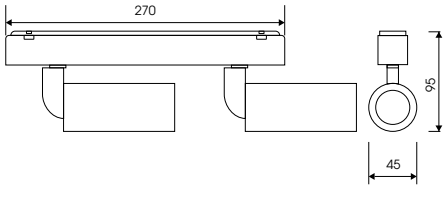
TRL08 20W (48V)

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



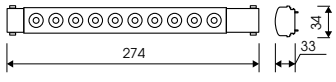


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Góc chiếu	Góc xoay	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (ØxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	°	°		Giờ	mm
TRL08 15W	15	170÷250	0,5	84/93/93	1260/1400/1400	3000/4000/6500	30	90/360	80	25000	140x50x130
TRL08 20W	20	170÷250	0,5	85/95/95	1700/1900/1900	3000/4000/6500	30	90/360	80	25000	148x64x140
TRL08 30W	30	170÷250	0,5	90/100/100	2700/3000/3000	3000/4000/6500	30	90/360	80	25000	170x75x155
TRL08 10W	10	48	-	-	600/620/640	2700/4000/6000	24	90/360	90	50000	117x45x86
TRL08 20W	20	48	-	-	1280/1400/1500	2700/4000/6000	24	90/360	90	50000	270x45x95

ĐÈN **RAY LED THANH**

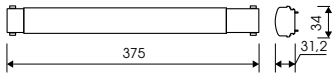


RLT01 330/10W



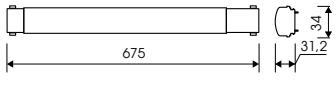


RLT02 370/10W





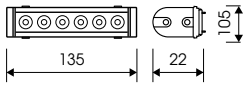
RLT02 670/20W



ĐÈN **RAY LED THANH XOAY GÓC**

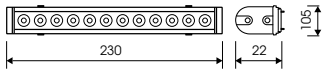


RLT03 130/6W





RLT03 240/12W



Model	Công suất	Điện áp nguồn	Nhiệt độ màu	Quang thông	Chỉ số hoàn màu	Góc chiếu	Góc xoay	Tuổi thọ	Kích thước (ØxRxC)
	W	VDC	K	lm	K	độ	độ	Giờ	mm
RLT01 330/10W	10	48	2700/4000/5700	552/696/720	90	24	-	50 000	274x34x33
RLT02 370/10W	10	48	3000/4000/6500	650/730/750	90	-	-	50 000	375x34x31,2
RLT02 670/20W	20	48	3000/4000/6500	1105/1241/1278	90	-	-	50 000	675x34x31,2
RLT03 130/6W	6	48	2700/4000/5700	324/408/409	90	24	180	50 000	135x22x105
RLT03 240/12W	12	48	2700/4000/5700	580/700/720	90	24	180	50 000	230x22x105

PHỤ KIỆN ĐÈN RAY LED THANH

DR- RAY LED.48V 200W



RAY LED.48V (1m)



RAY LED.48V/HN



RAY LED.48V/DH-HN



RAY LED.48V/NXG



RAY LED.48V/NG



RAY LED.48V/NT





NHÓM SẢN PHẨM ĐÈN LED

CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng chip LED chất lượng cao, hiệu suất sáng cao, tuổi thọ cao.
- Dải điện áp rộng (150÷270)V: đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Kết cấu: vỏ đèn bằng nhôm đúc, sơn phủ chống tác động của môi trường với hệ số dẫn nhiệt cao.
- Khả năng bật sáng tức thì: khả năng khởi động nhanh, không cần chờ thời gian khởi động lại
- Khả năng lập trình Dimming 3-5 cấp công suất
- Khả năng chịu xung sét ≥10Kv: bảo vệ đèn khỏi các loại xung sét, nâng cao tuổi thọ đèn (Đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 8241-4-5/IEC6100-4-5)
- Nhiệt độ làm việc rộng -10°C÷45°C: phù hợp điều kiện thời tiết nhiệt đới gió mùa.
- Không chứa thủy ngân và hóa chất độc hại, không phát ra tia tử ngoại: bảo vệ môi trường và an toàn cho người sử dụng.
- Cấp bảo vệ IP66/IK08, IP65/IK09: đảm bảo sử dụng ngoài trời, hạn chế hư hỏng
- Tiêu chuẩn chung áp dụng:TCVN 7722-1/IEC60598-1.

HIỆU QUẢ KINH TẾ

- Tiết kiệm đến 55% điện năng thay thế bộ đèn chiếu sáng đường Metal Halide, Cao áp Natri. Giảm chi phí hóa đơn tiền điện
- Tuổi thọ cao 30 000 giờ - 50 000 giờ, cao gấp 5 lần bóng Metal Halide, gấp 2-3 lần đèn cao áp Natri, không hạn chế số lần bật tắt.

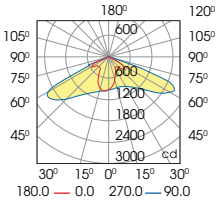
ỨNG DỤNG

- Chiếu sáng đường phố chính, đường khu đô thị, đường gom, khu công nghiệp

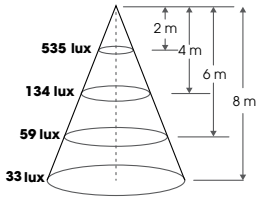


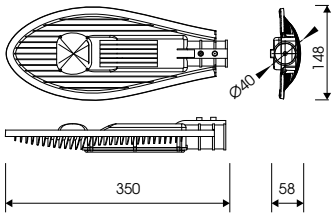
CSD02 30W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

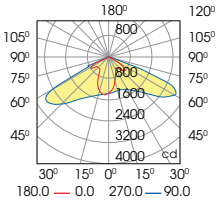




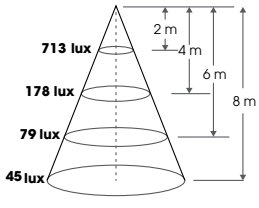


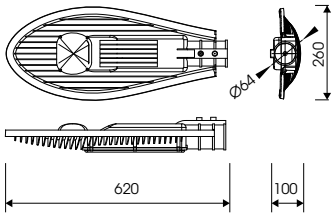
CSD02 40W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

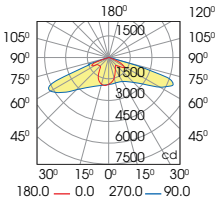




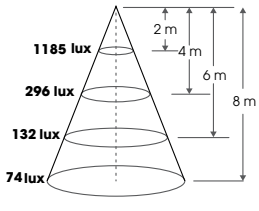


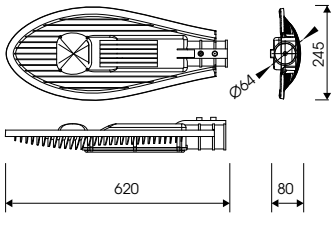
CSD02 60W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

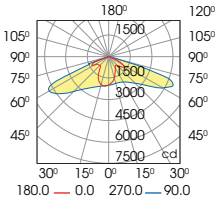




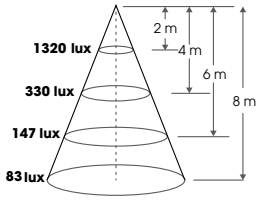


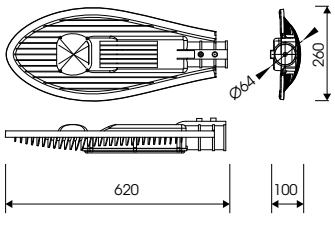
CSD02 70W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

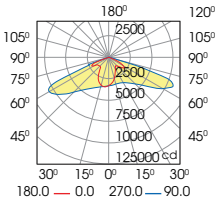




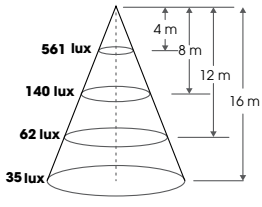


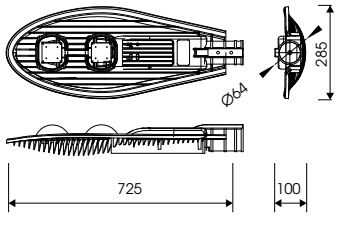
CSD02 100W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



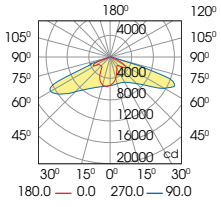


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm	mm
CSD02 30W	30	150÷270	0.5	116	3500	4000/5000	10	≥70	30.000	IP66,IK08	Ø40	148x58x 350
CSD02 40W	40	100÷277	0.95	120	4400	5000	10	80	50000	IP66,IK08	Ø64	260x100x620
CSD02 60W	60	150÷270	0.95	110	6600	4000	10	80	50000	IP66,IK08	Ø64	245x80x620
CSD02 70W	70	100÷277	0.95	105	7350	5000/6500	10	≥70	40000	IP66,IK08	Ø64	260x100x620
CSD02 100W	100	150÷270	0.95	125	12500	4000	10	≥70	40000	IP66,IK08	Ø64	285x100x725

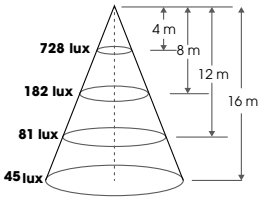


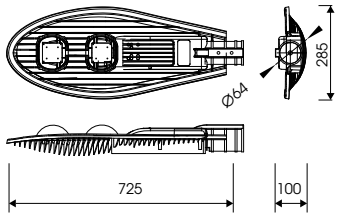
CSD02 120W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

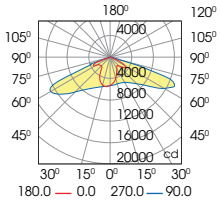




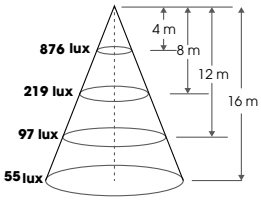


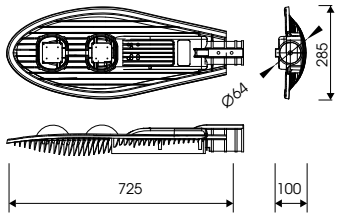
CSD02 150W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

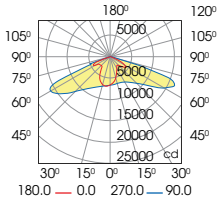




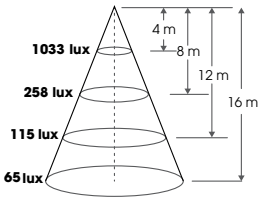


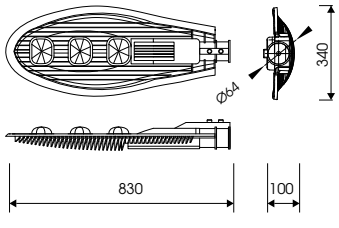
CSD02 200W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

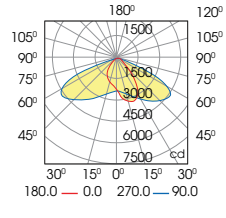




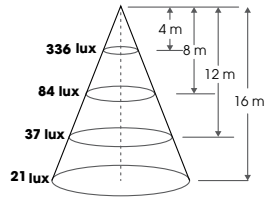


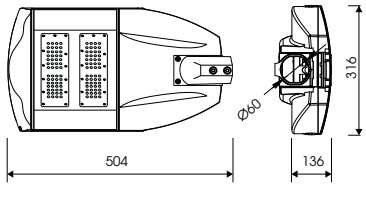
CSD04 80W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

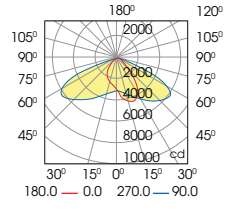




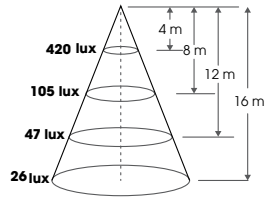


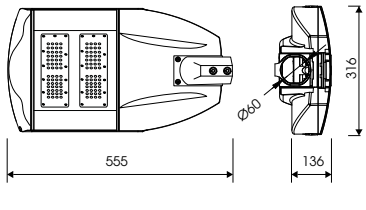
CSD04 100W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





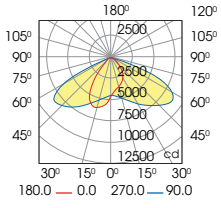
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm	mm
CSD02 120W	120	100÷277	0.95	135	16200	5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø64	285x100x725
CSD02 150W	150	100÷277	0.95	130	19500	5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø64	285x100x725
CSD02 200W	200	100÷277	0.95	115	23000	5000	10	80	50000	IP66,IK08	Ø64	340x100x830
CSD04 80W	80	100÷277	0.95	130	10400	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK10	Ø60	316x136x504
CSD04 100W	100	100÷277	0.95	130	13000	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK10	Ø60	316x136x555

ĐÈN **LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 04**

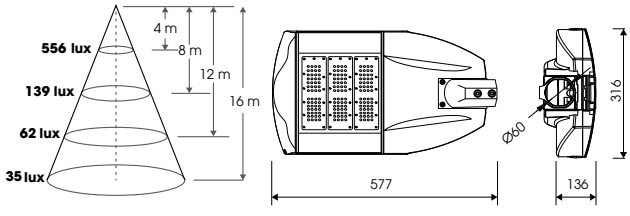


CSD04 120W

PHÂN BỐ QUANG



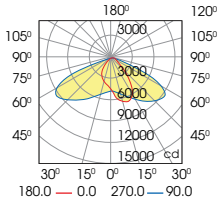
LƯỚI ĐỘ RỌI



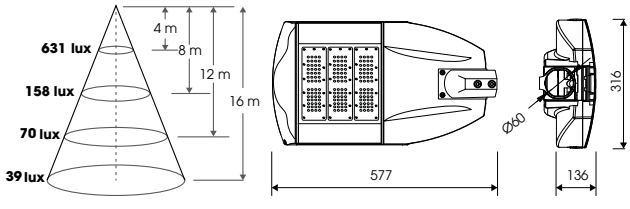


CSD04 150W

PHÂN BỐ QUANG



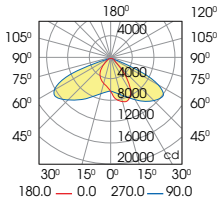
LƯỚI ĐỘ RỌI



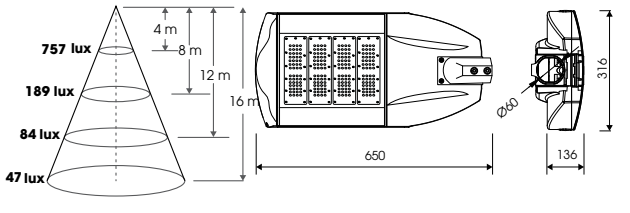


CSD04 180W

PHÂN BỐ QUANG



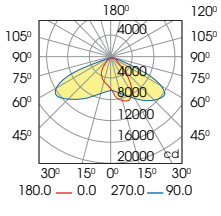
LƯỚI ĐỘ RỌI



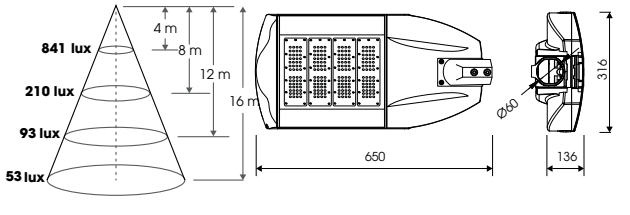


CSD04 200W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



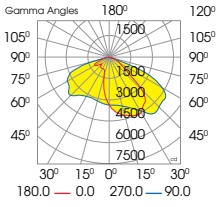
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm	mm
CSD04 120W	120	100÷277	0.95	130	15600	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK10	Ø60	316x136x577
CSD04 150W	150	100÷277	0.95	130	19500	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK10	Ø60	316x136x577
CSD04 180W	180	100÷277	0.95	130	23400	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK10	Ø60	316x136x650
CSD04 200W	200	100÷277	0,95	130	26000	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK10	Ø60	316x136x650

ĐÈN **LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 08**

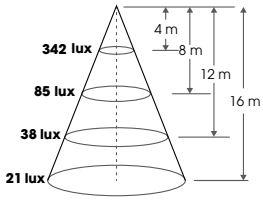


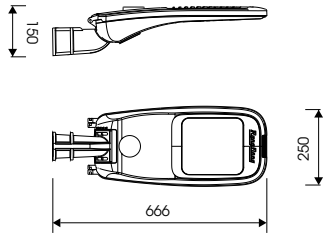
CSD08 80W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

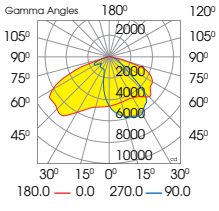




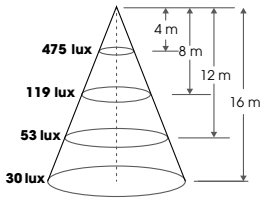


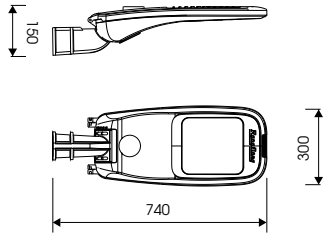
CSD08 100W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

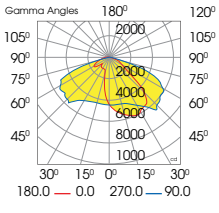




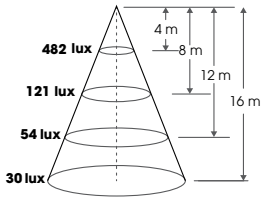


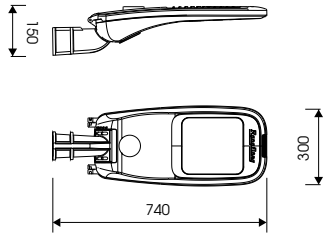
CSD08 120W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

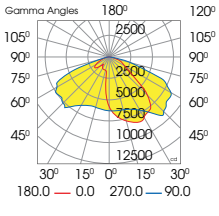




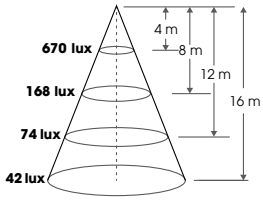


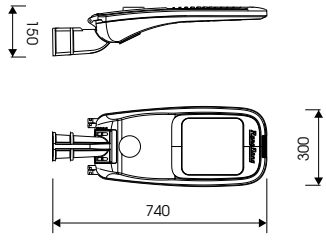
CSD08 150W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

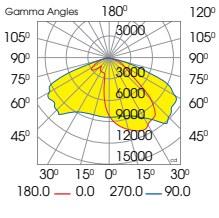




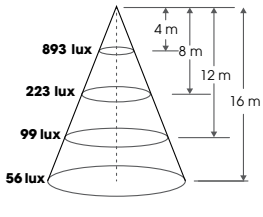


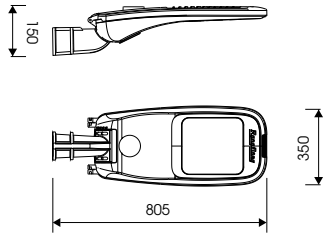
CSD08 200W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ (Giờ)	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm	
CSD08 80W	80	100÷277	0.9	130	10400	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø64	250x150x666
CSD08 100W	100	100÷277	0.95	130	13000	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø64	300x150x740
CSD08 120W	120	100÷277	0.95	130	15600	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø64	300x150x740
CSD08 150W	150	100÷277	0.95	130	19500	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø64	300x150x740
CSD08 200W	200	100÷277	0.95	130	26000	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø64	350x150x805

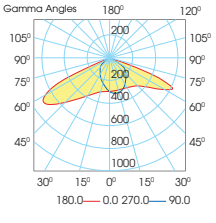


ĐÈN **LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 09**

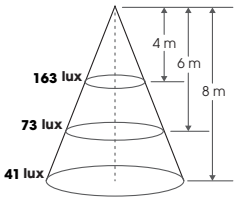


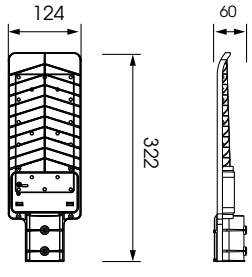
CDC09 30W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

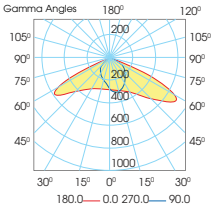




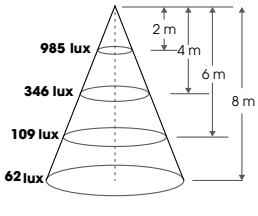


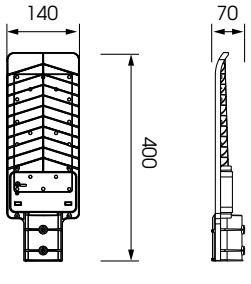
CDC09 50W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





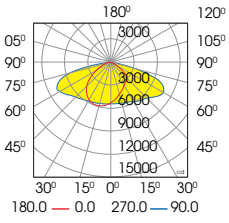
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Tuổi thọ (Giờ)	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV	Giờ		mm	
CSD09 30W	30	150÷270	0.5	110	33000	4000/5000	6	50000	IP66	40	322x124x60
CSD09 50W	50	150÷270	0.5	110	55000	4000/5000	6	50000	IP66	50	400x140x70

ĐÈN **LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 10**

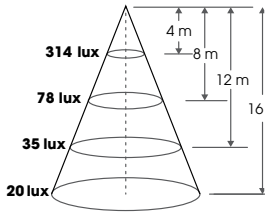


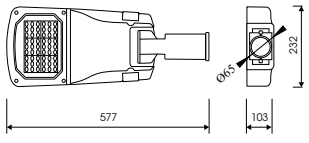
CSD10 100W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

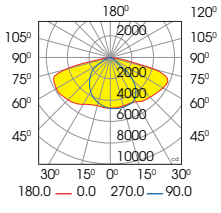




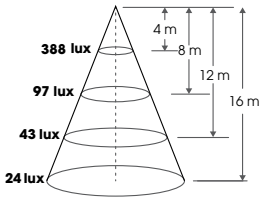


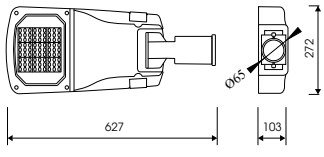
CSD10 150W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

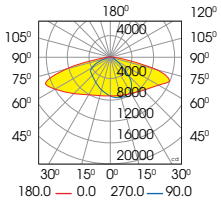




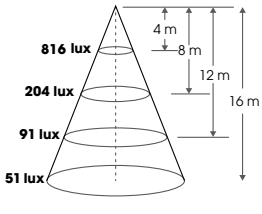


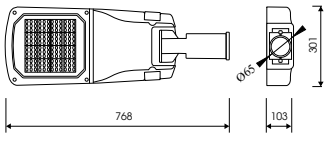
CSD10 200W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

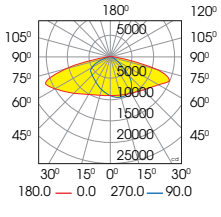




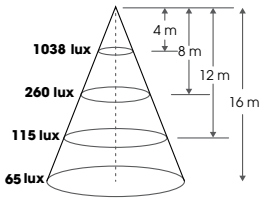


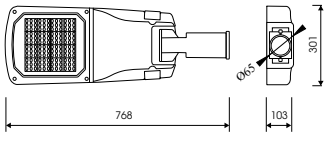
CSD10 250W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



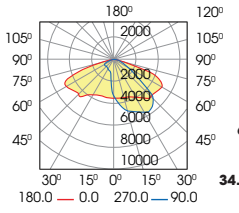


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm	mm
CSD10 100W	100	100 ÷ 277	0.95	140	14000	4000/5000	10	≥70	50.000	IP66/IK09	65	577x232x103
CSD10 150W	150	100 ÷ 277	0.95	150	22500	4000/5000	10	≥70	50.000	IP66/IK09	65	627x272x103
CSD10 200W	200	100 ÷ 277	0.95	150	30000	4000/5000	10	≥70	50.000	IP66/IK09	65	768x301x103
CSD10 250W	250	100 ÷ 277	0.95	150	37500	4000/5000	10	≥70	50.000	IP66/IK09	65	768x301x103

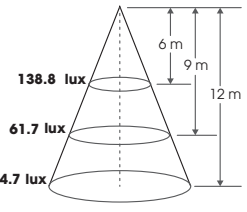


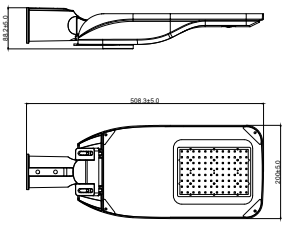
CSD12 60W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

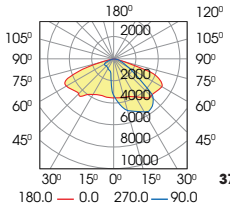




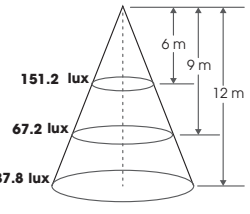


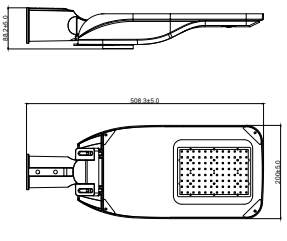
CSD12 70W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

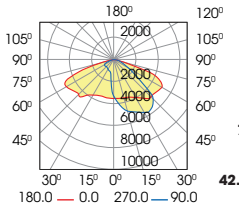




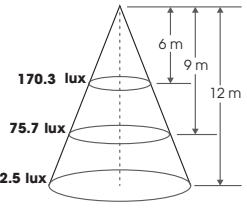


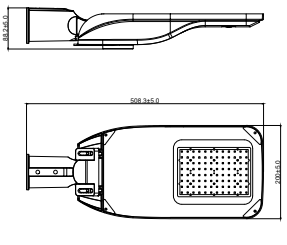
CSD12 80W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

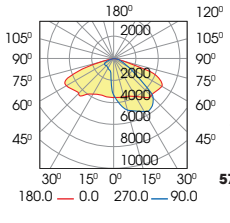




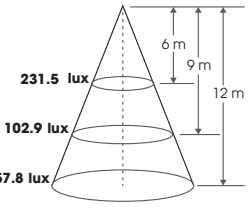


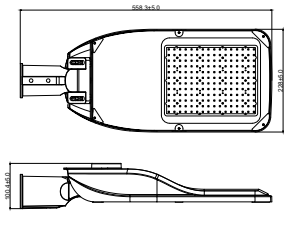
CSD12 100W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

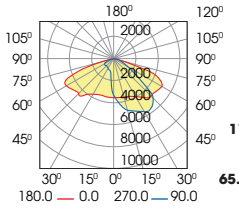




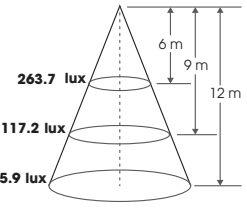


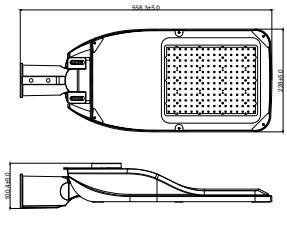
CSD12 120W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm	mm
CSD12 60W	60	100 ÷ 277	0.9	150	9000	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	64	515x200x75
CSD12 70W	70	100 ÷ 277	0.9	140	9800	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	64	515x200x75
CSD12 80W	80	100 ÷ 277	0.9	140	11200	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	64	515x200x75
CSD12 100W	100	100 ÷ 277	0.9	150	15000	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	64	560x228x85
CSD12 120W	120	100 ÷ 277	0.9	145	17400	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	64	560x228x85

ĐÈN **BẮT MUỖI**

DBM01 5W



Công suất (W):	5
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Bước sóng LED UV (nm):	365
Kích thước (DxRxC) (mm)	200x238

DBM02 400x250/4W



Công suất (W):	4
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Dòng điện vào (Max) (mA):	55
Điện áp đầu ra (kV):	≥1,15
Dòng điện vào (Max) (mA):	55
Kích thước (DxRxC) (mm)	395x57x246

DBM02 500x250/4W



Công suất (W):	4
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Dòng điện vào (Max) (mA):	55
Điện áp đầu ra (kV):	≥1,15
Dòng điện vào (Max) (mA):	55
Kích thước (DxRxC) (mm)	500x57x24

DCT01 8W



Công suất (W):	8
Chiều dài dây cắm điện (m):	1
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷40
Công suất quang: (mW):	246
Góc chùm tia (°):	120
Công suất quang: (mW):	246
Tuổi thọ (h, L70):	15.000
Kích thước (DxRxC) (mm)	640x75x255

VỢT **BẮT MUỖI**

VBM RD.02



VBM RD.03



VBM RD.05



VBM RD.06



Model	Điện áp nguồn sạc	Tần số nguồn sạc	Điện áp đầu ra	Công suất sạc điện (max)	Loại pin	Thời gian sạc đầy pin	Thời gian sử dụng bắt muỗi	Kích thước (DxRxC)
	V	Hz	kV	W		Giờ	Giờ	mm
VBM RD.02	100÷250	50/60	≥ 3.0	1,5	Lithium	6-10	8-10	538x210x4
VBM RD.03	150÷220	50	-	1	Ắc quy 4.2V	8-10	8-10	501x220x32.5
VBM RD.05	100÷250	50	-	0,8	Ắc quy 4.2V	6-8	8-10	540x220x40
VBM RD.06	5 (Vdc)	-	3	3,5	Lithium-ion	1,5-2	8-10	530x218x35

ĐÈN PIN **ĐỘI ĐẦU**

PDD01 1W



Công suất (W):	1
Điện áp đầu vào nguồn sạc (V/Hz):	220/50
Điện áp đầu ra nguồn sạc (V/mA):	4.2/500
Pin (mA.h Li-ion):	2000
Điều chỉnh chế độ sáng:	2
Nhiệt độ màu (K):	Trắng/Vàng

PDD02 3W



Công suất (W):	3
Điện áp đầu vào nguồn sạc (V/Hz):	220/50
Điện áp đầu ra nguồn sạc (V/mA):	4.2/500
Pin (mA.h Li-ion):	2000
Điều chỉnh chế độ sáng:	2
Nhiệt độ màu (K):	Trắng/Vàng

PDD03 5W



Công suất (W):	5
Điện áp đầu vào nguồn sạc (V/Hz):	220/50
Điện áp đầu ra nguồn sạc (V/mA):	4.2/500
Pin (mA.h Li-ion):	2000
Điều chỉnh chế độ sáng:	2
Nhiệt độ màu (K):	Trắng/Vàng

THIẾT BỊ ĐIỆN AN TOÀN



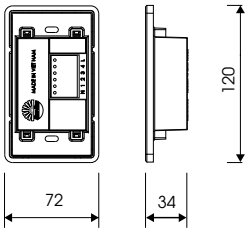




CÔNG TẮC **CẢM ỨNG**

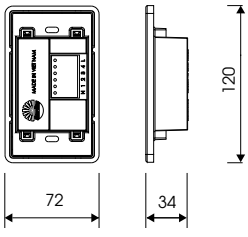
RD-CT.01





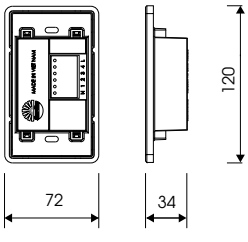
RD-CT.01.NL





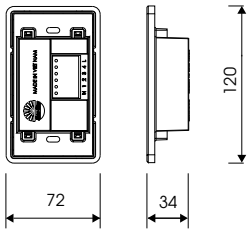
RD-CT.02



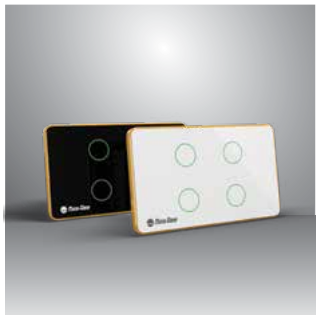


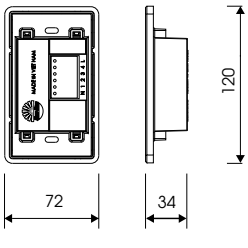
RD-CT.03





RD-CT.04



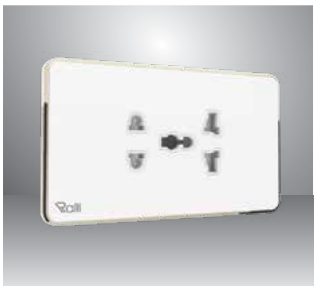


- Mặt kính cường lực, chống xước, chống vân tay.
- Bảo vệ chống bụi, chống nước IP44.
- Dễ dàng lắp đặt, sử dụng thay thế công tắc cơ truyền thống.

Model	Công suất	Điện áp	Dải điện áp hoạt động	Nhiệt độ làm việc	Số lần tắt bật	Cấp bảo vệ	Kích thước (DxRxC)
	W	V/Hz	V	°C	lần	K	mm
RD-CT.01	300	220/50-60	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	120x72x34
RD-CT.01.NL	2500	220/50-60	150÷250	-10÷40	100000	IP44	120x72x34
RD-CT.02	300/nút	220/50-60	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	120x72x34
RD-CT.03	300/nút	220/50-60	150÷250	-10÷40	100000	IP44	120x72x34
RD-CT.04	300/nút	220/50-60	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	120x72x34

Ổ CẮM **ÂM TƯỜNG CAO CẤP**

OCAT04K 2C/16A



Công suất (W):	3500
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Kích thước (DxRxC) (mm)	120x72x29
Dòng điện Max (A):	16

Ổ CẮM **ÂM TƯỜNG CHỐNG GIẬT**

OCAT01 1C/16A



Công suất (W):	3000
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Kích thước (DxRxC) (mm)	120x72x32
Dòng điện Max (A):	16

Tính năng:
Tự động ngắt điện khi phát hiện dòng rò ≥ 30mA.

OCAT05K 2C/16A



Công suất (W):	3500
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Kích thước (DxRxC) (mm)	86x86x31
Dòng điện Max (A):	16

OCAT06K 2C/16A



Công suất (W):	3500
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Kích thước (DxRxC) (mm)	70x120x31
Dòng điện Max (A):	16

Ổ CẮM **MÁY BƠM AN TOÀN**

OC03.MB 16A



Công suất (W):	≤1500 (Công suất máy bơm)
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Kích thước (DxRxC) (mm)	120x72x32
Dòng điện Max (mA):	16

Tính năng:
Sử dụng nguồn cách ly điện áp thấp 5V đến phao điện tại bể, an toàn cho người sử dụng

Ổ CẮM ĐA NĂNG **CHỐNG GIẬT**

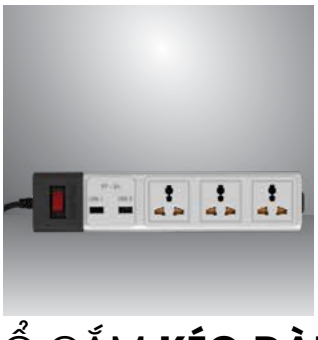
OC04 4C/10A



Công suất (W):	2500
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Chiều dài dây (m):	3/5
Kích thước (DxRxC) (mm)	270x60x35
Dòng điện Max (A):	10

Tính năng:
Tự động ngắt điện khi phát hiện dòng rò ≥ 30mA.

OC04.USB 3C/10A



Công suất (W):	2500
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Chiều dài dây (m):	3/5
Kích thước (DxRxC) (mm)	270x60x35
Dòng điện Max (A):	10

Ổ CẮM **KÉO DÀI**

OC02 4C/10A



Công suất (W):	2500
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Chiều dài dây (m):	3/5
Kích thước (DxRxC) (mm)	270x60x35
Dòng điện Max (A):	10

OC02.USB 3C/10A



Công suất (W):	2500
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Chiều dài dây (m):	3/5
Kích thước (DxRxC) (mm)	270x60x35
Dòng điện Max (A):	10

OC05 3C/10A



Công suất (W):	2500
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Chiều dài dây (m):	2/5
Kích thước (DxRxC) (mm)	170x50x36
Dòng điện Max (A):	10

OC05.V2 3C/10A



Công suất (W):	2500
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Chiều dài dây (m):	2/5
Kích thước (DxRxC) (mm)	170x50x36
Dòng điện Max (A):	10

OC06 6C/10A



Công suất (W):	2500
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Chiều dài dây (m):	2/5
Kích thước (DxRxC) (mm)	205x100x36
Dòng điện Max (A):	10

OC06.V2 6C/10A



Công suất (W):	2500
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Chiều dài dây (m):	2/5
Kích thước (DxRxC) (mm)	205x100x36
Dòng điện Max (A):	10

OC10 3C/6000W



Công suất tối đa (W):	6000
Điện áp hoạt động tối đa (V):	250
Dòng điện ổ cắm tối đa (A):	30
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Chiều dài dây (m):	không dây
Kích thước (DxRxC) (mm)	166x58x35

OC06.V2 6C/10A



Công suất tối đa (W):	3000
Điện áp hoạt động tối đa (V):	250
Dòng điện ổ cắm tối đa (A):	16
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Chiều dài dây (m):	Không dây
Kích thước (DxRxC) (mm)	84x36x35

MẶT CÔNG TẮC Ổ CẮM

MOC01 80x120x9/1H



Số vị trí lắp đặt	1
Khoảng cách 2 lỗ vít lắp đặt (mm)	83
Kích thước (DxRxC) (mm)	120x80x9

MOC01 80x120x9/2H



Số vị trí lắp đặt	2
Khoảng cách 2 lỗ vít lắp đặt (mm)	83
Kích thước (DxRxC) (mm)	120x80x9

MOC01 80x120x9/3H



Số vị trí lắp đặt	3
Khoảng cách 2 lỗ vít lắp đặt (mm)	83
Kích thước (DxRxC) (mm)	120x80x9

MOC02 70x120x9/3H



Số vị trí lắp đặt	3
Khoảng cách 2 lỗ vít lắp đặt (mm)	83
Kích thước (DxRxC) (mm)	120x80x9

HẠT CHIẾT ÁP

HCA Q01/200W



Công suất max (W)	200
Dải điện áp hoạt động (VAC)	150÷250
Kích thước (DxRxC) (mm)	47x24x36

HCA D01/300W



Công suất max (W)	300
Dải điện áp hoạt động (VAC)	150÷250
Kích thước (DxRxC) (mm)	47x24x36

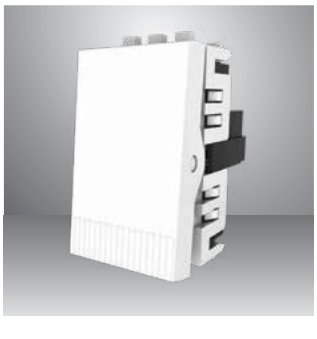
HẠT CÔNG TẮC

HCT01 1C/10A



Công suất max (W)	2500
Dòng điện max (A)	10
Điện áp hoạt động max (VAC)	250
Kích thước DxRxC (mm)	47x24x36

HCT01 2C/10A



Công suất max (W)	2500
Dòng điện max (A)	10
Điện áp hoạt động max (VAC)	250
Kích thước DxRxC (mm)	47x24x36

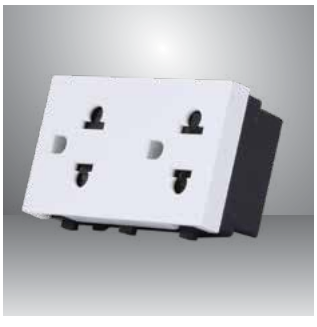
HẠT Ổ CẮM

HOC01 1C/16A



Công suất max (W)	3500
Dòng điện max (A)	16
Điện áp hoạt động max (VAC)	250
Kích thước DxRxC (mm)	47x24x35

HOC02 2C/16A



Công suất max (W)	3500
Dòng điện max (A)	16
Điện áp hoạt động max (VAC)	250
Kích thước DxRxC (mm)	72x46x30

HOC01 1C/16A



Công suất max (W)	3500
Dòng điện max (A)	16
Điện áp hoạt động max (VAC)	250
Kích thước DxRxC (mm)	72x46x30

HOC05 2C/16A



Công suất max (W)	3500
Dòng điện max (A)	16
Điện áp hoạt động max (VAC)	250
Kích thước DxRxC (mm)	69x45x35

HOC.ĐT01



Loại giắc kết nối	RJ11
Kiểu kết nối Internet	2 dây 4 dây
Kích thước DxRxC (mm)	47x24x39

HOC.LAN01



Loại giắc kết nối	RJ11
Kiểu kết nối Internet	2 dây 4 dây
Kích thước DxRxC (mm)	47x24x39

HOC.ANTEN01



Kết nối đầu vào	Giắc đực kiểu F 9.5mm
Kết nối đầu ra	Giắc đực kiểu F 9.5mm
Loại cáp	Cáp đồng trục
Kích thước DxRxC (mm)	47x24x22

HOC.ANTEN02



Kết nối đầu vào	Cáp đồng trục
Kết nối đầu ra	Giắc Belling - Lee đực
Loại cáp	Cáp đồng trục
Kích thước DxRxC (mm)	47x24x39

APTOMAT **NGẮN MẠCH MCB - 1P1E**

RD.MCB 1P1E 6A



RD.MCB 1P1E 6A



RD.MCB 1P1E 6A



RD.MCB 1P1E 6A



RD.MCB 1P1E 6A



RD.MCB 1P1E 6A



RD.MCB 1P1E 6A



RD.MCB 1P1E 6A



RD.MCB 1P1E 6A



Model	Dòng danh định	Điện áp danh định	Tần số danh định	Định mức ngắt mạch, ngắn mạch	Xung định mức với điện áp tiêu chuẩn (1.5/50)Uimp	Tổi thọ điện	Cấp bảo vệ	Nhiệt độ hoạt động	Độ ẩm hoạt động	Kích thước
	A	V	Hz	**kA**	kV	chu kỳ		°C	%	mm
RD.MCB 1P1E 6A	6	230/400	50/60	6	4	6000	IP20	-25÷40	<95	82x18x69,3
RD.MCB 1P1E 10A	10	230/400	50/60	6	4	6000	IP20	-25÷40	<95	82x18x69,3
RD.MCB 1P1E 16A	16	230/400	50/60	6	4	6000	IP20	-25÷40	<95	82x18x69,3
RD.MCB 1P1E 20A	20	230/400	50/60	6	4	6000	IP20	-25÷40	<95	82x18x69,3
RD.MCB 1P1E 25A	25	230/400	50/60	6	4	6000	IP20	-25÷40	<95	82x18x69,3
RD.MCB 1P1E 32A	32	230/400	50/60	6	4	6000	IP20	-25÷40	<95	82x18x69,3
RD.MCB 1P1E 40A	40	230/400	50/60	6	4	6000	IP20	-25÷40	<95	82x18x69,3
RD.MCB 1P1E 50A	50	230/400	50/60	6	4	6000	IP20	-25÷40	<95	82x18x69,3
RD.MCB 1P1E 60A	60	230/400	50/60	6	4	6000	IP20	-25÷40	<95	82x18x69,3

Số cực: 1

APTOMAT **NGẮN MẠCH MCB - 2P2E**

RD.MCB 2P2E 6A



RD.MCB 2P2E 10A



RD.MCB 2P2E 16A



RD.MCB 2P2E 6A



RD.MCB 2P2E 10A



RD.MCB 2P2E 16A



RD.MCB 2P2E 6A



RD.MCB 2P2E 10A



RD.MCB 2P2E 16A



Model	Dòng danh định	Điện áp danh định	Tần số danh định	Định mức ngắt mạch, ngắn mạch	Xung định mức với điện áp tiêu chuẩn (1.5/50)Uimp	Tổi thọ điện	Cấp bảo vệ	Nhiệt độ hoạt động	Độ ẩm hoạt động	Kích thước
	A	V	Hz	**kA**	kV	chu kỳ		°C	%	mm
RD.MCB 2P2E 6A	6	230/400	50/60	6	4	6000	IP20	-25÷40	<95	82x36x69,3
RD.MCB 2P2E 10A	10	230/400	50/60	6	4	6000	IP20	-25÷40	<95	82x36x69,3
RD.MCB 2P2E 16A	16	230/400	50/60	6	4	6000	IP20	-25÷40	<95	82x36x69,3
RD.MCB 2P2E 20A	20	230/400	50/60	6	4	6000	IP20	-25÷40	<95	82x36x69,3
RD.MCB 2P2E 25A	25	230/400	50/60	6	4	6000	IP20	-25÷40	<95	82x36x69,3
RD.MCB 2P2E 32A	32	230/400	50/60	6	4	6000	IP20	-25÷40	<95	82x36x69,3
RD.MCB 2P2E 40A	40	230/400	50/60	6	4	6000	IP20	-25÷40	<95	82x36x69,3
RD.MCB 2P2E 50A	50	230/400	50/60	6	4	6000	IP20	-25÷40	<95	82x36x69,3
RD.MCB 2P2E 60A	60	230/400	50/60	6	4	6000	IP20	-25÷40	<95	82x36x69,3

Số cực: 2

APTOMAT **NGẮN MẠCH MCB - 3P3E**

RD.MCB 3P3E 6A



RD.MCB 3P3E 10A



RD.MCB 3P3E 16A



RD.MCB 3P3E 6A



RD.MCB 3P3E 10A



RD.MCB 3P3E 16A



RD.MCB 3P3E 6A



RD.MCB 3P3E 10A



RD.MCB 3P3E 16A



Model	Dòng danh định	Điện áp danh định	Tần số danh định	Định mức ngắt mạch, ngắn mạch	Xung định mức với điện áp tiêu chuẩn (1.5/50)Uimp	Tổi thọ điện	Cấp bảo vệ	Nhiệt độ hoạt động	Độ ẩm hoạt động	Kích thước
	A	V	Hz	**kA**	kV	chu kỳ		°C	%	mm
RD.MCB 3P3E 6A	6	230/400	50/60	6	4	6000	IP20	-25÷40	<95	82x54x69,3
RD.MCB 3P3E 10A	10	230/400	50/60	6	4	6000	IP20	-25÷40	<95	82x54x69,3
RD.MCB 3P3E 16A	16	230/400	50/60	6	4	6000	IP20	-25÷40	<95	82x54x69,3
RD.MCB 3P3E 20A	20	230/400	50/60	6	4	6000	IP20	-25÷40	<95	82x54x69,3
RD.MCB 3P3E 25A	25	230/400	50/60	6	4	6000	IP20	-25÷40	<95	82x54x69,3
RD.MCB 3P3E 32A	32	230/400	50/60	6	4	6000	IP20	-25÷40	<95	82x54x69,3
RD.MCB 3P3E 40A	40	230/400	50/60	6	4	6000	IP20	-25÷40	<95	82x54x69,3
RD.MCB 3P3E 50A	50	230/400	50/60	6	4	6000	IP20	-25÷40	<95	82x54x69,3
RD.MCB 3P3E 60A	60	230/400	50/60	6	4	6000	IP20	-25÷40	<95	82x54x69,3

Số cực: 1

APTOMAT **CHỐNG GIẬT RCB0 - 1P+N**

RD.RCBO 1P+N 6A



RD.RCBO 1P+N 10A



RD.RCBO 1P+N 16A



RD.RCBO 1P+N 6A



RD.RCBO 1P+N 10A



RD.RCBO 1P+N 16A



RD.RCBO 1P+N 6A



RD.RCBO 1P+N 10A



RD.RCBO 1P+N 16A



Model	Dòng danh định	Điện áp danh định	Tần số danh định	Định mức ngắt mạch, ngắn mạch	Xung định mức với điện áp tiêu chuẩn (1.5/50)Uimp	Định mức dòng rò ngắt mạch	Định mức dòng rò không ngắt mạch	Thời gian ngắt bảo vệ dòng rò	Tổi thọ điện	Kích thước
	A	V	Hz	kA	kV	mA	mA	ms	chu kỳ	mm
RD.RCBO 1P+N 6A	6	230	50	6	4	30	15	≤ 100	4000	82x35,6x81,3
RD.RCBO 1P+N 10A	10	230	50	6	4	30	15	≤ 100	4000	82x35,6x81,3
RD.RCBO 1P+N 16A	16	230	50	6	4	30	15	≤ 100	4000	82x35,6x81,3
RD.RCBO 1P+N 20A	20	230	50	6	4	30	15	≤ 100	4000	82x35,6x81,3
RD.RCBO 1P+N 25A	25	230	50	6	4	30	15	≤ 100	4000	82x35,6x81,3
RD.RCBO 1P+N 32A	32	230	50	6	4	30	15	≤ 100	4000	82x35,6x81,3
RD.RCBO 1P+N 40A	40	230	50	6	4	30	15	≤ 100	4000	82x35,6x81,3
RD.RCBO 1P+N 50A	50	230	50	6	4	30	15	≤ 100	4000	82x35,6x81,3
RD.RCBO 1P+N 63A	63	230	50	6	4	30	15	≤ 100	4000	82x35,6x81,3

Số cực: 1P+N; Cấp bảo vệ: IP20; Độ ẩm hoạt động: <95%; Nhiệt độ hoạt động: (-25÷40) °C

APTOMAT **THÔNG MINH MCB**

RD.MCB.WF C63



- Kết nối và điều khiển từ xa thông qua WIFI 2.4 GHz.
- Bảo vệ an toàn điện:
  - Bảo vệ quá tải.
  - Bảo vệ ngắn mạch.
  - Bảo vệ ngưỡng điện áp: ngưỡng cao và thấp.
- Cài đặt các ngưỡng bảo vệ: điện áp cao, điện áp thấp, quá dòng.
- Hiển thị trực quan mức điện năng tiêu thụ.
- Theo dõi, điều khiển từ xa, hẹn Giờ bật tắt, cài đặt kịch bản.
- Điều khiển qua App Rạng Đông Smart và RalliSmart V2.

Model	Dòng danh định	Điện áp danh định	Tần số danh định	Dòng ngắt mạch danh định	Xung điện áp định mức	Tần số WIFI	Cấp bảo vệ	Nhiệt độ hoạt động	Độ ẩm hoạt động	Kích thước
	A	V	Hz	**kA**	kV	GHz		°C	%	mm
RD.MCB.WF C63	63	230	50/60	6	6	24	IP20	-25÷65	<90	90x70x54

APTOMAT **GIA DỤNG HB/**HỘP APTOMAT **NỔI TƯỜNG**

RD.HB 2P1E 10A



RD.HB 2P1E 15A



RD.HB 2P1E 20A



RD.HB 2P1E 30A



RD.HB 2P1E 40A



HAT01-1



Model	Dòng danh định	Điện áp danh định	Tần số danh định	Định mức ngắt mạch, ngắn mạch	Xung định mức với điện áp tiêu chuẩn (1.5/50)Uimp	Tổi thọ điện	Cấp bảo vệ	Nhiệt độ hoạt động	Độ ẩm hoạt động	Kích thước
	A	V	Hz	**kA**	kV	chu kỳ		°C	%	mm
RD.HB 2P1E 10A	10	230	50/60	1.5	2	4000	IP20	-5÷40	<90	70,2x32x55
RD.HB 2P1E 15A	15	230	50/60	1.5	2	4000	IP20	-5÷40	<90	70,2x32x55
RD.HB 2P1E 20A	20	230	50/60	1.5	2	4000	IP20	-5÷40	<90	70,2x32x55
RD.HB 2P1E 30A	30	230	50/60	1.5	2	4000	IP20	-5÷40	<90	70,2x32x55
RD.HB 2P1E 40A	40	230	50/60	1.5	2	4000	IP20	-5÷40	<90	70,2x32x55

Model	Số lượng APTOMAT RD.HB 2P1E	Tính năng bảo vệ	Nhiệt độ hoạt động	Kích thước
			°C	mm
HAT01-1	1	IP30	-20÷60	103x42,5x411

TỦ APTOMAT **ÂM TƯỜNG**

Mặt che: Màu đen trong suốt - Mặt: PC+ABS chống cháy

Đế: Nhựa ABS chống cháy - Thanh gá: Thép tấm cán nguội sơn tĩnh điện

TAT01-4



Số modules kích thước 18mm lớn nhất	4
Tính năng bảo vệ	IP30
Nhiệt độ hoạt động	-25÷60
Kích thước	159x180x90
Kích thước khoét lỗ	139x160x73

TAT01-6



Số modules kích thước 18mm lớn nhất	6
Tính năng bảo vệ	IP30
Nhiệt độ hoạt động	-25÷60
Kích thước	213x240x90
Kích thước khoét lỗ	193x220x73

TAT01-10



Số modules kích thước 18mm lớn nhất	10
Tính năng bảo vệ	IP30
Nhiệt độ hoạt động	-25÷60
Kích thước	267x240x90
Kích thước khoét lỗ	247x220x73

TAT01-14



Số modules kích thước 18mm lớn nhất	14
Tính năng bảo vệ	IP30
Nhiệt độ hoạt động	-25÷60
Kích thước	339x240x90
Kích thước khoét lỗ	319x220x73

TAT01-18



Số modules kích thước 18mm lớn nhất	18
Tính năng bảo vệ	IP30
Nhiệt độ hoạt động	-25÷60
Kích thước	411x260x90
Kích thước khoét lỗ	391x240x73

TAT01-22



Số modules kích thước 18mm lớn nhất	22
Tính năng bảo vệ	IP30
Nhiệt độ hoạt động	-25÷60
Kích thước	483x260x90
Kích thước khoét lỗ	463x240x73

TỦ APTOMAT **NỔI TƯỜNG**

Mặt che: Màu đen trong suốt - Mặt: PC+ABS chống cháy

Đế: Thép tấm cán nguội sơn tĩnh điện - Thanh gá: Thép tấm cán nguội sơn tĩnh điện

TAT02-4



Số modules kích thước 18mm lớn nhất	4
Tính năng bảo vệ	IP30
Nhiệt độ hoạt động	-25÷60
Kích thước	159x180x91

TAT02-6



Số modules kích thước 18mm lớn nhất	6
Tính năng bảo vệ	IP30
Nhiệt độ hoạt động	-0.416666667
Kích thước	213x240x95

TAT02-10



Số modules kích thước 18mm lớn nhất	4
Tính năng bảo vệ	IP30
Nhiệt độ hoạt động	-0.416666667
Kích thước	267x240x95

TAT02-14



Số modules kích thước 18mm lớn nhất	14
Tính năng bảo vệ	IP30
Nhiệt độ hoạt động	-25÷60
Kích thước	339x240x95

TAT02-18



Số modules kích thước 18mm lớn nhất	18
Tính năng bảo vệ	IP30
Nhiệt độ hoạt động	-25÷60
Kích thước	411x260x95

TAT02-22



Số modules kích thước 18mm lớn nhất	22
Tính năng bảo vệ	IP30
Nhiệt độ hoạt động	-25÷60
Kích thước	483x260x95









NHÓM SẢN PHẨM

ĐÈN LED CHIẾU SÁNG HỌC ĐƯỜNG

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Nguồn LED hiệu suất cao, chất lượng cao, tuổi thọ cao.
- Hệ số trả màu cao (Ra ≥80): Cho ánh sáng trung thực tự nhiên (Đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114:2008)
- Khả năng chống hiệu ứng nhấp nháy ánh sáng (Flicker Free): Không gây mỏi mắt, mang lại cảm giác dễ chịu, bảo vệ đôi mắt.
- Khả năng tương thích điện từ (EMC): Giúp đèn LED hoạt động bình thường trong môi trường điện từ và không gây nhiễu đến hệ thống thiết bị khác (Đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 7186:2010/ CISPR 15:2009)
- Khả năng chịu xung đột biến điện áp cao: Bảo vệ đèn khỏi tác động của các xung điện áp cao gây ra bởi các thiết bị khác (Đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 8241-4-5:2009/ IEC6100-4-5:2005)

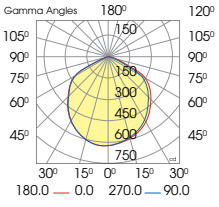


BỘ ĐÈN **LED TUBE CHIẾU SÁNG LỚP HỌC**

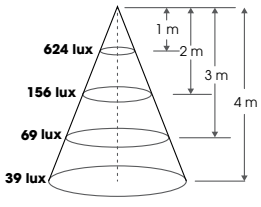


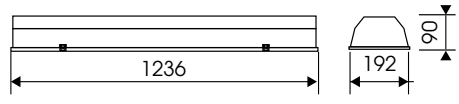
T8 TT01 CSLH/20Wx1

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

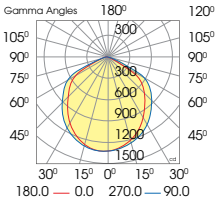




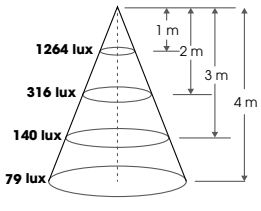


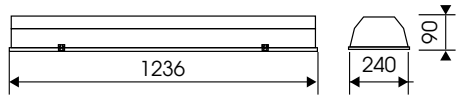
T8 TT01 CSLH /20Wx2

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

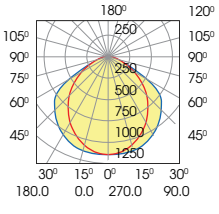




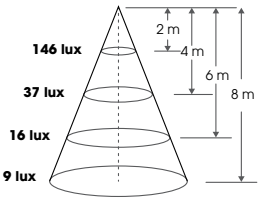


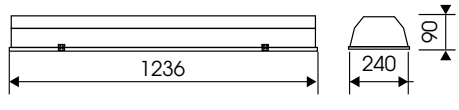
T8 CSLH/20Wx1

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

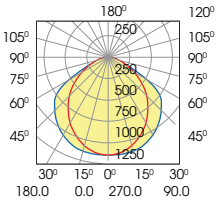




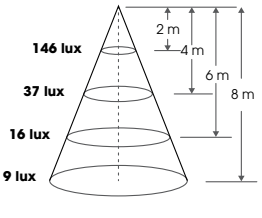


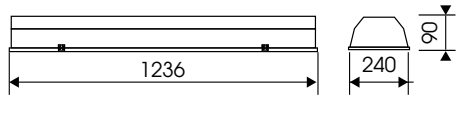
T8 CSLH/20Wx2

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





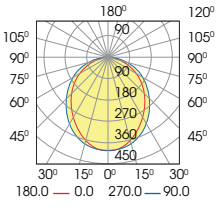
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
T8 TT01 CSLH/20Wx1	20	170÷250	0.5	80	1600	3000/4000/5000/6500	82	20.000	1236x192x90
T8 TT01 CSLH /20Wx2	20x2	170÷250	0.5	80	3200	3000/4000/5000/6500	82	20.000	1236x240x90
T8 CSLH/20Wx2	20x1	150÷250	0.5	80	1600	3000/4000/5000/6500	82	30.000	1236x240x90
T8 CSLH/20Wx2	20x2	150÷250	0.5	80	3200	3000/4000/5000/6500	82	30.000	1236x240x90

BỘ ĐÈN **LED CHIẾU SÁNG LỚP HỌC**

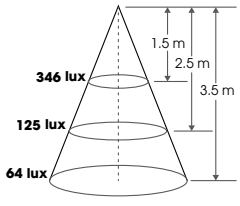


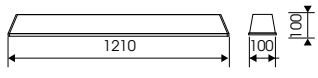
CSLH 20Wx1

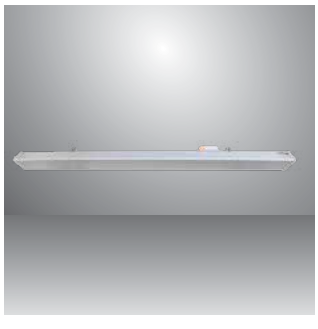
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

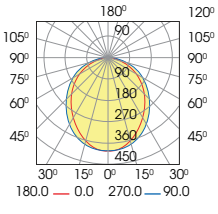




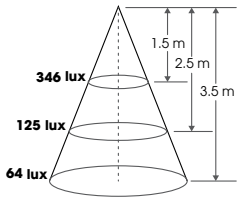


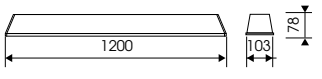
CSLH 1200/36W

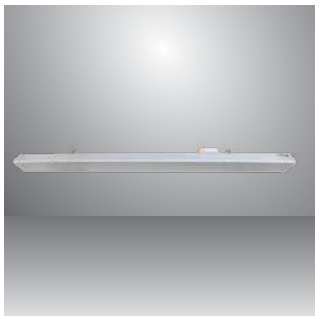
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

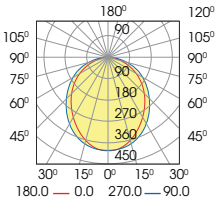




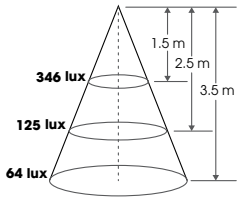


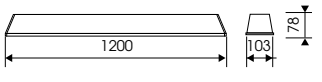
CSLH.LS 1200/36W

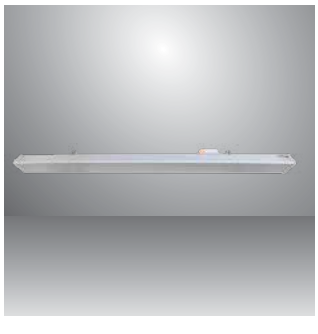
PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

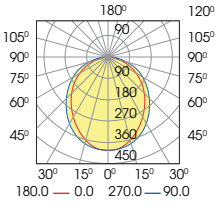




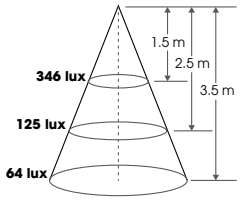


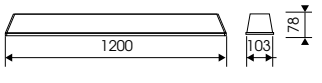
CSLH.LS 1200/36W.HCL

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



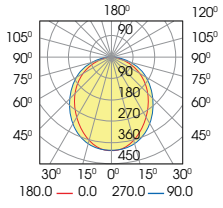


Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
CSLH 20Wx1	20	150÷250	0,9	100	2000	5000/6500	80	30000	1210x100x100
CSLH 1200/36W	36	170÷250	0,9	105	3780	5000/6500	85	30000	1200x103x78
CSLH.LS 1200/36W	36	170÷250	0,9	105	3780	6500	85	30000	1200x103x78
CSLH.LS 1200/36W.HCL	36	170÷250	0,9	105	3780	6500	85	30000	1200x103x78

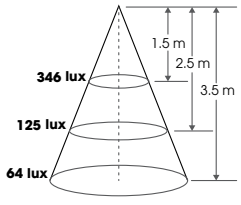


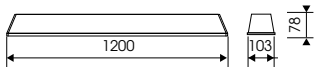
CSLH 300x1200/40W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI



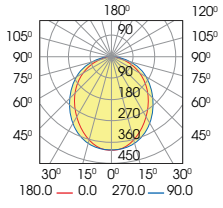


Khung nhựa có ô chia quang **chống chói lóa chỉ số UGR ≤ 16** giúp mắt không bị chói lóa khi nhìn vào vật thể xung quang trong thời gian dài liên tục.

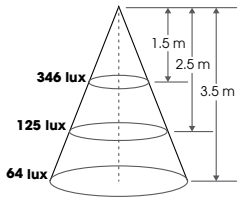


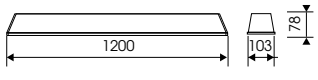
CSLH.LS 300x1200/40W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





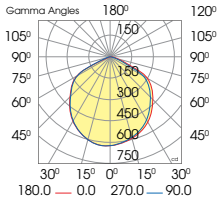
Khung nhựa có ô chia quang **chống chói lóa chỉ số UGR ≤ 16** giúp mắt không bị chói lóa khi nhìn vào vật thể xung quang trong thời gian dài liên tục.
Tích hợp cảm biến ánh sáng, tự động điều chỉnh tăng/giảm cường độ sáng theo ánh sáng môi trường, tốc độ thay đổi mịn, không gây cảm giác khó chịu cho mắt.

BỘ ĐÈN **LED TUBE CHIẾU SÁNG BẢNG**

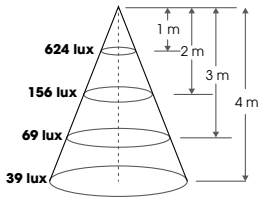


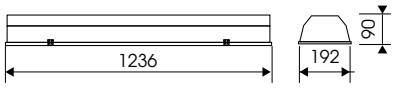
T8 TT01 CSBA/20Wx1

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

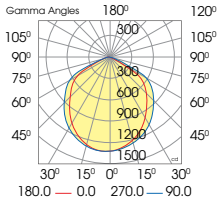




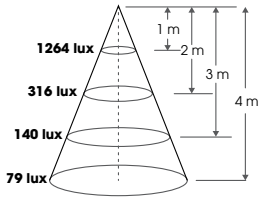


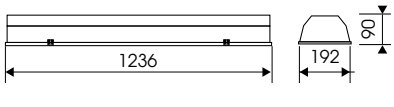
T8 CSBA/20Wx1

PHÂN BỐ QUANG



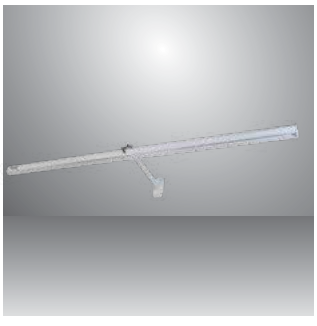
LƯỚI ĐỘ RỌI





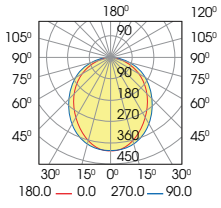
Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
CSLH 300x1200/40W	40	150÷250	0,5	105	4200	5000/6500	90	30000	1200x300x77
CSLH.LS 300x1200/40W	40	150÷250	0,5	105	4200	5000/6500	90	30000	1200x300x77
T8 TT01 CSBA/20Wx1	20	170÷250	0,5	80	1600	3000/4000/6500	82	20000	1236x192x90
T8 CSBA/20Wx1	20	150÷250	0,5	80	1600	3000/4000/6500	82	30000	1236x192x90

BỘ ĐÈN **LED CHIẾU SÁNG BẢNG**

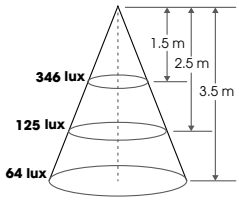


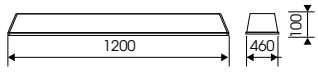
CSBA 1200/18W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

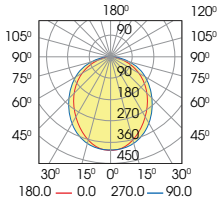




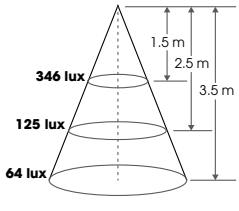


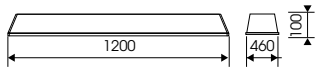
CSBA 80x1200/28W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI

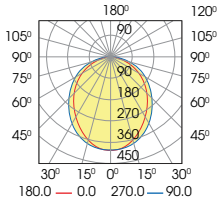




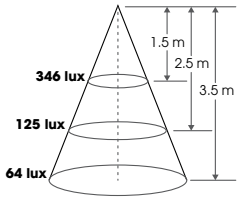


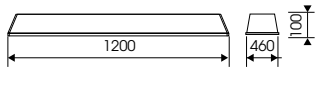
CSBA 80x1200/28W

PHÂN BỐ QUANG



LƯỚI ĐỘ RỌI





Sử dụng **tấm tán xạ PMMA chống chói lóa chỉ số UGR ≤ 19**, giúp mắt không bị chói lóa khi nhìn vào bảng và khu vực xung quanh bảng trong thời gian dài liên tục.
Chỉ số hoàn màu cao **CRI >90**, phản ánh trung thực màu sắc trên bảng.

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
CSBA 1200/18W	18	170÷250	0,9	94	1700	5000/6500	80	30000	1200x460x100
CSBA 80x1200/28W	28	150÷250	0,5	95	2660	5000/6500	80	25000	1200x130x80
CSBA 80x1200/28W	28	150÷250	0,5	90	2520	3000/5000/6500	90	30000	1200x130x80





Chiếu sáng danh lam thắng cảnh



Chiếu sáng biển quảng cáo



Chiếu sáng công viên

NHÓM SẢN PHẨM

ĐÈN LED NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng chip LED SMD/LED hiệu suất cao, tuổi thọ cao 50000 giờ, giảm chi phí thay thế và bảo trì
- Sử dụng Pin lưu điện công nghệ Lithium LiFePO4 an toàn độ tin cậy cao, tuổi thọ dài và tấm Pin năng lượng mặt trời hiệu suất cao, cho phép thu năng lượng trong điều kiện ánh sáng yếu, kích thước nhỏ gọn, dễ lắp đặt, thi công
- Điều khiển tắt bật đèn theo cảm biến ánh sáng môi trường hoặc bằng Remote.
- Đèn hoạt động độc lập, không phụ thuộc đường dây điện nên dễ dàng lắp đặt ở những điểm đường xa, đèo dốc, hải đảo,... những nơi khó kéo điện lưới hoặc điện lưới không ổn định
- Không cần thi công lắp đặt dây điện giúp bảo tồn cảnh quan; an toàn, không bị điện giật
- Bảo vệ môi trường khi sử dụng năng lượng tái tạo, làm giảm khí thải và ô nhiễm không khí,...
- Thích nghi với điều kiện môi trường với chỉ số bảo vệ IP65, IK08 chống sự xâm nhập của nước và bụi hay thời tiết nắng mưa thất thường.

HIỆU QUẢ KINH TẾ

- Tiết kiệm điện năng, giảm chi phí vận hành và không mất chi phí tiền điện.

ỨNG DỤNG

- Đèn đường chiếu sáng cho các tuyến đường đô thị, đường giao thông chính, đường cao tốc, đường chính huyện, đường liên tỉnh, đường làng ngõ xóm, khu vực công cộng, khu vực thiếu hoặc không có điện lưới,..
- Đèn chiếu pha chiếu sáng công viên, quảng trường, sân vườn, địa điểm công cộng, biển quảng cáo,...

ĐÈN **LED CHIẾU PHA NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI**

CP02.SL.RF 30W



Công suất (W):	30
Quang thông (lm):	1200
Nhiệt độ màu (K):	3000/6500
Thời gian chiếu sáng (Giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP65
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/ Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2/15
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 20W
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	450x350x17

CP02.SL.RF 40W



Công suất (W):	40
Quang thông (lm):	1300
Nhiệt độ màu (K):	3000/6500
Thời gian chiếu sáng (Giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP65
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/ Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2/20
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 30W
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	610x350x17

CP03.SL 200W



Công suất (W):	200
Quang thông (lm):	1200
Nhiệt độ màu (K):	6500
Thời gian chiếu sáng (Giờ)	13 (Khi đèn hoạt động với chế độ cảm biến chuyển động radar)
Cấp bảo vệ:	IP66
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/ Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2/15
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 18W
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	400x350x17

CP02.SL.RF 70W



Công suất (W):	70
Quang thông (lm):	2000
Nhiệt độ màu (K):	3000/6500
Thời gian chiếu sáng (Giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP65
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/ Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2/30
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 50W
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	670x540x25

CP02.SL.RF 100W



Công suất (W):	100
Quang thông (lm):	3000
Nhiệt độ màu (K):	3000/6500
Thời gian chiếu sáng (Giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP65
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/ Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2/40
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 65W
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	760x670x30

CP02.SL.RF 150W



Công suất (W):	150
Quang thông (lm):	4000
Nhiệt độ màu (K):	3000/6500
Thời gian chiếu sáng (Giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP65
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/ Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2/60
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 90W
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	890x670x30

CP03.SL.RAD 200W.V2



Công suất (W):	200
Quang thông (lm):	1600
Nhiệt độ màu (K):	6500
Thời gian chiếu sáng (Giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP66
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/ Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/ Dung lượng (Ah):	3.2/ 18
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 20W
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	450x350x16

CP03.SL.RAD 300W.V2



Công suất (W):	300
Quang thông (lm):	2400
Nhiệt độ màu (K):	6500
Thời gian chiếu sáng (Giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP66
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/ Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/ Dung lượng (Ah):	3.2/ 30
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 35W
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	670x350x16

CP03.SL.RAD 400W.V2



Công suất (W):	400
Quang thông (lm):	3200
Nhiệt độ màu (K):	6500
Thời gian chiếu sáng (Giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP66
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/ Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/ Dung lượng (Ah):	9.6/ 12
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 50W
Điện áp (V):	12
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	670x535x16

CP03.SL.RAD 500W.V2



Công suất (W):	500
Quang thông (lm):	4500
Nhiệt độ màu (K):	6500
Thời gian chiếu sáng (Giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP66
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/ Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	9.6/18
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 60W
Điện áp (V):	12
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	670x640x16

CP05.SL.RF 350W



Công suất (W):	350
Quang thông (lm):	3500
Nhiệt độ màu (K):	3000/6500
Thời gian chiếu sáng (Giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP65
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/ Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2/35
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 35W
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	670x600x25

PHỤ KIỆN ĐÈN PHA NLMT



Dây nối dài tấm Solar DN 2mx0.75 CP NLMT 50W

Độ dài (m)	2
Tiết diện dây (mm)	2x0.75



Dây nối dài tấm Solar DN 3mx0.75 CP NLMT 50W

Độ dài (m)	
Tiết diện dây (mm)	2x0.75



ĐÈN **LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI**

CSD01.SL.RF 25W



Công suất (W):	25
Quang thông (lm):	2100
Nhiệt độ màu (K):	5000 / 6500
Thời gian chiếu sáng (Giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP66
Kích thước lỗ lắp cần đèn (mm)	60

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V) / Dung lượng (Ah):	3.2 / 20
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 25W
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	530x350x17

CSD01.SL.RF V2 30W



Công suất (W):	30
Quang thông (lm):	3200
Nhiệt độ màu (K):	5000/6500
Thời gian chiếu sáng (Giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP66
Kích thước lỗ lắp cần đèn (mm)	60

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2/50
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 65W
Điện áp (V):	5
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	670x532x30

CSD02.SL 70W



Công suất (W):	70
Quang thông (lm):	8000
Nhiệt độ màu (K):	5000/6500
Thời gian chiếu sáng (Giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP66
Kích thước lỗ lắp cần đèn (mm):	60

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	12.8/45
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Mono-crystalline 100W
Điện áp (V):	18
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	880x580x30

CSD02.SL 100W



Công suất (W):	100
Quang thông (lm):	10500
Nhiệt độ màu (K):	5000/6500
Thời gian chiếu sáng (Giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP66
Kích thước lỗ lắp cần đèn (mm):	60

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	12.8/54
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Mono-crystalline 130W
Điện áp (V):	18
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	1160x580x30

CSD02.SL 120W



Công suất (W):	120
Quang thông (lm):	12000
Nhiệt độ màu (K):	5000/6500
Thời gian chiếu sáng (Giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP66
Kích thước lỗ lắp cần đèn (mm):	60

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	12.8/54
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Mono-crystalline 170W
Điện áp (V):	18
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	1160x760x30

CSD05.SL.RF 100W.V2



Công suất (W):	100
Quang thông (lm):	1000
Nhiệt độ màu (K):	4000/5000/6500
Thời gian chiếu sáng (Giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP66
Kích thước lỗ lắp cần đèn (mm):	60
Tính năng	Cảm biến ánh sáng/Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2/15
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Mono-crystalline 20W
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	450x350x17

CSD05.SL.RF 200W.V2



Công suất (W):	200
Quang thông (lm):	2000
Nhiệt độ màu (K):	4000/5000/6500
Thời gian chiếu sáng (Giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP66
Kích thước lỗ lắp cần đèn (mm):	60
Tính năng	Cảm biến ánh sáng/Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2/25
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 30W
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	600x350x17

CSD05.SL.RF 200W



Công suất (W):	200
Quang thông (lm):	2000
Nhiệt độ màu (K):	4000/5000/6500
Thời gian chiếu sáng (Giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP66
Kích thước lỗ lắp cần đèn (mm):	60

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2/25
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 30W
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	600x350x17

CSD05.SL.RF 300W



Công suất (W):	300
Quang thông (lm):	3000
Nhiệt độ màu (K):	4000/5000/6500
Thời gian chiếu sáng (Giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP66
Kích thước lỗ lắp cần đèn (mm):	60

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2/30
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 35W
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	670x350x17

CSD05.SL.RF 300W.V2



Công suất (W):	300
Quang thông (lm):	3000
Nhiệt độ màu (K):	6500
Thời gian chiếu sáng (Giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP66
Kích thước lỗ lắp cần đèn (mm):	60
Tính năng	Cảm biến ánh sáng/Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2/30
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 35W
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	600x350x17

CSD05.SL.RF 400W.V2



Công suất (W):	400
Quang thông (lm):	4000
Nhiệt độ màu (K):	6500
Thời gian chiếu sáng (Giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP66
Kích thước lỗ lắp cần đèn (mm):	60
Tính năng	Cảm biến ánh sáng / Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V) / Dung lượng (Ah):	3.2 / 50
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 70W
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	760x500x25

CSD05.SL.RF 500W.V2



Công suất (W):	500
Quang thông (lm):	5000
Nhiệt độ màu (K):	6500
Thời gian chiếu sáng (Giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP66
Kích thước lỗ lắp cần đèn (mm):	60
Tính năng	Cảm biến ánh sáng / Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V) / Dung lượng (Ah):	3.2 / 65
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 70W
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>20
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	760x630x25

ĐÈN **LED CHIẾU SÁNG NGÕ XÓM NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI**

NX.SL.RAD 200W



Công suất (W):	200
Quang thông (lm):	1600
Nhiệt độ màu (K):	6500
Thời gian chiếu sáng (Giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP66
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/ Cảm biến chuyển động/ Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2/18
Tuổi thọ (năm	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 20W
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>10
Kích thước tấm solar(DxRxC) (mm):	600x350x16

NX.SL.RAD 300W



Công suất (W):	300
Quang thông (lm):	2400
Nhiệt độ màu (K):	6500
Thời gian chiếu sáng (Giờ)	12
Cấp bảo vệ:	IP66
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/ Cảm biến chuyển động/ Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2/18
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 35W
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>10
Kích thước tấm solar(DxRxC) (mm):	600x350x16

ĐÈN **ỐP TRẦN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI**

LN01.SL.RF 320/200W



Công suất (W):	200
Quang thông (lm):	1200
Nhiệt độ màu (K):	6500

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2/15

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 20W
Điện áp (V):	6
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	450x350x17

ĐÈN **CHIẾU SÁNG CẢNH QUAN**

DSV01.SL 2W



Công suất (W):	2
Góc chiếu:	Góc chùm tia
Nhiệt độ màu (K):	3000/6500
Thời gian chiếu sáng (Giờ)	12
Kích thước (ØxH) (mm):	185x550
Cấp bảo vệ:	IP65

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3,2/2

DSV01.SL 3W



Công suất (W):	3
Góc chiếu:	90 D
Nhiệt độ màu (K):	3000
Thời gian chiếu sáng (Giờ)	24
Kích thước (ØxWxH) (mm):	60x100x600
Cấp bảo vệ:	IP65

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3,7/2,6

RD-DSV2204



Công suất (W):	3
Góc chiếu:	Góc chùm tia
Nhiệt độ màu (K):	3000/6500
Thời gian chiếu sáng (Giờ)	12
Kích thước (ØxH) (mm):	260x250
Cấp bảo vệ:	IP65

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3,2/8

BỘ LƯU ĐIỆN **NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI**

LD01.SL/5W



Công suất (W):	5
Quang thông (lm):	250
Nhiệt độ màu (K):	6500
Thời gian chiếu sáng (Giờ):	>16
Kích thước (DxRxC) (mm):	160x106x175

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2/13
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline
Điện áp (V):	5
Tuổi thọ (năm):	>20

LD01.SL/160Wh



Công suất (W):	160
Quang thông (lm):	350
Nhiệt độ màu (K):	6500
Thời gian chiếu sáng (Giờ):	12
Kích thước (DxRxC) (mm):	195x102x200

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	12.8/12
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 18V/ 20W
Điện áp (V):	18
Tuổi thọ (năm):	>20

BỘ SẠC ĐIỆN **CHO ẮC QUY NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI**

SA01.SL 200W



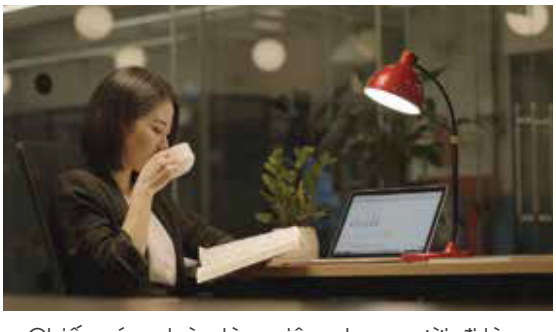
Điện áp ắc quy (V):	12/24 (Tự động nhận dạng)
Dòng sạc danh định (A):	20
Dòng xả danh định (A):	20
Cổng ra USB (V/A):	5/2
Áp tô mát bảo vệ:	2 chiếc
Kích thước bộ sạc (DxRxC) (mm)	187x90x47
Kích thước tấm solar (DxRxC) (mm):	1580x670x35
Công nghệ tấm pin năng lượng mặt trời:	Mono crystalline 320V/200W

NHÓM SẢN PHẨM

ĐÈN BÀN LED BẢO VỆ THỊ LỰC



Chiếu sáng bàn học cho học sinh



Chiếu sáng bàn làm việc cho người đi làm



Chiếu sáng cho sinh viên



Sản phẩm quà tặng

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Ánh sáng không nhấp nháy, tập trung chiếu xuống bàn làm việc, không chiếu trực tiếp vào mắt người tạo cảm giác tiện nghi và thoải mái
- Tuổi thọ cao 15000 giờ - 30000 giờ, độ tin cậy cao, không hạn chế số lần bật tắt.
- Chất lượng ánh sáng cao (CRI ≥ 80), ánh sáng trung thực tự nhiên tăng khả năng nhận diện màu sắc của vật được chiếu sáng (Đáp ứng Tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114:2008)
- Độ rọi trung bình trên bàn học ≥ 500 lux, đảm bảo ánh sáng trên bàn học, bảo vệ thị lực
- Thiết kế sang trọng, màu sắc trang nhã, lịch sự
- Kết cấu linh hoạt, dễ điều chỉnh góc chiếu sáng
- Tích hợp cảm ứng điều chỉnh màu sắc & cường độ ánh sáng theo mục đích sử dụng
- Giảm áp lực phân biệt màu sắc lên mắt. Giảm mệt mỏi căng thẳng khi học nhiều.

ỨNG DỤNG

- Đèn bàn bảo vệ thị lực cho học sinh, sinh viên, người đi làm,…
- Sản phẩm quà tặng ý nghĩa

ĐÈN BÀN LED CẢM ỨNG **BẢO VỆ THỊ LỰC**

RD-RL-20V2 6W



RD-RL-21 6W



RD-RL-36 6W



RD-RL-38.PLUS 6W



RD-RL-41 6W



RD-RL-45 6W



RD-RL-46 6W



RD-RL-48 6W



RD-RL-60 8W



RD-RL-68 12W



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Dòng điện Max	Độ rọi	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ
	W	V	A	Lux	K		Giờ
RD-RL-20V2 8W	8	150÷250	0.11	1200	3000 ÷ 6500	95	25000
RD-RL-21 8W	8	150÷250	0.11	1200	3000 ÷ 6500	95	25000
RD-RL-36 8W	8	150÷250	0.11	1200	3000 ÷ 6500	95	25000
RD-RL-38.PLUS 6W	6	150÷250	0.08	700	2400 ÷ 6000	97	25000
RD-RL-41 8W	8	150÷250	0.11	1200	3000÷6500	90	25000
RD-RL-45 8W	8	150÷250	0.11	1200	3000÷6500	95	25000
RD-RL-46 8W	8	150÷250	0.11	1200	3000÷6500	95	25000
RD-RL-48 6W	6	150÷250	0.09	>750	3000÷6500	80	20000
RD-RL-60 8W	8	150÷250	0.1	700	3000÷6500	97	25000
RD-RL-68 12W	12	150÷250	0.15	900	2700÷6500	97	25000

ĐÈN BÀN LED **BẢO VỆ THỊ LỰC**

RD-RL-01.V2 5W



RD-RL-16 5W



RD-RL-19 5W



RD-RL-24.V2 5W



RD-RL-25 5W



RD-RL-26 5W



RD-RL-27.V2 5W



RD-RL-32 5W



RD-RL-38 6W



Model	Công suất	Điện áp hoạt động	Dòng điện Max	Độ rọi	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ
	W	V	A	Lux	K		Giờ
RD-RL-01.V2 5W	5	150÷250	0.07	700	3000/6500	80	20.000
RD-RL-16 5W	5	220	0.07	650	3000/6500	80	15.000
RD-RL-19 5W	5	220	0.07	600	3000/6500	80	15.000
RD-RL-24.V2 5W	5	220	0.075	700	3000/6500	80	20.000
RD-RL-25 5W	5	220	0.043	700	3000/6500	80	20.000
RD-RL-26 5W	5	220	0.043	700	3000/6500	80	20.000
RD-RL-27.V2 5W	5	220	0.075	700	3000/6500	80	20.000
RD-RL-32 5W	5	220	0.06	700	3000/6500	80	20.000
RD-RL-38 6W	6	220	0.08	500	4000/6500	97	15.000

CRI95

ÁNH SÁNG TỰ NHIÊN ĐÔI MẮT KHỎE MẠNH



ÁNH SÁNG CHÂN THỰC, HIỂN THỊ MÀU SẮC RÕ NÉT

Rạng Đông sản xuất những chiếc đèn với chỉ số CRI lên đến 95 – gần tương đương với độ hoàn màu của ánh sáng tự nhiên - phản ánh màu sắc rõ nét, trung thực gần như tuyệt đối.



Ánh sáng bảo vệ mắt
+ Không tia UV
+ Không ánh sáng xanh có hại

12 năm sử dụng *(*)*
Giảm rác thải ra môi trường
(*) Thời gian trung bình học 6h/ngày

Tiết kiệm năng lượng
+ Chip LED hiệu suất sáng cao
+ 3 cấp ánh sáng

ĐÈN BÀN LED **BẢO VỆ THỊ LỰC CRI 95**

RD-RL-20.V2 8W



RD-RL-21 8W



RD-RL-36 8W



RD-RL-45 8W



RD-RL-46 8W



Model	Công suất	Điện áp hoạt động	Dòng điện Max	Độ rọi	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ
	W	V	A	Lux	K		Giờ
RD-RL-20.V2 8W	8	150÷250	0.11	>1200	3000÷6500	95	25.000
RD-RL-21 8W	8	150÷250	0.11	>1200	3000÷6500	95	25.000
RD-RL-36 8W	8	150÷250	0.11	>1200	3000÷6500	95	25.000
RD-RL-45 8W	8	150÷250	0.11	>1200	3000÷6500	95	25.000
RD-RL-46 8W	8	150÷250	0.11	>1200	3000÷6500	95	25.000

CHỨNG CHỈ VÀ CHỨNG NHẬN



TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP (QUACERT)

GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận Hệ thống Quản lý Chất lượng của
CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG

Địa điểm áp dụng:
1. Trụ sở chính - Cơ sở sản xuất 1: Số 87-89 phố Hạ Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam
2. Cơ sở sản xuất 2: Khu công nghiệp Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

đã được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn
TCVN ISO 9001:2015/ ISO 9001:2015

Phạm vi được chứng nhận: Thiết kế, sản xuất và cung cấp sản phẩm chiếu sáng LED, thiết bị chiếu sáng, thiết bị điều khiển, thiết bị chiếu sáng thu phát vô tuyến điện và phích nước.

Số Giấy chứng nhận: HT 263/7.20.19

Hiệu lực Giấy chứng nhận: từ ngày 28/05/2020 đến ngày 11/07/2021

Ngày chứng nhận lần đầu: 08/12/2001

Ths. Trần Văn Vinh — TS. Phạm Hồng — Ths. Phạm Lê Cường

QUACERT - 8 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam.

CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
TCVN ISO9001:2015/ISO 9001:2015



TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP (QUACERT)

GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận Hệ thống Quản lý Môi trường của
CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG

Địa chỉ: Số 87-89 phố Hạ Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

đã được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn
TCVN ISO 14001:2015 / ISO 14001:2015

Phạm vi được chứng nhận: Sản xuất sản phẩm nguồn sáng (LED, CFL, FL) và thiết bị chiếu sáng

Số Giấy chứng nhận: MT 249/2.19.24

Hiệu lực Giấy chứng nhận: từ ngày 21/06/2019 đến ngày 20/06/2022

Ths. Trần Văn Vinh — TS. Phạm Hồng — Ths. Phạm Lê Cường

QUACERT - 8 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam.

CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG
TCVN ISO 14001:2015/ISO 14001:2015



TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP (QUACERT)

GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận Hệ thống Quản lý Năng lượng của
CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG

Trụ sở chính: Số 87- 89 phố Hạ Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam
Cơ sở sản xuất 1: Số 87- 89 phố Hạ Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam
Cơ sở sản xuất 2: Khu công nghiệp Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

đã được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn
ISO 50001:2011

Phạm vi được chứng nhận: Sản xuất sản phẩm bóng đèn LED và Thiết bị chiếu sáng LED, bóng đèn CFL, FL và Phích nước;
Ranh giới: Trụ sở chính, Cơ sở sản xuất 1 và Cơ sở sản xuất 2

Số Giấy chứng nhận: NL 020.18.19

Hiệu lực Giấy chứng nhận: từ ngày 04/04/2018 đến ngày 03/04/2021

Ngày chứng nhận lần đầu: 04/04/2018

Ths. Trần Văn Vinh — TS. Phạm Hồng — Ths. Phạm Lê Cường

QUACERT - 8 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam.

CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ NĂNG LƯỢNG
ISO 50001:2011



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

MINISTRY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
BUREAU OF ACCREDITATION (BoA)

Member of ILAC/APAC MRA

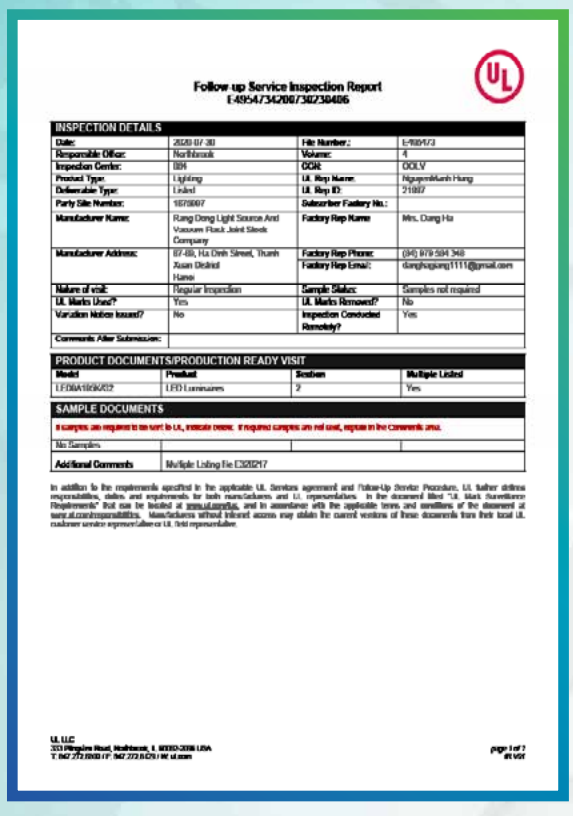
CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN
Certificate of Accreditation

Phòng thí nghiệm:
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN CHIẾU SÁNG
CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG
Laboratory:
LIGHTING RESEARCH AND DEVELOPMENT CENTER
RANG DONG LIGHT SOURCE AND VACUUM FLASK JOINT STOCK COMPANY
Địa điểm PTN/ Lab location:
87-89 phố Hạ Đình, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội
đã được đánh giá và phù hợp các yêu cầu của
has been assessed and found to conform with the requirements of
ISO/IEC 17025:2017
Lĩnh vực công nhận
Field of Accreditation
ĐIỆN – ĐIỆN TỬ
Electrical - electronic
Mã số
Accreditation No
VILAS 126

GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG
(Director of Bureau of Accreditation)
VŨ XUÂN THUỶ

Ngày/ Date of Issue: 08/06/2020 (Annex of decision: 513.2020/QĐ-VPCNCL date 08/06/2020)
Hiệu lực công nhận/ Period of validation: up to 05/01/2022
Hiệu lực lần đầu/ Beginning of accreditation: 07/11/2003

CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN
VILAS 126



Follow up Service Inspection Report
E495473420B7302304O6

INSPECTION DETAILS			
Date:	2020-07-20	File Number:	E495473
Responsible Officer:	Northbrook	Volume:	4
Inspection Center:	IBH	CCN:	OOLV
Product Type:	Lighting	UL Rep Name:	NguyenMinh Hung
Deliverable Type:	Listed	UL Rep ID:	21887
Party Site Number:	1670007	Subscriber Factory No.:	
Manufacturer Name:	Rang Dong Light Source And Vacuum Flask Joint Stock Company	Factory Rep Name	Mrs. Dang Ha
Manufacturer Address:	87-89, Ha Dinh Street, Thanh Xuan District Hanoi	Factory Rep Phone:	(84) 979 594 348
		Factory Rep Email:	dangha.rgvg1111@gmail.com
Nature of visit:	Regular Inspection	Sample Status:	Samples not required
UL Marks Used?	Yes	UL Marks Removed?	No
Variation Notice Issued?	No	Inspection Conducted Remotely?	Yes
Comments After Submission:			

PRODUCT DOCUMENTS/PRODUCTION READY VISIT			
Model	Product	Section	Multiple Listed
LEDMA1808U2	LED Luminaires	2	Yes

SAMPLE DOCUMENTS			
If samples are required to be sent to UL, indicate below. If required samples are not listed, explain in the Comments area.			
No Samples			
Additional Comments	Multiple Listing File E328217		

In addition to the requirements specified in the applicable UL Services agreement and Follow-Up Service Procedure, UL further defines responsibilities, duties and requirements for both manufacturers and UL representatives. In the document titled "UL Mark Surveillance Requirements" that can be located at www.ul.com/fus, and in accordance with the applicable terms and conditions of the document at www.ul.com/responsibilities. Manufacturers without Internet access may obtain the current versions of these documents from their local UL customer service representative or UL field representative.

UL LLC
333 Pfingsten Road, Northbrook, IL 60062-2096 USA
T (847) 272-8800 | F (847) 272-8129 | W ul.com

page 1 of 7
01 UST



SZUTEST

CE

CERTIFICATE OF COMPLIANCE

The technical file and test reports of the following product have been checked and found in compliance with the Parliament and Council Directive 2014/35/EU of 26 February 2014 on the harmonization of the laws of Member States relating to electrical equipment designed for use within certain voltage limits .

Certificate Number: OSE-18-050701

Applicant: RANG DONG LIGHT SOURCE & VACUUM FLASK JOINT STOCK COMPANY
87-89, Ha Dinh Street, Thanh Xuan District, Hanoi, Vietnam

Manufacturer: RANG DONG LIGHT SOURCE & VACUUM FLASK JOINT STOCK COMPANY
87-89, Ha Dinh Street, Thanh Xuan District, Hanoi, Vietnam

Product: LED BULB

Type: LED A60N1/7W, LED A60N1/9W, LED ATON1/12W, LED A60N1/15W

Base of attestation: File of technical documentation No. VN-20138386-A1

Applied Standards: EN 62560:2012

Validity: 10.05.2018-9.05.2023

* This Certificate of compliance is issued on a voluntary basis according to Council Directive 2014/35/EU of 26 February 2014 on the harmonization of the laws of Member States relating to electrical equipment designed for use within certain voltage limits concerns essential health and safety requirements of the directive. The referred technical file(s) is reviewed and attested with presumption of compliance with the essential requirements listed EU Directive(s) above. This attestation does not abrogate the compulsory obligation of the manufacturer to issue the declaration of conformity.

CE

Dept. Manager

1/1

SZUTEST UYGUNLUK DEĞERLENDİRME A.Ş.
Szutest.com.tr



방송통신기자재등의 적합등록 필증

Registration of Broadcasting and Communication Equipments

상호 또는 성명 Trade Name or Applicant	Rang Dong Light Source and Vacuum Flask Joint Stock Company
기자재명칭(제품명칭) Equipment Name	LED등기구(조명용)
기본모델명 Basic Model Number	D LN03L 320/20W 6500K
파생모델명 Series Model Number	D LN03L 320/20W 3000K
등록번호 Registration No.	R-REM-RSV-DLN03L32020W
제조자/제조(조립)국가 Manufacturer/Country of Origin	Rang Dong Light Source and Vacuum Flask Joint Stock Company / 베트남
등록연월일 Date of Registration	2018-01-05
기타 Others	

이 기자재는 「전파법」 제58조의2 제1항에 따라 등록되었음을 증명합니다.
It is verified that foregoing equipment has been registered under the Clause 3, Article 58-2 of Radio Waves Act.

2018년(Year) 01월(Month) 05일(Day)

국립전파연구원장

Director General of National Radio Research Agency



intertek
Total Quality Assured.

FOLLOW-UP SERVICE
INSPECTION REPORT

Manufacturer: RANG DONG LIGHT SOURCE AND VACUUM FLASK JOINT STOCK COMPANY

Order Numer: 5016760

Date: 25-Sep-2020

This report is for the exclusive use of Intertek's Client and is provided pursuant to the Certification Agreement between Intertek and its Client. Intertek's responsibility and liability are limited to the terms and conditions of the agreement. Intertek assumes no liability to any party, other than to the Client in accordance with the agreement, for any loss, expense or damage occasioned by the use of this report. Only the Client is authorized to permit copying or distribution of this report and then only in its entirety. Any use of the Intertek name or one of its marks for the sale or advertisement of the tested/tested material, product or service must first be approved in writing by Intertek. This report by itself does not demonstrate that the material, product, or service is, or has ever been, eligible to bear an Intertek certification mark. Initial Factory Assessments and Follow up services are for the purpose of securing appropriate usage of the Certification mark in accordance with the agreement, they are not for the purposes of production quality control and do not relieve the Client of their obligations in this respect

UL CE KC

ilac-MRA BUREAU OF ACCREDITATION VIETNAM
VILAS 126

CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG

Trụ sở chính:
Địa chỉ: 87-89 Phố Hạ Đình, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.
ĐT: 024 3 8584310/3 8584165
Fax: 024 3 8585038
www.rangdong.com.vn

Cơ sở 2:
KCN Quế Võ, Bắc Ninh
ĐT: 0222 3 617398
Fax: 0222 3 617397